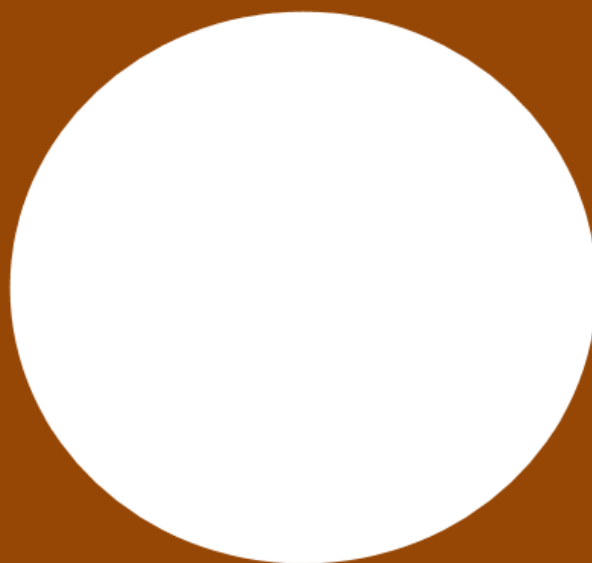


VIỆT NAM VĂN HIẾN

NĂM THỨ 4865



**CUỘC CHIẾN ĐẤU CHO MỘT NƯỚC
VIỆT NAM VĂN HIẾN**

TẬP HỢP NGƯỜI DÂN BÌNH THƯỜNG PHÁT HÀNH

**Kính dâng:
Liệt vị Quốc Tổ,
Minh quân, Văn
Thánh,
Anh hùng, Nghĩa sĩ.**

**Kính Tặng:
Đồng bào đang
chiến đấu
cho Tự do và Tự
chủ.**

CUỘC CHIẾN ĐẤU CHO MỘT NƯỚC VIỆT-NAM VĂN-HIẾN

**In lần thứ nhất năm 1986
Tái bản với phân tu bổ năm 1991
Tập Hợp Đồng Tâm
Cơ Sở Bất Khuất Ấn Hành**

**Tập Hợp Người Dân Bình Thường
Phát Hành
<http://nguoidanbinhthuong.org>**

Nội Dung

Phần I: Lời Mở Đầu

Chương I - Một Nước Việt Nam Văn Hiến
Cho Dân Tộc Việt Nam Văn Hiến

Chương II - Gánh Nặng Đường Xa...

Phần II: Tâm Vấn

Chương I - Xác Tín

Chương II - Quan Niệm Hành Động

Chương III - PHỤC VẤN: Đạo sống Việt

Chương IV - PHỤC HIẾN: Dân Tộc Văn Hiến

Chương V - PHỤC CHÍNH: Văn trị hòa đối, kinh tế an vi

Chương VI - PHỤC NHÂN: Xã hội Nhân chủ

PHỤ LỤC:

BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO- Nguyên bản Hán văn của danh thần Nguyễn Trãi triều Lê. Bản dịch của cụ Bùi Kỳ.

PHẦN I

LỜI MỞ ĐẦU

Năm 1428, sau cuộc chiến thắng oanh liệt của dân tộc ta dưới ngọn cờ đại nghĩa của Đức Lê Lợi đánh đuổi quân xâm lược nhà Minh ra khỏi bờ cõi, người anh hùng áo vải đất Lam-sơn được tôn lên làm vua tức vua Lê Thái-Tổ. Ngài bèn cử ông Nguyễn Trãi (1380- 1442) làm bài "**Bình Ngô Đại cáo**" để nêu cao chính nghĩa Tự chủ của dân-tộc. Bài Đại cáo ấy là một áng văn tuyệt tác, được coi là bản "thiên cổ hùng văn" của nước ta, là một trong những bản Tuyên-ngôn Tự chủ, và cũng là một tài liệu lịch sử vô cùng quý giá. Đoạn mở đầu bài Đại cáo viết:

Như ngã Đại Việt chi quốc.
Thực duy **Văn Hiến** chi bang.
Sơn xuyên chi phong vực ký thù.
Nam Bắc chi phong tục dị dị...

Được dịch ra quốc văn như sau :

Như nước Việt ta từ trước
Vốn xưng **Văn Hiến** đã lâu
Sơn hà cương vực đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác....
(Bản dịch của Bùi Kỳ)

Chữ "**Văn hiến**" vốn có từ ngàn xưa trong ngôn ngữ của các Dân tộc Á đông, nhưng ngoài dân tộc Việt nam chúng ta, dường như chưa có một quốc gia nào đề xướng nó như một thứ **Hiên chương lập quốc**. Thật vậy, người Việt Nam vốn tự tin ở nền văn-hiến lâu đời của dân-tộc mình. Niềm tự tin ấy đã biến "**Bốn ngàn năm văn hiến**" thành tiếng reo vui rạng rỡ nhất, trong sáng nhất và vinh quang nhất của cả một dân tộc.

Chữ "**Văn hiến**" có nghĩa là gì ?

Theo nghĩa cổ, một nước văn-hiến (Văn-hiến chi bang) là một quốc gia có pháp chế, kỷ cương, có thuần phong mỹ tục (văn) và có những người hiền đức (hiến). Chữ Văn-hiến như vậy bao gồm cả người và nếp sống con người. Nếp sống Văn hiến vốn là nếp sống Văn minh; nhưng xét kỹ mới thấy nếp văn minh ấy đã được thể hiện cả ở ngoài con người (pháp chế, kỷ cương, thuần phong mỹ tục...) lẫn ở trong con người (người hiền đức) . Nói khác đi, văn hiến bao gồm cả nền văn minh ứng dụng (ngoài con người) lẫn nền văn minh đạo học (trong con người) . Thuật ứng dụng thuộc về kỹ thuật, thì ngày một tiến bộ và phát triển nhưng "đạo" thì từ cổ chí kim vốn không khác; cho nên nền văn minh văn hiến không phải chỉ được biểu trưng bằng sự tiến bộ của kỹ thuật, nó còn có những giá trị không bao giờ biến đổi. Hiểu theo nghĩa ấy thì "văn-hiến" chính là một nền văn minh tổng hợp và trọn vẹn của loài người xưa cũng như nay, nghĩa là trong mọi thời đại. Trong thời buổi suy vi điên đảo, người ta thường chỉ nhận thức nếp sống văn minh là một nếp sống tiến bộ, vô tình đã lãng quên những giá trị bất biến của cuộc sống.

Theo một vài tác giả. chữ "Hiến" còn có nghĩa là hiến dâng, nghĩa rất bình thường và có lẽ chẳng có gì sâu sắc lắm. Nếu ta tạm hiểu chữ "Hiến" theo nghĩa ấy thì nền "Văn-hiến" của một dân tộc chắc hẳn phải có ý nghĩa gì khác hơn là một nếp sống, ở đây con người chỉ biết mòn đời hiến dâng cho văn-chương chữ nghĩa. Vậy phải chăng "hiến" ấy là hiến dâng cho văn-minh loài người? Có như thế thì "Bốn ngàn năm văn-hiến" mới là niềm hãnh diện lớn lao nhất, là tiếng reo vui vinh quang nhất của dân tộc Việt Nam. Cả một dân-tộc biết hiến dâng bao nhiêu thế kỷ nỗ lực cho lẽ sống văn minh; cho nên nếp sống văn hiến ấy đã trở thành gốc nền chính trị minh triết của dân tộc Việt chúng ta.

Dù hiểu theo nghĩa nào thì "văn hiến" cũng là nền tảng sinh tồn đã có từ mấy ngàn năm trong nếp sống Việt-nam . Chúng ta thường gọi đó là "Nền văn hiến" tức là nền văn trị làm sáng tỏ đạo Nhân, để phân biệt với các nền võ trị lấy sức mạnh làm lẽ sinh tồn, lấy gông cùm chuồng cũi làm phương tiện thống trị; hoặc cũng để phân biệt với các nền pháp trị cực đoan lấy những phán quyết lạnh lùng của lẽ công bằng về quyền và lợi rèn lưỡi gươm công lý.

Về phương diện chính trị, thế giới ngày nay lấy tinh thần dân chủ pháp trị làm nền tảng xây dựng quốc gia. Trong khi đó nhiều chế độ lạc hậu vẫn bảo thủ và phát triển nền độc tài võ trị và lại có những quốc gia trong tình trạng chậm tiến vẫn phải chấp nhận một sự hoà

trộn giữa tinh thần pháp trị và những phương tiện võ trị . Điều đáng tiếc là đạo văn trị sáng ngời nhân tính thì dường như không còn ai biết đến hoặc nói đến.

Trong cuộc sống văn hóa, nhân loại đề cao nếp sống văn minh , nhưng như trên đã đề cập, nếp sống văn minh ấy chưa được nhận thức một cách chính xác, chữ "**Văn hiến**" không có trong ngôn ngữ phổ thông, nên có thể nói thế-giới chưa có "**mô thức**" rõ rệt cho một nền văn minh trọn vẹn. Văn hoá được định nghĩa toàn bộ những giá sản thừa kế của một dân tộc và được cả dân tộc cùng tự ý thừa nhận nên đã trở thành nếp sống. Còn văn minh thì được coi như sự phát triển văn hoá của những dân tộc tiến bộ nhất. Nếu hỏi rằng thế nào là một dân tộc tiến bộ ? chắc hẳn mỗi người sẽ có thể hiểu theo một cách.

Chữ "**Nền văn minh**" tiếng Anh viết là "**civilization**" (chữ civil ở đây gốc ở chữ civis có nghĩa là thị dân, tức là dân chúng sống nơi đô thị có những phương tiện sinh sống tiến bộ hơn dân chúng sống ở thôn quê). Chữ "**văn minh**" của Tây phương chỉ rõ nếp sống thị thành. Ai cũng biết phương tiện sống nơi đô thị chắc chắn tiến bộ hơn ở thôn quê, nhưng cách sống thì chưa hẳn đã hoàn toàn tốt đẹp.

Văn minh hay "**Lẽ sáng**" là vốn liếng sinh tồn của loài người. Ai cũng chuộng cái văn minh, thế nhưng trong cái vốn văn minh ấy cũng có thứ văn minh được gọi là "**nhân bản**" và cũng có thứ văn minh nên gọi là "**vật bản**". Loài người nếu biết hiến dâng những công lao và thành quả của cuộc sinh tồn cho nền văn minh nhân bản thì mới đáng gọi là "**văn hiến**"; còn nếu chỉ biết hiến dâng đời mình cho nếp sống tiện nghi vật chất thì chỉ đáng gọi là "**vật hiến**" mà thôi. Vậy văn hiến chính là một nền văn minh tổng hợp và trọn vẹn: văn minh kỹ thuật lưu hành ngoài con người và văn minh đạo học thể hiện trong con người.

Vì những lợi ích thiết thực, chữ "**văn-hiến**" và danh xưng "**Nước Việt-Nam Văn-hiến**" có nên và có thể dịch ra Anh ngữ hoặc những ngôn ngữ khác được không? Chúng tôi thành thật xin được các bậc cao minh chỉ giáo.

Thế kỷ 20 là thế kỷ vượt tiến của nền văn minh kỹ thuật, là thế kỷ ưu thắng của nền dân chủ pháp trị theo quan niệm và lẽ lối Tây phương; chúng ta học hỏi và được thừa hưởng những tiến bộ vượt bậc của thế giới; nhưng trong cuộc hành trình ấy người Việt Nam vẫn

cần phải giữ lấy cái gốc nhân bản cổ truyền; nền văn minh Việt Nam cũng như nền chính trị Việt cần phải được soi sáng dưới tinh thần văn hiến Việt, ta mới không biến thành một thứ chư hầu lệ thuộc văn hoá duy lý Tây phương, mà dựng cờ Tự chủ.

Nhân nói tới hai chữ "**văn hiến**" chúng ta hãy lắng tâm để hoà mình với những âm hưởng xa xưa của nền văn hiến vẻ vang ấy... Huyền sử thuật rằng khoảng trên dưới năm ngàn năm xưa, vua Đế Minh là cháu ba đời vua Thần Nông, nhân đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh gặp bà Vụ tiên, hai người kết duyên sinh ra Lộc Tục. Lộc Tục sau làm vua ở phương Nam, tức là về phía nam sông Dương Tử, lấy sông Kinh và sông Dương làm ranh giới với phương Bắc; nhân đó xưng hiệu là Kinh Dương Vương, đặt tên nước là Xích Quỷ (là tên một vì sao trong nhị thập bát tú, đóng ở phương Nam, hành hoả, sắc đỏ). Vua Kinh Dương Vương kết duyên cùng bà Long Nữ ở Động Đình Hồ, sinh ra Sùng Lãm tức là Đức Lạc Long Quân, ông tổ của Bách Việt.

Lạc Long Quân là con bà Rồng (Bà Long Nữ ở Động Đình Hồ) và là cháu bà Tiên (Bà Vụ Tiên ở núi Ngũ Lĩnh). Thời xưa theo mẫu hệ nên con cháu vua Lạc Long tự nhận mình là con Rồng cháu Tiên để dễ ghi nhớ nguồn gốc.

Lạc Long Quân sáng lập Bách Việt; Trăm Việt phải liên miên đương đầu với các thế lực du mục võ trị từ phương Bắc tràn xuống xâm lăng, gây cảnh cá lớn nuốt cá bé. Dòng Lạc Việt lập nước Văn Lang ở phương Nam, là phương hướng tác hành của Hoả đức, lấy họ là Hồng Bàng, đổi mẫu hệ thành phụ hệ (gọi là phụ đạo) để lấy sức nam nhi chống giặc ngoại xâm; nhưng dựng nền văn hiến để giữ gìn đạo Nhân, khởi xướng văn-trị. Các vị Lạc Vương dòng Lạc Việt đều xưng vương hiệu là Hùng Vương, truy hiệu Tổ Kinh Dương Vương là Hùng Dương, Tổ Lạc Long Quân là Hùng Hiền. Người Việt thờ cúng Tổ tiên, tôn xưng mười tám vị Thánh vương đời Hùng là Tộc tổ và Quốc tổ, lại nhận mình là con Hồng cháu Lạc (tức là con họ Hồng Bàng, cháu nội họ Lạc Long).

Huyền thoại kể rằng : Lạc Long Quân kết duyên với bà Âu Cơ, sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra trăm con, nhân đó mới sáng lập Bách Việt . Ngài đem thuần phong mỹ tục dạy dân, trăm họ được yên ổn. Lạc Long Quân lại thường hay du ngoạn thuỷ phủ, nhưng dân hễ có việc nguy biến thì gọi " Bố ơi ! đi đàng nào không về cứu chúng con! "

tức thì uy linh cảm ứng, Lạc Long Quân lập tức về ngay. Ngày kia, nhân luận bàn về nghĩa hợp tan, Lạc Long Quân bảo bà Âu Cơ rằng:

- Ta là loài Rồng, sinh trưởng ở Thủy phủ; nàng là giống Tiên, người ở trên núi; thủy hoả phân biệt, khó mà cùng nhau trường cửu. Nay nàng hãy đem 50 con lên núi, còn 50 con theo ta xuống biển... Lại dặn rằng tuy vậy khi có việc gì thì cùng nghe không được bỏ nhau (nhân đó truyền đạo sống Tiên Rồng) và dặn các con khi gặp nguy biến thì gọi to lên:

- Bố ơi ! ở đâu về cứu chúng con !

Đời Hùng Vương thứ sáu, giặc Ân từ phương Bắc xâm lăng nước Văn Lang ta. Dân tình lầm than tàn hại. Quân triều chống không nổi giặc, thế cùng vua Hùng mới lập đàn cầu Tổ Lạc Long về cứu. Đức Quốc Tổ liền hiện thân thành một cụ già áo đỏ (tượng trưng hoả đức) chơi đùa cùng đám con nít bên đường. Vua ngự qua, biết chẳng phải người thường, bèn xuống ngựa bước tới đánh lễ thỉnh cầu Ngài dậy việc cứu nước. Đức Quốc Tổ dậy nhà vua hãy sai sứ đi khắp nơi tìm người hiền giúp nước... Sứ giả một ngày kia đi đến làng Phù Đổng thì có một cậu bé lên ba từ lúc sinh ra chưa biết nói chưa biết cười, bỗng mở lời xin vua ban cho ngựa sắt roi sắt để đi đánh giặc. Sứ kinh dị nhưng cũng y lời trở về tâu vua. Vua sai đức ngựa sắt roi sắt ban cho. Cậu bé Phù Đổng bèn vươn vai nhảy lên ngựa sắt, cầm roi sắt xông vào trận giặc. Đánh mãi roi sắt phải gãy, người bèn nhổ những khóm tre sẵn mọc bên đường thay khí giới mà đánh tan giặc Ân. Từ đấy nước lại thanh bình.

Lại kể rằng: Dân Văn Lang ở rừng núi xuống sông ngòi đánh cá thường bị thủy quái làm hại. Vua Hùng dạy:

- Ta là giống Rồng, cùng với loài thủy tộc có khác. Bọn chúng ưa đồng mà ghét dị nên mới xâm hại...

Nhân đó dạy dân tục vẽ mình. Nhờ hiểu lời dạy vẽ mình nên dân ta mới không bị hoạ cá lớn phương Bắc nuốt sống, đồng hoá tiêu diệt trong suốt một ngàn năm Bắc thuộc

Thế kỷ 19, 20 nước ta lại bị giặc phương Tây xâm lăng, ngót một trăm năm chịu cảnh đô hộ nhục nhã. Con cháu vì lâu ngày quên mất lời Tổ dạy; có người cầu Tổ Mác Lê về cứu nước, có người lại giao nước cho ngoại bang giữ hộ. Do đó nước mất nhà tan, dân phải bỏ

nước mà đi, còn lại 50 triệu người phải vẽ mình sống với loài thủy quái ưa đồng ghét dị.

- Sao không ai nhớ lời Quốc Tổ mà gọi to lên : Bồ ơi! ở đâu về cứu chúng con!

Việt lịch Văn hiến năm thứ 4864
Ngày Rằm tháng Bảy năm Giáp-tý
(Tháng 9 năm 1985).
Người Ghi Chép

Vũ Thanh Thư

CHÚ THÍCH:

* Chữ Văn hiến có lẽ đã xuất hiện đầu tiên trong sách Luận Ngữ Thiên "**bát dật**" (chương tám) của sách này viết:
"Thầy nói: Lễ nghi của triều Hạ, ta có thể nói được; (lễ nghi) nước Kỳ đông đủ để trưng dẫn. Lễ nghi của triều Ân, ta có thể nói được; (lễ nghi nước Tống không đủ để trưng dẫn. Sở dĩ vậy là vì Văn Hiến (của hai nước này) không đủ; nếu đủ ta có thể trưng dẫn rồi !"

Chú thích hai chữ văn hiến trong đoạn trên đây, Chu Hi (1130-1200) - triết gia triều Nam Tống (1127-1279) đã viết như sau:
"**Văn, điển tịch dã; Hiến, hiền dã!**" (Văn là định chế, phép tắc, hiến là người hiền tài).

Các từ điển nổi tiếng của Trung Hoa sau này như "Từ Nguyên, TỪ HẢI"... đều theo định nghĩa trên đây của Chu Hi.
(Chú thích của Minh Di)

CHƯƠNG I

MỘT NƯỚC VIỆT NAM VĂN HIẾN CHO DÂN TỘC VIỆT NAM VĂN HIẾN

Trên bản đồ thế giới, Việt Nam là quốc gia ở vị trí cực nam đối với hai khối đế quốc khổng lồ Nga Hoa, và là phần đất ở viễn đông đối với khối Tây phương. Ở vào vị trí ấy, Việt Nam được thừa hưởng tinh thần học thuật phong phú của Đông phương và là ải địa đầu tiếp nhận tinh hoa của nền văn hóa từ Tây phương đem lại. Nhưng đồng thời, theo lý giải đông phương, Việt Nam tất phải chịu trọn vẹn những thử thách trước sức mạnh tràn ngập của phương Bắc (hành thủy) cùng với khuynh hướng bành trướng của Tây phương (hành kim) . Lịch sử đã chứng minh điều này bằng những sự kiện thực tế.

Trong khoảng 20 thế kỷ, Việt Nam đã phải chống trả với ít nhất 15 cuộc xâm lăng của phương Bắc. Từ thế kỷ 19, Việt Nam lại phải đương đầu với sự bành trướng dẫn nổ của các dân tộc Tây phương đi tìm thuộc địa. Đến thế kỷ thứ 20, khối Tây phương bắt đầu co rút lại thì chủ thuyết duy vật của Tây phương lại mượn phương Bắc, tức là con gấu địa cực Nga xô, để tràn xuống xâm lăng các dân tộc phương Nam kể cả Trung-hoa. Thế là kể từ thời lập quốc cho đến nay, dân tộc ta đã trải qua ba cơn kiếp nạn:

- Cơn quốc nạn thứ nhất là cuộc Bắc thuộc một ngàn năm, dân tộc Việt bị phương Bắc xâm lăng cai trị và âm mưu đồng hóa;

- Cơn quốc nạn thứ hai là ngót một trăm năm nô lệ thực dân, ảnh hưởng văn hóa Tây phương như dòng nước lũ đã cuốn phăng đi những gì không bám chặt được vào đất;

- Cơn quốc nạn thứ ba chính là cuộc xâm lăng hiện tại của đế quốc Đỏ với chủ thuyết duy vật. Đây là cuộc xâm lăng có tầm mức toàn cầu, có đường lối tinh vi nhất và có chủ trương sâu độc nhất. Nó hết sức tinh vi vì đối với phần lớn dân chúng, thật khó mà phân biệt được sự thật và sự giả ngụy, vì quân xâm lăng đã biến thành vô hình trong

hào quang của các cuộc chiến tranh giải phóng, hơn nữa vì chính những kẻ làm tay sai cho giặc cũng luôn luôn tưởng mình là những bậc anh hùng cứu nước cứu dân (!). Hồ Chí Minh đã xiết bao mừng rỡ khi đọc bản " Luận cương Cộng-sản ", đến nỗi " Lê bác HỒ rơi xuống chữ Lê Nin " (!). Giờ đây chắc hẳn tác giả của câu này đã có lúc nghĩ rằng những giọt nước mắt quá sớm ấy thật là thừa thãi và thảm nhục! Cơ kiếp nạn thứ ba của dân tộc ta hiện nay chính là cuộc tấn công phối hợp đại quy mô từ Bắc phương và Tây phương vậy.

Trong cơ kiếp nạn tàn hại nhất này; vì nó tàn phá không những các nền tảng quốc gia, xã hội, dân tộc, mà còn huỷ hoại cả bản chất con người . Cùng một lúc ta phải đương đầu với tư tưởng duy vật Tây phương và sức mạnh xâm lăng tràn ngập của Bắc phương. Vì thế dân tộc ta cần kiên nhẫn chiến đấu để tự giải thoát, giành lại tự chủ, đồng thời để bảo tồn và thành tựu nền Nhân chủ của phương Nam (phương hướng tác hành của " hỏa đức "). Nhưng làm sao chiến đấu? làm sao ta có thể vẫy vùng dưới sức mạnh và sự thống trị tinh vi của xâm lược Tây Bắc ?

- **Mượn sức mạnh và khí giới hiện đại để chống lại sức mạnh của Bắc phương được trang bị khí giới giết người hiện đại?** Lấy sở trường của giặc để đánh giặc là con đường phiêu lưu nhất, vì ta chưa thể tự lực, chưa thức tỉnh được những kẻ đang làm tay sai cho giặc (tức là nhóm lãnh đạo đảng cộng sản địa phương), và ta không có một đồng minh chiến lược thực sự để chống lại ngọn sóng xâm lăng duy vật (chính thế giới Tây phương đang bị tư tưởng duy vật tràn ngập);

- **Lấy chủ thuyết chống lại chủ thuyết?** Ta cũng vẫn dùng sở trường của giặc để đánh giặc. Chủ thuyết là sản phẩm Tây phương. Tinh thần duy lý Tây phương đang ưu thắng; thế giới ngày nay tôn thờ năng lượng, đề cao các giá trị vật chất. Các khối kinh tế dù là tư bản hay cộng sản cũng không thoát khỏi vũng lầy duy vật. Nền nhân bản học của thế giới không đủ sức chống lại ma lực của văn minh vật chất Tây phương, trái lại hai chữ " nhân bản " còn bị chủ thuyết duy vật tiếm đoạt xử dụng. Đi tìm một chủ thuyết chỉ là ảo vọng của những ai quá tin vào sức mạnh của nền triết học duy lý. Nền triết học đã tạo ra những trung tâm bạo lực của thế giới ngày nay.

- **Đấu tranh chính trị?** Mặc dầu ta phải bênh vực cho chính nghĩa tranh đấu của dân tộc trong mọi hoàn cảnh, mọi phút giây, ta

cũng khó có hy vọng tạo được một thể lực chính trị đơn phương không có sự hỗ trợ hữu hiệu của bạo lực. Đối với thế giới yêu chuộng Tự do cơm áo, ta cũng không hy vọng sự gào thét trong sa mạc về quyền sống dân tộc sẽ được người ta nghe thấy và bênh vực. Trong bóng tối vĩ đại của nền văn minh vật chất ngự trị, chỉ có tiếng nói của bạo lực là vang vọng hơn cả. Trên thực tế, thế giới Tự do Tây phương luôn luôn bênh vực những lý lẽ của kẻ thù để bào chữa cho những thất bại, những cuộc tháo chạy của mình.

Tuy nhiên dân tộc chúng ta đang thực sự chiến đấu trong mọi hoàn cảnh, dưới mọi hình trạng, kể cả những hình thức cổ điển nhất tức là các cuộc võ trang nổi dậy của từng nhóm nhỏ với vũ khí thô sơ. Cuộc chiến đấu của dân tộc Việt Nam tất phải kết thúc bằng cuộc chiến thắng thầm lặng trên chiến trường Việt-nam. Tại sao?

Thế giới ngày nay đang tôn sùng và dâng hiến cho nền văn minh vật chất, do đó phái duy vật mới thắng thế trên trường chính trị, hiện tượng thiên tả xảy ra khắp mọi nơi. Đó là kết quả của cuộc phối hợp vô hình giữa Bắc phương và Tây phương được biểu thị bằng tinh thần "**vật hiến**". Trước hoàn cảnh suy đồi về chính trị và luân lý do cuộc xâm lăng của chủ nghĩa Cộng sản và tư tưởng Duy vật, thế giới Tự do "**duy lợi**" chỉ biết xử dụng chiến lược duy nhất là tự thu nhỏ dần dần, làm sao để chính mình không bị thiệt thòi thái quá. Như vậy chúng ta có còn một chút hy vọng nào ở một người bạn đồng minh Tây phương không? Phải khẳng định rằng chúng ta không thể hy vọng ở sự bênh vực của bất cứ một siêu cường Tây phương nào cả. Nhưng điều đó không có nghĩa là ta sẽ không hợp tác với khối Tự do, ngược lại ta phải giúp nhân loại "**thiến**" con gấu địa cực (theo lý thuyết của triết gia Kim Định). "**Thiến**" có nghĩa là làm cho nó không sinh sản truyền giống mà bành trướng được. Nhưng "**thiến**" bằng cách nào?

Chúng tôi tin tưởng bằng cách xử dụng tất cả sự kiên trì và tất cả uy lực của một truyền thống **văn hiến** bốn ngàn năm để đánh thẳng vào tinh thần "**vật hiến**" đang ngự trị thế giới, chúng ta có thể làm một cuộc cách mạng phi thường: **cuộc cách-mạng văn hiến**. Đây chính là sứ mạng thiêng liêng cao cả nhất của dân tộc Việt Nam, dân tộc "**vốn xưng văn hiến đã lâu**".

Trong bối cảnh toàn cầu của một cuộc chiến đấu giành tự chủ cho dân tộc, chiến thắng đầu tiên và chiến thắng cuối cùng phải củng cố ở **lòng người** và ở tư tưởng loài người. Việc giải quyết chiến trường

Việt Nam sẽ chỉ là một kết quả tất yếu; và cuộc tháo chạy hoặc thái độ tạm thời cúi đầu chấp nhận của dân tộc Việt Nam ngày nay trước mạnh xâm lược phối hợp của Bắc phương và Tây phương phải là bước nối tiếp cho cuộc chiến đấu trường kỳ đã kéo dài hơn bốn mươi thế kỷ: **cuộc chiến đấu cho một nước Việt Nam Văn Hiến**. Cuộc chiến đấu ấy cũng là sự góp phần của dân tộc vào công cuộc Xây dựng nền văn minh văn hiến của cả nhân loại mai sau.

1 - SỬ HỌC VÀ TRIẾT LÝ CHÍNH TRỊ

Lịch sử loài người là một cuộc đi tiếp sức không ngừng, từ một khởi điểm không biết đến một điểm cuối chưa biết. Người viết sử ghi chép lại những sự kiện đã xảy ra, và căn cứ vào những sự kiện ấy người ta ghi nhận được những bước tiến của nhân loại.

1.1 - TỪ DUY VẬT SỬ QUAN ...

Sự tiến hóa của nhân loại vừa là một hiện tượng sử học, vừa là một vấn đề triết học. Các triết gia phái Duy vật, tiêu biểu là K. Marx, quan sát những hiện tượng lịch sử để ghép nó vào một mô thức, một chu trình tiến hóa qua các hình thức xã hội loài người mà họ cho là tất phải xảy ra. Bước tiến ấy là một hành trình theo hình khu ốc: từ đời sống bộ lạc là hình thức một cộng đồng thô sơ nhất, đi vòng vo qua các giai đoạn lịch sử để tiến tới một xã hội gọi là cộng sản; cuối cùng thành hình một thế giới đại đồng: loài người không còn biên giới do giai cấp kinh tế xã hội tạo nên. Để đẩy mạnh bước tiến ấy, chủ nghĩa cộng sản chủ trương **đấu tranh giai cấp**: giữa hai giai cấp xã hội có sự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sinh tồn (như chủ và thợ) tất sẽ xảy ra một cuộc xung đột; kết quả của cuộc xô sát ấy là cả hai giai cấp sẽ không còn nữa, chúng sẽ tiêu diệt lẫn nhau để thành hình một thực thể thứ ba tiến bộ hơn... và cứ như thế cho tới khi không còn giai cấp nữa! Quan niệm triết lý về sử học này được gọi là **Duy vật sử quan**.

Thế giới đại đồng là một ước mơ lớn của nhân loại, vì thế Duy vật sử quan (danh từ K. Marx mượn của triết học Hegel) có một hấp lực đặc biệt đối với dân chúng các nước bị áp bức đang đòi quyền sống. Nó cũng hết sức hấp dẫn đối với những nhà trí thức hăng quan tâm đến một xã hội nhân bản lý tưởng. Tuy nhiên ít ai nghĩ rằng đằng sau bốn chữ "**Đấu Tranh Giai Cấp**" có vẻ bình thường như chuyện ăn và ngủ ấy là cả một sự thật tàn nhẫn, kinh dị, hãi hùng, vô luận và tuyệt vọng. Cuối cùng một thế giới đại đồng như thuyết duy vật phác họa, nếu như nó có thể thành sự thật được, thì cũng chỉ là một thế giới xây

dựng trên những tương quan thuần vật chất, ở đây những quyền và lợi vật chất được chia đồng đều cho mọi người (công bằng kinh tế, bình đẳng xã hội). Người ta sẽ không thể tìm thấy được gì, hoặc không thể đòi hỏi gì hơn, ngoài sự đồng đều câm nín và... bất công ấy!

Tin vào một cuộc cách mạng công bằng hóa xã hội dựa trên những căn bản vật chất, người Cộng-sản đã dấy lên một phong trào quốc tế lấy giáo điều "**Đấu tranh giai cấp**" và sách lược "**chiến tranh giải phóng**", "**chiến tranh nhân dân**"... để thực hiện cuộc san bằng giai cấp và bất công xã hội. Người ta đã thấy những kết quả đầu tiên của cuộc cách mạng duy vật: đó là sự thù hận và tàn phá toàn diện trong hầu hết các dân tộc và giữa các quốc gia trên thế giới. Nói về sự công bằng kinh tế và xã hội của người Cộng sản, ông W. Churchill đã phát biểu một cách hài hước và đầy ý nghĩa rằng: "**Trong một xã hội dân chủ (Tư bản), quyền và lợi chỉ được dành ưu tiên cho một thiểu số mà thôi; còn trong một xã-hội Cộng sản thì sự nghèo khó và lâm than được chia đồng đều cho tất cả dân chúng**"!

1.2 - ...ĐẾN VĂN HIẾN SỬ QUAN.

Trên thực tế, lịch sử không phải chỉ ghi chép những dữ kiện đã yên giấc ngàn thu, mà ẩn nấp sau những sự kiện, những cơ cấu chết cứng ấy là một quá trình sinh động hằng sống của văn minh loài người. Trên thực tế người ta không mấy quan tâm đến những mô thức xã hội mà chỉ mưu cầu sự an lạc trong cuộc sống. Sự an lạc không phải và không thể coi như một thứ phó sản của một công thức xã hội lấy sự chia xẻ đồng đều quyền và lợi làm mục đích. Mô thức xã hội tự nó không tạo ra **an lạc**. Sự chú trọng quá đáng đến **quyền** và **lợi** lại chỉ đưa đến mâu thuẫn và tranh chấp dưới mọi hình thức từ đình công đến bạo động. Vậy quan niệm chia xẻ đồng đều **quyền** và **lợi** phải được thay thế bằng quan niệm chung hưởng **an** và **lạc**.

Chỉ có văn minh thực sự của loài người mới bảo đảm được sự an lạc của xã hội loài người. Văn minh không phải là vật chất hoặc sự phát triển về đời sống vật chất, mặc dầu những sản phẩm của kỹ thuật đã góp phần không nhỏ vào kho tàng văn hóa nhân loại. Văn minh cũng không có hình thù, nó là sự tỏa sáng của văn hóa, là vẻ đẹp của nếp sống con người. Vì những lẽ đó, sự tiến hóa của văn minh loài người không thể mô tả như những đường vòng khu ốc hoặc như bất cứ một hình thù nào cả. Nếu ta nhìn sự tiến hóa ấy trong một quan điểm triết học, tức là nói đến một triết học sử quan thì " duy-vật

sử quan " không đủ. Cần phải nói đến một Văn hiến sử quan, vì nó làm hiện ra trong dòng lịch sử những nỗ lực của loài người đã hiến dâng cho cuộc phát triển tiến hóa của văn minh loài người.

Tác giả Trần Lê trong cuốn "**Làm gì?**" giải thích Văn hiến như một giai đoạn của lịch trình tiến hóa loài người:

- Văn hiến là một quy ước xã hội có văn tính, với sự cộng tác xã hội và sự bao dung tương đối, khác biệt với sự đấu tranh sinh tồn theo bản năng của loài vật;

- Là sự tổ chức một đời sống theo một quy ước mở rộng cho nhiều bộ lạc qui tụ với nhau để cộng tác với nhau một cách hòa bình trong lâu dài;

- Là sự biến đổi từ đời sống bộ lạc sang chế độ nước;

- Con người bước vào thời kỳ văn hiến khi từ thời kỳ đá đập bước sang thời kỳ đá mài, thời kỳ kỹ thuật dùng lửa, xây lò nung gạch, lai giống lúa, thuần hóa một số súc vật...

Người Tàu gọi một nước **văn hiến** (Văn hiến chi bang) là một nước có kỷ cương văn hoá, có thành tích văn học (Văn) và có người cai trị hiền đức (Hiển).

Văn hiến như vậy biểu hiệu cho sự phát triển một nền văn minh văn tính hay văn minh nhân tính, lấy nhân tính làm gốc cho cuộc đại đồng. Loài người đang trải qua giai đoạn văn minh kỹ thuật để thành tựu trọn vẹn nền văn minh nhân tính mai sau.

Văn-hiến sử quan cần phải thay thế cho Duy vật sử quan trên đài viễn vọng của tư tưởng nhân loại để hướng dẫn bước tiến của nhân loại. Văn hiến sử quan nhìn lịch sử với sự chú trọng về tiến trình của văn minh nhân loại, lấy sự phát triển nhân tính làm căn bản (nhân bản). Nó khác với duy vật sử quan, vì nó không mô tả, tiên liệu và đổ khuôn cuộc tiến hoá của loài người dựa trên những hiện tượng, những cơ cấu, những vật thể và những công thức kinh tế. Nó chú trọng về sự phát triển và phát biểu của cái "tính người" trên những hiện tượng những cơ cấu, những sự biến chuyển của đời sống vật chất, kinh tế ấy. Do đó **người** không bị biến thể, theo những biến thiên của đời sống kinh tế xã hội để trở thành những sinh vật xã hội thuần túy như

bầy ong lũ kiến (đoàn lũ hoá) hay những con vật kinh tởm bẩm sinh (nô dịch hoá).

2 - MỘT DÂN TỘC VĂN HIẾN

"Người không thể bị biến thái thành một thứ sinh vật xã hội thuần túy hay một con vật kinh tởm bẩm sinh" là sự quan tâm của chúng ta trong giai đoạn lịch sử bị tràn ngập bởi tư tưởng duy vật này. Nó cũng là sự quan tâm của tổ tiên chúng ta hơn bốn ngàn năm trước. Thật vậy...

Huyền sử Tiên Rồng đã khai sinh nền văn hóa Tiên Rồng của Bách Việt. Nền văn hóa đó ngày nay còn tồn tại với dân tộc Việt Nam và còn bàng bạc trong phong tục tập quán của người Trung Hoa, nơi quê hương cũ Động Đình, Ngũ Lĩnh của Bách Việt, với hình ảnh Tiên Rồng lưỡng hợp... Non ấy, nước ấy đã trở thành tiêu biểu của nghĩa mẹ, công cha:

**"Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra..."**

Nền văn hóa Tiên Rồng đã làm phong phú ngôn ngữ của người Việt với những chữ kép như: non nước, gia đình, tràn ngập, gấn bó, gánh vác, thương yêu, triu mến, ngon lành... mỗi chữ có một vẽ Rồng và một vẽ Tiên kết hợp bổ nghĩa cho nhau. Ngôn ngữ Việt đã bao hàm một triết lý hòa thể, nền văn hóa Tiên Rồng lại chứa đựng một đạo sống hòa hài: Đạo sống Việt lấy sự hòa nhập **thể** và **tính** làm **nhân** (Tiên Rồng); lấy sự liên hệ huyết thống làm gốc (Bọc Mẹ Trăm Con); Từ đây trăm hoa đua sắc, trăm họ hòa vui (Bách Việt); nhưng chỉ có niềm **an lạc** sâu xa, trong **tự tính** là vĩnh cửu (Lạc Việt). Bản chất **người** được tổ tiên chúng ta định nghĩa như sự hòa hợp hoàn mỹ trong dòng máu của hai yếu tố: **Tâm** (thể tính Tiên) và **Vật** (thể tính Rồng). Tiên và Rồng kết hợp biểu hiệu cho thể tính người. Người biểu lộ sự sinh hoạt của hai khuynh hướng Tâm và Vật (Lưỡng hợp). Nếu chỉ khảo sát người trên Vật thể tính, thì người giống như những sinh vật hạ đẳng khác. Trái lại nếu chỉ nhìn người trên Tâm thể tính thì người không có chỗ bám víu trên trái đất.

Vậy khảo sát người cần chú trọng tới Nhân thể tính hay Nhân tính. Đó là mục đích của nhân bản học.

2.1 – NHÂN BẢN HỌC

Người và thế giới loài người là đối tượng khảo sát của nhân bản học. Ta hãy xem nhân bản học khảo sát Người và cách "người ta ăn ở với nhau" như thế nào.

Cho đến cuối thế kỷ thứ 20 này, thế giới vẫn đang đi tìm một mô thức cho một xã hội nhân bản, hay nói đúng hơn, đang định nghĩa thế nào là một xã hội nhân bản. Theo quan niệm Tây phương thì nhân bản học (Humanism) là cách nhìn thế giới của chúng ta với những chú ý đặc biệt về sự quan trọng của bản tính bản chất con người (Human nature), và chỗ đứng của loài người trong vũ trụ.

Nhân bản học cho rằng mỗi người đều có nhân vị (dignity and worth) và do đó phải được tôn trọng. Mặc dầu nhân bản học đã bắt nguồn từ những tư tưởng của các triết gia cổ Hy La, nó đã chỉ bùng nổ như một phong trào lịch sử ở Âu Châu từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 16 (thời kỳ Phục Hưng).

Sự phát triển trong trào nhân bản của thời kỳ Phục Hưng (Renaissance) của Âu Châu khởi đầu bằng sự khám phá lại những kinh sách cổ. Những nhà nhân bản học thời kỳ ấy sở dĩ chú trọng đến những bản cổ văn vì họ tìm thấy ở đây những định hướng cho sự tìm hiểu về đời sống con người. Sự hiểu biết này tương phản với những quan điểm của nhiều nhà hiền triết học giả thời Trung Cổ ở Âu châu cho rằng người ta nên coi nhẹ cuộc sống phù du trên trái đất vì kiếp nhân sinh chỉ là tội lỗi và nên dành cả cuộc đời để cố gắng trở về với cõi hằng sống (hiến thân cho Trời). Nhân bản học Tây phương bác bỏ quan niệm đó và nhìn nhận trái đất là quê hương đích thực của loài người... Còn trên quan điểm chính trị sự chống đối của thuyết nhân bản với các chế độ độc tài võ trị vào cuối thế kỷ 18 đã có ảnh hưởng sâu xa trong các cuộc cách mạng tại Hoa kỳ và Pháp. Cả hai Bản Tuyên ngôn Độc lập của Hoa kỳ và Tuyên ngôn Nhân Quyền của Pháp

đều tuyên dương nhân vị. Đó là những tài liệu vừa chính trị vừa nhân bản học.

Cho đến ngày nay, nhiều nhà giáo dục và triết gia Tây phương tin rằng sự thử thách lớn nhất với học thuyết nhân bản, và cũng là sự đe dọa cho an ninh xã hội loài người, đã bắt nguồn từ sự quá chú trọng và tôn sùng khoa học kỹ thuật. Họ công nhận rằng những thành quả của khoa học và kỹ thuật đã nâng cao rất nhiều sự hiểu biết và quyền năng của loài người, nhưng họ cũng tin rằng một nền nhân bản phải dạy cho người ta biết sử dụng sự hiểu biết và quyền năng ấy hợp với nhân luân, nhân tính.

2.2 – NHÂN BẢN HỌC VÀ VĂN HIẾN VIỆT NAM

Như vậy nhân bản học cho tới nay vẫn chưa đạt tới sự trọn vẹn của một học thuyết nhân sinh làm căn bản cho cuộc sống loài người. Từ bao thế kỷ nay, nhân bản học vẫn chỉ vận dụng hầu hết những khả năng uy lực của nó để đòi lại nhân vị cho loài người dưới hai hình thức rõ rệt nhất: một là phản kháng lại quan niệm hiến dâng đời người cho một cõi sống khác, cho một chân lý làm chủ đời sống con người (hiến dâng cho Trời); hai là chống đối lại sự cưỡng bách dân chúng phải hiến dâng sự tự chủ của mình để phục vụ cho quyền lợi của một nhóm cầm quyền (nô lệ cho Người).

Nhân bản học đã đóng vai một kẻ nghĩa hiệp đi đòi lại nhân vị cho mọi người. Nhưng đòi rồi, qua mấy thế kỷ người ta mới giật mình không biết trong lúc vội vã đã giao lại cái vốn quý ấy cho ai canh giữ! Đó là cái giật mình của thế kỷ 20, thế kỷ của "vật hiến"; nhân bản bị phá hủy vật cưỡng đoạt. Thế là "của Thiên lại trả Địa".

Tóm lại nhân bản học đã tấn công vào hai mục tiêu chính:

- Vong thân vì hiến dâng cho "Trời" (Thần quyền).
- Vong thân vì nô lệ cho người (giai cấp nông nô dưới chế độ Phong kiến).

Còn mục tiêu thứ ba nữa mà nhân bản học không đã động đến là :

- Vong thân vì hiến dâng cho vật.

Sở dĩ nhân bản học Tây phương lúng túng ở đây vì không định nghĩa vật một cách trọn vẹn đầy đủ và không ai dám tấn công thẳng vào những thành quả của nền văn minh vật chất hiện đại đã trở thành một phần của quan niệm nhân bản. Người Đông phương nhìn **vật** bao

quát hơn, nó bao gồm cả chất lẫn thể của thế giới hữu hình, nó bao gồm cả thế giới của "lý" và "sự". Đó chính là phần **địa** hữu hình hữu tướng của vũ trụ quan Đông phương để phân biệt với thành phần thiên không hình tướng. Đối với Đông Phương, Vật là Địa và Tâm là Thiên. Khoa học và triết học không lý giải được Tâm giới cho nên Vật giới tự lên ngôi bá chủ. Kinh tế và kỹ thuật ngự trị, đương nhiên phải trở thành một thử thách lớn lao nhất cho thuyết nhân bản cũng như cho sự an ninh của xã hội loài người.

Như vậy muốn trở thành "nhân bản" thực sự, học thuyết nhân bản Tây phương phải đánh thẳng vào thành trì "vật bản". Điều đó không phải là bác bỏ hoàn toàn nền văn minh vật chất, nhưng là tấn công vào tinh thần "vật hiển" đang ngự trị trong tâm não thế giới loài người. **Tấn công bằng cách nào?** Bằng cách dựng **văn hiển**, nền Văn hiển Nhân loại, hiển dương cho văn minh loài người. **Văn minh Loài người là gì?** là đối nghĩa của chữ "mọi rợ", là người không ăn thịt người bằng cách này hay bằng cách khác, là biểu lộ được "văn tính" trong cuộc phát triển nhân sinh. Biểu lộ được văn tính trong cách "người ta ăn ở với nhau" là biểu lộ được tinh hoa của nhân tính. Biểu lộ được nhân tính mới tìm thấy nhân bản và đạt được nhân bản.

Nhưng hạ bệ tinh thần vật hiển không phải là việc làm của vài ba người. Trào lưu duy vật Tây phương đã trở thành một cơn thác lũ nó cuốn phăng đi tất cả những triết gia, những nhà lãnh đạo, những chính trị gia cứng cỏi và cứng đầu nhất. Tất cả mọi người đều có thể một lúc nào đó nhận thấy sự bất ổn của thế giới tôn sùng vật chất này, nhưng không ai nghĩ rằng có thể ngăn chặn được dòng thác vật hiển ấy. Dòng thác ấy chỉ có thể lắng xuống và tan đi cùng với trào lưu vật hiển trước một sức mạnh vô hình: sức mạnh của một **nhân loại văn hiển**.

2.3 – DÂN TỘC VIỆT NAM CÒN LÀ MỘT DÂN TỘC VĂN HIỂN KHÔNG ?

"**Bốn ngàn năm văn hiển**" vốn là tiếng reo vinh quang và niềm hãnh diện tột cùng của dân tộc Việt. Hoa kỳ có bản hiến pháp thành văn đầu tiên trên thế giới. Người Pháp hãnh diện với cuộc Cách mạng 1789 và với một Montesquieu đã mang ngọn gió nhân quyền và tinh thần dân chủ gieo khắp thế giới. Mỗi dân tộc đều có một niềm hãnh diện lớn nào đó nhưng có lẽ chưa có một niềm hãnh diện nào được biểu lộ một cách ngắn gọn, lớn lao và đầy vinh quang như tiếng reo

vui "**Bốn ngàn năm văn hiến**" của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên tiếng reo vinh quang ấy chưa đủ để chứng tỏ dân tộc ta là một dân tộc văn hiến, hay nói đúng hơn chưa đủ để cho ta sống thực với tinh thần văn hiến của tổ tiên. Trước hết ta hãy tự hỏi tinh thần văn hiến ấy có không? Có lẽ trong cuộc sống hòa nhập với văn minh hiện đại, hầu hết chúng ta chưa từng tự hỏi rằng dân tộc mình đã là một dân tộc văn hiến hay không? bởi vì chữ văn hiến đối với ta hình như chỉ là một mỹ từ không hơn không kém. Thế nhưng lý do nào đã khiến **Bốn ngàn năm văn hiến** trở thành tiếng nói truyền khẩu của người Việt Nam? Và vì nguyên do nào cụ Nguyễn Trãi đã viết chữ **Văn hiến** một cách trang trọng và khẳng định trên những dòng đầu của thiên Bình Ngô Đại Cáo, bản tuyên ngôn Tự chủ đầy hùng khí của dân tộc Việt Nam?

Để chứng minh dân tộc Việt đã là một dân tộc **văn hiến**, có lẽ Chúng ta phải trở về với những dấu tích thời xa xưa của nền văn hóa Tiên Rồng, ở đây sự giao hòa của Trời và Đất, của Tâm và Vật đã hiện trong huyền thoại, trong đời sống, trong tập quán... của người Việt. Từ sự nhận định đó ta có thể nói rằng nền văn hóa Tiên Rồng đã bao hàm một đạo sống Tiên Rồng, một triết lý Tiên Rồng, một ngôn ngữ Tiên Rồng, một tập quán Tiên Rồng... Đối chiếu với những tài sản văn hóa của dân tộc Việt, phải chăng người Việt đã lấy đạo sống Tiên Rồng làm đạo sống Việt, lấy triết lý Tiên Rồng làm triết lý An Vi Việt, lấy ngôn ngữ Tiên Rồng làm quốc ngữ Việt, lấy tập quán Tiên Rồng làm phong tục, nếp sống Việt? và lấy tất cả sự tự hào ấy dựng nước thiêng Tiên Rồng?

Tiên và Rồng là biểu tượng của hai thể tính đối kháng. Hai thể tính đối kháng mà hòa nhập được với nhau là một điều kỳ diệu. Nhưng tổ tiên ta đã làm cho sự kỳ diệu ấy trở thành bình dị tự nhiên qua hình ảnh huyền sử của bà Vụ Tiên trên núi Ngũ Lĩnh và bà Long Nữ dưới Động Đình Hồ. Từ ngàn xưa Mẹ là tiêu biểu của tình thương, của nhân tính. Thuở ban sơ loài người lấy mẫu hệ làm gốc tộc hệ. Ông tổ Lạc Long Quân là con bà Rồng (bà Long Nữ) và là cháu bà Tiên (bà Vụ Tiên), rồi để con cháu dễ hình dung ghi nhớ, đã mượn ngay hình ảnh Tiên Rồng làm biểu tượng nguồn gốc.

Tiên là sự thanh thoát của Tâm giới, **Rồng** biểu hiệu cho năng lực vô biên của vật giới. Tiên thì thanh tịnh, vĩnh cửu. Rồng thì biến hóa, mãnh liệt. Sự hòa nhập của hai thể tính đối kháng ấy đã tạo nên thể tính Người. Đạo sống Tiên Rồng hay Đạo sống Việt dạy cho người ta biết sống trong sự hòa hợp giữa năng lực của vật chất và sự thanh

thoát bất diệt của tâm linh. Khi nào con người tách rời hai thể tính đối kháng ấy ra (nhị nguyên), thì sự hiểu biết của loài người sẽ đem đến tai họa cho họ (ăn trái thông thái). Đó là những gì ta có thể tìm thấy trong kho tàng phong phú của đạo giáo Đông Tây. Người Việt không lấy sự tôn sùng vật chất và triết lý sức mạnh làm lẽ sống nên không dựng vật tổ (1) mà đã tìm thấy ánh sáng văn minh ngay trong huyền sử Tiên Rồng, lấy sự đối đãi Tâm Vật hòa hài làm đạo sống, và ngay trong "**Bọc Mẹ Trăm Con**" lấy tình cốt nhục biểu hiệu cho những ràng buộc của xã hội. "**Bọc Mẹ trăm Con**" là hình ảnh của một thế giới đại đồng lấy nhân tính làm gốc, lấy sự an lạc làm mục đích cuối cùng, ở đây không có chỗ đứng cho thuyết chia xẻ quyền lợi, không có đất nầy mằm cho chủ nghĩa giai cấp đấu tranh. Đây là một bằng cứ để ta có thể nói rằng người Việt đã có một "**Văn hiến sử quan**" từ thuở sơ khai hơn bốn ngàn năm trước.

Nếu muốn dẫn chứng xa hơn nữa về quan niệm văn hiến và nhân bản của Việt tộc, ta có thể tìm trong huyền thoại Việt, những kỳ tích của ông Tổ Bách Việt là Lạc Long Quân, với công cuộc diệt Ngư Tinh phương Bắc (Bắc: hành thủy, tính tràn ngập, tai họa "cá lớn nuốt cá bé"), diệt Hồ tinh phương Tây (Tây: hành kim, tính bành trướng, tinh xảo; sự tinh xảo của vật chất là khí cụ, khí giới; sự tinh vi của tinh thần là ý thức hệ, chủ thuyết), diệt Mộc tinh phương Đông (Đông: hành Mộc, mới thì tươi tốt, cũ thì là gỗ khô củi mục, hủ hóa, mê tín ...) Tổ Lạc Long chỉ dành lại phương Nam (Nam: hành hỏa, chỉ Hỏa đức) là phương hướng của sự thành tựu nhân bản lấy Nhân tính làm gốc đại đồng để cho con cháu dựng nước. Từ những ngụ ý sâu xa đó, ta có thể xác nhận sự đỉnh hướng của Việt tộc trên con đường Văn hiến. Chọn con đường văn hiến ấy, nền kinh tế và triết học Việt phát triển nếp sống An vi, nền chính trị Việt phát triển Văn trị; các triều đại Việt không mang tính chất của các nền quân chủ phong kiến Bắc phương. Chọn con đường lớn văn hiến ấy dân tộc Việt đã phải chấp nhận ba cuộc thử thách lớn. Thử thách đầu tiên đến từ phương Bắc: thử thách của tinh thần võ trị, cá lớn nuốt cá bé - Thử thách thứ hai là cuộc bành trướng của Tây phương: thử thách của văn minh vật chất và ý thức hệ - Thử thách thứ ba là cuộc tấn công phối hợp của cả Tây phương và Bắc phương: chủ thuyết Duy vật Tây phương mượn sức mạnh xâm lược của Bắc phương (con gấu địa cực Nga) để khuynh đảo thế giới, tận diệt nền nhân bản Đông Nam . Nếu vượt thắng được cơn thử thách lớn lao và khủng khiếp này ta mới chứng tỏ được con đường Văn hiến là đường sống vinh quang của nhân loại. Tuy nhiên, trong cơn lốc của nền văn minh vật chất làm điên đảo lòng người, vấn đề

nêu ra vấn đề còn đó: dân tộc Việt Nam còn là dân tộc văn hiến hay không? Người Việt Nam cần phải tự chứng nghiệm và chứng minh điều đó.

2.4 - BẰNG CÁCH NÀO PHONG KIẾN, THỰC DÂN VÀ CỘNG SẢN TIẾP TAY NHAU TIÊU DIỆT MỘT DÂN TỘC VĂN HIẾN.

Trong lịch sử nhân loại, tất cả những kẻ thống trị ngoại nhập đều nuôi tham vọng củng cố vĩnh viễn chế độ cai trị của mình trên các dân tộc bị trị. Phương thức sâu độc nhất thường được bọn xâm lược sử dụng để đìm cho các dân tộc bị trị không ngóc đầu lên được là phá hủy nền văn hóa của các dân tộc đó. Khi một nền văn hóa bị phá hủy rồi thì không một niềm tự tin tự hào dân tộc nào đứng vững; dân tộc bị trị sẽ mất hết ý chí và sức mạnh để vùng dậy. Từ đó chúng ta có một nhận định: kẻ phá hoại văn hóa của một dân tộc là bọn xâm lược hoặc là tay sai của quân xâm lược.

Thời Bắc thuộc, xâm lược võ trị Phương Bắc ngoài việc vơ vét báu vật, triệt hạ long mạch phương Nam, các quan cai trị Tàu bắt dân sống theo phong tục phương Bắc, dùng văn tự Tàu để dễ sát nhập đồng hóa. Thậm chí chúng còn đòi cống hiến cả thợ khéo, thầy tướng số giỏi để bắt nhân tài... Dưới thời Mãn Thanh, người Trung Hoa cũng phải cạo tóc, tết đuôi sam theo phong tục Mãn.

Thời Pháp thuộc Thực dân Pháp đã dạy cho người Việt nhạo báng những phong tục tập quán của mình và cho đó là chậm tiến để phá hủy tận gốc rễ niềm tự tin, tự hào và sinh phong sĩ khí Việt. Họ dạy người mình lấy sự bắt chước phong tục, ngôn ngữ và cách suy luận của kẻ thống trị làm điều vinh hiển. Người Việt bị Pháp khai hóa bằng văn minh vật chất Tây phương, ngỡ ngàng trước những tiến bộ rực rỡ của khoa học kỹ thuật, đương nhiên sinh lòng bài bác chê bai sự "chậm tiến" của dân tộc mình. Người làm văn hóa cũng đua nhau chỉ trích những tục lệ, nếp sống xưa mà họ nghĩ là không còn thích hợp, cho nên đã vô tình đập phá căn nhà ọp ẹp của ông cha để lại. Văn hóa Duy lý Tây phương đã được thực dân sử dụng để đánh siêu vẹo nền Văn-hóa Tiên Rồng của Việt.

Triết học Duy lý là cha đẻ của chủ thuyết Duy Vật.

Người Duy vật khởi xướng chủ nghĩa Cộng sản và thành lập một siêu đế quốc Cộng sản lấy giáo điều và văn hóa Mác Lê làm gốc. Trong cuộc chiến đấu chống Thực dân để dành tự chủ, một lần nữa người Việt lại bị đế quốc Cộng sản sử dụng để thanh toán người Việt và thống trị dân Việt. Phương thức ngàn đời lại được sử dụng, sự nhồi sọ chủ thuyết Duy vật Mác Lê là bước đầu để mượn người Việt đánh đổ văn hóa Việt. Thâm độc hơn bọn Thực dân, Cộng sản không phá hủy hình thức mà triệt hạ tinh thần. Đây là điều rất dễ làm cho ta nhầm lẫn nếu chỉ nhìn hành động của người Cộng sản qua hình thức. Người Cộng sản cổ động dân chúng học chữ quốc ngữ nhưng dùng chữ quốc ngữ theo đường lối Mác Lê, chuyên chở, diễn tả tư tưởng Mác Lê nên chữ quốc ngữ dần dần bị biến thể, không còn tiêu biểu cho văn hóa Việt. Người Cộng sản Việt Nam cũng xưng tụng hai chữ Văn hiến nhưng tôn thờ chủ nghĩa Duy vật. Họ cũng dựng bàn thờ các vị Quốc Tổ Hùng Vương và các anh hùng liệt nữ với những nghi thức còn rườm rà hơn bao giờ hết, nhưng dựng tượng Lê- nin, thờ Mác, và xây lăng Hồ. Để đánh bật gốc nền văn hóa Tiên Rồng, chế độ Cộng-sản Việt Nam cho xuất bản hàng loạt những sách biên khảo đồng loạt lên án các triều đại xưa, văn hóa xưa, những bộ luật xưa là phong kiến, bại hoại. Quan sát xã hội Việt Nam ngày nay người ta thấy nó không khác những xã hội Cộng sản Đông Âu (2) hay bất cứ ở những nơi nào khác; cùng một thể thức tuyên truyền, cùng một hình ảnh đoàn lũ bị kinh tế kiểm soát và đàn áp đến cùng cực. Với những dữ kiện đó ta có thể kết luận nền văn hóa Tiên Rồng đang bị chế độ Cộng sản đào xới để đánh bật gốc rễ. Đó là điều mà các chế độ xâm lược ngoại nhập trước kia chưa làm được, và đó là những nỗ lực hủy diệt nền Văn hiến Việt Nam, hủy diệt một dân tộc Văn hiến.

2.5 - BẰNG CÁCH NÀO TA CÓ THỂ LÀM SỐNG LẠI MỘT DÂN TỘC VĂN HIẾN

Trước những cuộc tấn công liên tiếp của Bắc phương và Tây phương qua bao nhiêu thế kỷ, nền văn hiến Việt có còn không? Đương nhiên nó không thể hiện thực như một thể lực. Nó chỉ còn một chỗ sống duy nhất và vững vàng nhất là trong tâm hồn người Việt Nam mà thôi. **Những người Việt Nam còn giữ được Văn hiến Việt, còn giữ được Đạo sống Việt, sinh phong Việt là những người sẽ làm phục hồi một dân tộc Văn hiến.** Thế giới Cộng sản càng ngày càng tỏ rõ tham vọng bành trướng chủ nghĩa và sự thống trị của họ trên khắp địa cầu. Các chư hầu của Đế quốc Cộng sản luôn luôn kiêu hãnh với "Chủ nghĩa Mác Lê bách chiến bách thắng". **Trên thực tế**

chủ nghĩa Mác Lê quả nhiên không phải là con dao cùn; nhưng nó càng sắc bén thì máu và nước mắt nhân loại càng chảy nhiều hơn để đi tới một cuộc tận diệt không thể tránh được khi các siêu cường tận dụng sức mạnh vật chất để chống lại sức mạnh vật chất.

Như ta đã biết, Chủ nghĩa Cộng sản Duy vật là kết tinh của tinh thần triết học Duy lý Tây phương, nhưng nó không bành trướng ở Tây phương được mà phải mượn Bắc phương làm phương hướng tác hành, từ đó tràn xuống phương Nam bằng chiến tranh giải phóng, bằng chiến thuật biển người, bằng đàn áp khủng bố, cá lớn nuốt cá bé để thanh toán các cứ điểm của tinh thần nhân bản phương Nam. Việt Nam là một điểm trọng yếu trong những cứ điểm đó, không phải vì địa lý hình thể hay tài nguyên vật chất, mà vì tinh thần văn hiến và nền văn hóa Tiên Rồng là những ốc đảo đã làm tươi mát cả một vùng Đông Nam Á.

Lịch sử là một cuộc tái diễn những thử thách triền miên cho nhân loại. Không những tinh thần văn hiến của Việt tộc một lần nữa phải lùi bước trước sức mạnh võ trị Duy vật, mà biết bao nhiêu tinh hoa của dân tộc Việt cũng phải quy phục và trở nên những tín đồ mù quáng của Mác Lê.

Việt Nam, một dân tộc đã từng đại thắng cuộc viễn chinh của đế quốc Mông Cổ vào cuối thế kỷ 13, đã thua đế quốc Cộng sản vào cuối thế kỷ 20. Thật sự chúng ta đã thua đế quốc Cộng sản, nhưng đây chính là cơ hội để dân tộc ta suy nghiệm lại những giá trị thiêng liêng của một nền văn hóa Tiên Rồng, của Đạo sống Việt và cũng là cơ hội để người Việt Nam thực hiện một cuộc cách mạng Văn hiến, mang tinh thần văn hiến Việt Nam đi reo rắc khắp thế giới chứ không phải mang sự mệt mỏi chán chường của những kẻ bại trận đi ăn vạ khắp nơi. Vì đây đúng là một cuộc thử thách lớn; nếu người Việt Nam biết kiên trì thực hiện cuộc cách mạng văn hiến này thì đương nhiên họ sẽ làm sống lại một dân tộc Văn hiến và sẽ dựng lại được một Quốc gia Văn hiến.

Công việc của tất cả người Việt Nam ở hải ngoại là tiếp nối được cuộc chiến đấu trường kỳ của dân tộc. Nếu thế giới cần biết đến người Việt thì không phải qua cuốn phim phóng sự tuyên truyền mô tả cuộc chiến tranh được mệnh danh là "**Cuộc chiến mười ngàn ngày**" mà phải biết đến người Việt-nam như một dân tộc văn-hiến, họ (người

Việt Nam) phải chấp nhận những thử thách lớn để khai thông con đường lớn cho văn minh và sự tồn tại của nhân loại . Đương nhiên trong cuộc chiến đa diện này, đối phương (Duy vật Cộng sản) sẽ không dễ dàng bị đánh thua ở chiến trường Việt Nam, nhưng chúng sẽ thua ở mặt trận toàn cầu, ngay thủ đô địa cực của chúng, vì sự thức tỉnh của nhân dân các nước, khi loài người hiểu được chữ "nhân bản" qua con đường "văn-hiến" . Nền văn-hiến phát sinh từ bên trong con người, để hiến dâng cho văn minh đích thực của loài người.

3 - MỘT NƯỚC VIỆT NAM VĂN HIẾN

3.1 - TINH THẦN VĂN HIẾN VIỆT NAM

Trong giai đoạn lập quốc với ý thức quốc gia còn thô sơ chắc hẳn nền Văn hiến của ta mới chỉ được biểu lộ như một Tâm thức hay một sinh thức dọn đường cho một cuộc phát triển quốc gia xã hội lý tưởng. Đó mới là tinh thần văn hiến chứ chưa có nền văn hiến thực sự. Tinh thần văn hiến đó qua quá trình lịch sử của dân tộc phải tranh đấu để sống còn đã ăn sâu vào mô thức tổ chức xã hội để tạo thành một thể chế chính trị đặc biệt của dân tộc ta, và đóng góp lớn lao vào việc tạo dựng nền tự chủ. Từ đó (thời kỳ dựng văn hiến), các chế độ của ta đã có những đặc điểm khác hẳn những thể chế quân chủ, phong kiến trên thế giới. Ta cũng có vua, nhưng "**Phép Vua thua lệ Làng**". Ta cũng có chế độ tập quyền, nhưng đồng thời cũng có Hội nghị Diên Hồng mở rộng cửa cho dân chung lo việc nước. Ta cũng có tứ dân: Sĩ, nông, công, thương; nhưng "**Hết gạo chạy rông, nhất Nông nhì Sĩ**". Như thế chế độ vua chúa của ta ngày xưa, trừ một vài ngoại lệ đã được vay mượn của ngoại bang như lệ phong tước, không phải là chế độ quân chủ chuyên chế hay phong kiến. Ta có thể tìm thấy ở đây nhiều đặc điểm của một chế độ văn trị, một nền Dân chủ Văn Hiến lấy Văn hiến làm gốc Tự chủ, làm nền tảng đại đồng, và làm cốt tủy cho nền văn minh Việt tộc, nền văn minh hòa nhập hai thể tính đối kháng Tiên và Rõng, Tâm và Vật, đề cao Nhân tính để tiến tới sự thành tựu niềm mơ ước của loài người: nền Nhân bản nhân loại.

3.2 - SỨC MẠNH CỦA MỘT NỀN VĂN TRỊ

Khi nói đến một quốc gia Văn hiến, ta thường thấy lớn vớn một vài vấn đề về khả năng quốc phòng của nó, tức là nghĩ đến vấn đề sức mạnh của một nền văn trị. Sức mạnh là gì? Cái gì tạo nên sức mạnh cho một người lính, một quân lực, một quốc gia ? Nền văn trị có sức mạnh không?

Trước hết hãy xét đến sức mạnh của một người lính . Câu nói "**sức mạnh của một người lính**" dường như hoàn toàn vô nghĩa nếu không đặt người lính ấy trong một tập thể võ trang, một quân đội. Vậy người lính sẽ có sức mạnh khi anh ta được trang bị vũ khí và ở trong một khối đồng đội được trang bị vũ khí...Nhưng giả sử người lính ấy được trang bị khí giới đầy mình, nhưng đứng giữa một đám đồng đội hốt hoảng bỏ chạy, tan rã và hỗn loạn thì liệu anh ta còn giữ được sức mạnh hay không? Và giả như một người lính được trang bị đầy đủ súng đạn nhưng không được phép bắn, hay hơn nữa tự mình không thấy có lý do để nổ súng vào đối phương, hoặc tự mình thấy run sợ khi cầm một khí cụ giết người, thì liệu anh ta có sức mạnh hay không ? Vậy những yếu tố căn bản tạo thành sức mạnh cho một người lính phải là Chính nghĩa và Tinh thần đồng đội. Chính nghĩa tạo nên tinh thần chiến đấu và ý chí quyết thắng. Sau những trang bị tinh thần ấy mới đến những kỹ thuật tác chiến, trang bị vũ khí. Vũ khí chỉ là những phương tiện cần thiết mà không phải là sức mạnh . Sức mạnh chủ yếu vẫn là ý chí của người sử dụng vũ khí.

Bây giờ hãy thử phân tích cái gì tạo ra sức mạnh, cho một quân lực một chế độ? Tiền? – có tiền, chúng ta chỉ mua được khí giới chứ không mua được sức mạnh. Một núi xe tăng, chiến cụ của quân lực Việt Nam Cộng Hòa còn chất đống như sắt vụn, như củi mục. Ai bảo quân lực VNCH mạnh nhất nhì Á Châu? Chắc chắn chúng ta đã thiếu một số yếu tố quan trọng nào đó, nên gần ấy trang bị chưa đủ tạo thành sức mạnh. Nhận xét qua một số chế độ tiêu biểu khác:

- **Sức mạnh của Đức Quốc Xã** đã được cấu tạo bởi chủ nghĩa Phát xít hiếu chiến đề cao chủng tộc, bởi khả năng phát triển kỹ nghệ chiến tranh trong niềm kiêu hãnh của dân tộc Đức, bởi tài chỉ huy và tổ chức của lãnh tụ Hitler và những tướng tá của ông ta, bởi kỷ luật thép và chính sách khủng bố tàn sát đối phương kể cả dân chúng. Đây là cấu trúc tiêu biểu của sức mạnh Võ trị.

Không ai phủ nhận được sức mạnh khủng khiếp của một nền võ trị, lúc bùng dậy có thể áp đảo cả thế giới, như đã xảy ra trong đệ nhị thế chiến, như cuộc xâm lược của Thành Cát Tư Hãn vào thế kỷ 13. Nhưng sức mạnh võ trị là sức mạnh bạo phát bạo tàn.

- **So sánh Phát Xít với chế độ Cộng sản đương thời** , ta nhận thấy hai chế độ chống đối lại có những điểm tương đồng. Cộng sản lấy chủ nghĩa Mác Lê Nin "bách chiến bách thắng" làm chủ lực. Họ đề cao

lãnh tụ. Họ phát triển võ khí chiến lược bằng tất cả khả năng thu góp của nhân dân, phát triển tư tưởng "giải phóng" để khống chế nhân loại. Họ tổ chức nhân dân thành những cơ cấu chiến thuật áp dụng biện pháp trừng phạt cứng rắn và tinh xảo để kiểm soát từng cá nhân. Tuy nhiên nền võ trị của cộng sản tinh vi hơn phát xít vì họ biết nấp sau tấm bình phong "dân chủ pháp trị", ngụy trang dưới chiêu bài "chiến tranh giải phóng nhân dân", và áp dụng triệt để chính sách kinh tế trị để kiểm soát nhân khẩu.

- **Sức mạnh của Hoa-kỳ**, trái lại được cấu tạo bởi tinh thần luật pháp (kỷ luật) và tư tưởng dân chủ (pháp trị). Chế độ dân chủ Hoa-kỳ tôn trọng nhưng không tôn sùng và đề cao lãnh tụ. Họ tin tưởng và hãnh diện ở truyền thống lập quốc, ở tinh thần thượng tôn luật pháp của toàn dân và ở tài nguyên phong phú và khả năng phát triển kinh tế kỹ thuật cao độ. Hoa-kỳ phát triển võ khí chiến thuật và chiến lược như một phương tiện để hỗ trợ cho sức mạnh pháp trị chứ không chủ trương chinh phục thế giới bằng võ lực (chính sách Mỹ châu của người Mỹ châu). Sức mạnh của quân đội Hoa-kỳ thể hiện qua tinh thần kỷ luật cao độ và khả năng kỹ thuật cao độ. Nhưng như bản chất của một xã hội tư bản, người Mỹ tin vào sự giàu có của mình. Có tiền mua tiên cũng được, nên họ không ngần ngại trước một cuộc mua bán đổi chác có lợi.

- **Tóm lại dưới quan niệm võ trị** thì sức mạnh và phương tiện đã hòa nhập làm một, và cứu cánh biện minh cho phương tiện, vì thế họ triệt để sử dụng những phương tiện võ trị, khủng bố, đàn áp. Con người trở thành vô trị và một khối người giống như một khối sắt di động.

- **Dưới các chế độ dân chủ pháp trị** thì sức mạnh pháp trị luôn luôn cần có phương tiện võ trị để hỗ trợ mới đứng vững. Cho nên chính quyền bảo vệ dân mà dân luôn luôn cảm thấy mình bị áp bức, thiệt thòi. Đó là điểm mâu thuẫn dễ bị khai thác.

Còn sức mạnh của một nền văn trị là gì? Ta không hình dung được sức mạnh của một nền văn trị qua bộ quân phục, không ước lượng được bằng một con số, vì đó là sức mạnh văn hiến, lấy "tự chủ" làm gốc tự cường. Tinh thần tự chủ là sức mạnh chủ yếu của dân tộc Việt Nam; thật vậy, trước thời ông Bảo Đại nước ta chưa từng có một đoàn quân chính quy mà chỉ có dân quân và nghĩa quân. Thời Pháp thuộc, trong giai đoạn toàn dân nổi dậy chống xâm lăng, cụ Phan Bội

Châu lúc đầu đã từng nhiệt liệt cổ động phong trào Đông-du, đưa du học sinh ra nước ngoài học lấy những kỹ thuật tân tiến, những tư tưởng mới của Tây phương để mang về cải tạo đất nước, phát triển sức mạnh chống ngoại xâm. Thế rồi qua nhiều kinh nghiệm và sự suy nghiệm, cụ mới nhận thấy sức mạnh đích thực đã bảo tồn dân tộc qua mấy ngàn năm thử thách không phải là ở vũ khí tân kỳ, không phải là ở kỹ thuật tân tiến, mà chính là ở nền văn hóa truyền thống của dân tộc, nền văn hóa bao gồm một đạo sống sâu xa và một nền giáo dục đầy tính quật khởi. Để nhắc nhở điều tri kiến ấy cụ đã viết trong phần đề tựa của cuốn Chu Dịch: **"Phật trong nhà không cầu mà đi cầu Thích Ca ngoài đường, trong túi mình có bảo châu mà lại ngửa tay xin người từng hạt gạo; đó chả phải là điều hết sức kỳ quái hay sao?"**

Lấy sức mạnh văn trị làm chủ lực, nhờ **"tự chủ"** ta luôn luôn làm chủ. Trong việc quốc phòng, dù ta yếu cũng làm chủ, dù giặc mạnh cũng vẫn là giặc mà thôi. Chủ rồi thì cũng về nhà mình, giặc thì tất sẽ phải cuốn gói ra đi. Nhờ tinh thần tự chủ từ phạm vi sâu xa của nhân tính, ta đã mở rộng thành tinh thần quốc gia tự chủ. Chính cái sức mạnh tự chủ không hình trạng ấy, không đếm được bằng con số ấy đã bảo tồn dân tộc Việt Nam qua hơn một ngàn năm Bắc thuộc, đã dựng rừng gươm trên ải Chi Lăng, đan bẫy giáo dưới nước Bạch Đằng để giúp dân ta dựng cờ tự chủ. Sức mạnh văn trị đã đào tạo nên một lớp kè sĩ Việt Nam không xuất thân từ một trường võ bị nào mà có thể chiêu mộ nghĩa binh, cầm quân trăm vạn cứu nguy xã tắc. Xã hội ta lấy nông nghiệp làm căn bản. Kè sĩ và nhà nông là một kết hợp hoàn hảo. Chưa có một nông dân nào bán nước, chưa có một kè sĩ nào chịu khuất phục kẻ thù, trừ lớp khoa bảng đội lốt kè sĩ. Kè sĩ biết **"lấy chí nhân thay cường bạo"** làm sức mạnh, kè sĩ có **"binh giáp tàng hung trung"** làm khí giới. Đã có sức mạnh và làm chủ được sức mạnh của mình thì có thể xử dụng mọi phương tiện mà vẫn không rời **"đạo"**, từ phương tiện văn trị (giáo hóa), đến pháp trị (trừng phạt) và võ trị (hủy diệt).

- **Tóm lại, sức mạnh văn trị là sức mạnh tự chủ**, có tự chủ thì sẽ tự cường, có sức mạnh thì dù chưa có phương tiện ta sẽ tạo ra phương tiện, còn không có sức mạnh thì phương tiện tốt cũng trở thành sắt vụn đồng nát mà thôi.

Sự sai lầm căn bản trong cuộc chống cộng của chế độ Cộng Hòa Việt Nam là không lưu tâm đến sức mạnh văn trị **"tự chủ"**, không phát

triển uy đức của sức mạnh văn trị, mà chỉ tin vào uy lực pháp trị, người lãnh đạo quan niệm chính trị là thủ đoạn, và tệ hại hơn nữa đã đồng hóa sức mạnh chống Cộng của toàn dân với phương tiện tức là vũ khí. Thành lập quốc gia trên nền tảng pháp trị thuần túy Tây phương làm cho dân tộc mất tự chủ. Xử dụng phương tiện võ trị (trả thù, đàn áp...) để hỗ trợ nền pháp trị làm cho chế độ mất chính nghĩa. Lầm tưởng phương tiện (vũ khí trang bị) là sức mạnh tạo cho bọn lái buôn tư bản có cơ hội lũng đoạn sức mạnh cứu nước của dân tộc Việt để rồi bán đứng Việt Nam Cộng Hòa cho Cộng sản quốc tế. Khi ta trở thành món hàng trao đổi bị coi rẻ, thì cả một quân lực được gọi là mạnh nhất nhì Á Châu theo quan niệm lượng giá bằng vật chất của Tây phương, chỉ còn một cách duy nhất là quăng vũ khí mà chạy tháo thân. Vũ khí lúc đó là gì? là củi mục? là sắt vụn, đồng nát? Bởi vậy, trong cuộc chiến đấu cuối cùng với giặc Cộng để giải trừ Cộng sản và giải phóng quê hương ta không thể tự cho phép sai lầm một lần nữa, lầm lẫn phương tiện với sức mạnh và sức mạnh văn trị của dân tộc với sức mạnh xâm lược vũ trị của kẻ thù.

3.3 -CHIẾN ĐẤU CHO MỘT NƯỚC VIỆT NAM VĂN HIẾN

Nền văn hiến Việt đã và đang bị thử thách, và hầu như bị chôn vùi dưới những tầng quên lãng của kỷ nguyên "**vật hiến**" này. Dựng lại một nước Việt Nam Văn Hiến ta sẽ không tránh được những thử thách mới, vì thế phải sẵn sàng tinh thần chiến đấu. Trong tất cả các cuộc chiến đấu, bạn và thù vẫn thường được xác định rõ rệt. Cuộc chiến đấu phục hồi nước Việt Nam Văn Hiến cũng không ngoài quy luật đó. Tuy nhiên bạn và thù không phải là những ý niệm tuyệt đối. Phục hồi một nước Việt Nam Văn Hiến trong tinh thần hiến dâng cho văn minh nhân loại, ta nhìn "**kẻ thù**" khác hơn là tất cả những con người đang bị trói buộc trong những quy ước chằng chịt của đối phương, và nhìn "**bạn**" rộng hơn đồng thời cũng tinh vi hơn tầm mức hạn hẹp của phe nhóm. Người bạn và người đồng minh đáng tin cậy không phải là người có thể bán ta bất cứ lúc nào có lợi, không phải là người sẵn lòng ban bố cho ta vừa đủ quân nhu vũ khí để trang bị cho một đoàn lính đánh thuê trong giai đoạn.

Người bạn của dân tộc ta phải là người thể hiện được tinh thần văn hiến, tức là thể hiện được Tình người và Nghĩa làm người trong cuộc chiến đấu chung. Còn kẻ thù chính là tinh thần "**vật hiến**", là gông cùm duy vật đang tròng lên đầu lên cổ một phần lớn nhân loại, kể cả những dân tộc không thuộc vào khối duy vật Cộng sản. Nếu

muốn triệt hạ cái gông đó mà giết người mang gông thì không khỏi oan uổng. Nhưng nếu không chấp nhận một sự hủy diệt thì làm sao mở trời cho những người khác? Tấn công vào thành trì duy vật là một vấn đề tế nhị vì nó là một thực thể không biên giới.

Vậy trước khi nói chuyện hủy diệt ta hãy bàn chuyện cứu người. Những người cần phải cứu đầu tiên là những người duy vật. Cứu những người duy vật để cứu đồng bào ta đang bị duy vật Cộng sản chà đạp, cũng như đã từng bị **duy vật Tư bản** thao túng bán đứng.

Thoạt nghe nói "**Hãy cứu những người duy vật**" chắc hẳn chúng ta sẽ giạt mình, vì nó có vẻ ngô nghê và phản thực tế! Nhiều người Tây phương lái xe trên đường phố dán trên kính xe của họ câu "**Save the Dinosaur**". Dinosaur là loài khủng long đã từng sống trên trái đất hàng trăm triệu năm trước lịch sử loài người, ngày nay những nhà khảo cổ chỉ tìm thấy những di tích hóa thạch, phải xú dụng đến đồng vị Phóng xạ để đếm tuổi của nó. Tại sao cứu con Dinosaur? Và làm sao cứu con Dinosaur? Đây là một lối vui đùa của người Tây phương, để kêu gọi cứu vãn những gì chậm chạp vĩ đại nhất! nhưng con khủng long chậm chạp thời thái cổ làm ta liên tưởng tới con Rồng thiêng của huyền thoại Việt. Rồng là tượng trưng cho sức mạnh bền bỉ, là tiềm năng của Địa (tiên tích Đức, hậu tâm Long). Ta không sợ con Rồng Việt lâm nguy, con Rồng thiêng ấy vốn bất tử vì nó tiềm ẩn trong sự sống của con người (Người là hòa thể Tiên Rồng), trong sức sống của dân tộc ta và của chính chúng ta. Nhưng cần cứu nó, thực vậy, vì con Rồng thiêng ấy đang gặp hội vùn vầy trên mây và tưởng mây là Trời. Mây chỉ là áng phù vân, là một kết tụ nhẹ của vật chất, là tinh thần chuộng vật chất. Vì thế Rồng chưa gặp được Tiên, Thiên chưa bén Địa, đường "**Giao Chi**" chưa nổi, và loài người chưa tìm được bản tính con người !

Bởi thế tiếng kêu cứu của chúng ta là: Hãy cứu lấy con Rồng Việt khỏi đám phù vân duy vật để cứu lấy nhân tính.

Làm sao cứu lấy con Rồng Việt? Cứu Rồng thì phải có " thuốc Tiên ", hay nói cách khác, muốn cứu vãn cơ đồ giống " vật hiển " thì phải dựng " văn hiển ". Phải vững tin vào những bước tiến của nền nhân bản thực sự của loài người để dựng lại nước Việt Nam Văn Hiến cho dân tộc Việt Nam Văn Hiến, và khởi xướng nền Dân Chủ Văn Hiến, mở

lối thoát cho cộng đồng nhân loại đang chìm đắm trong những ý niệm của cuộc tranh thủ triển miên cho Quyền và Lợi.

Có thể cứu bằng cách nào nữa không ?
Nhà thơ "Ngục sĩ " Nguyễn Chí Thiện viết về sự hung bạo của lũ người trót thờ tà thuyết Cộng sản duy vật mà ông ta là nạn nhân cả một kiếp sống như sau:

**Đừng sợ cái cực kỳ man rợ
Dù nó đang thịnh thời rục rĩ nơi nơi
Phải vững tin vào bước tiến con người.
Phải cứu lấy chúng nó, phải tìm ra một phương thuốc
Dù là thuốc Nổ.
(Đừng sợ, N. C. T. 1975)**

Thuốc Tiên hay thuốc Nổ? Cả hai đều cần thiết, vì nó là sức mạnh và phương tiện, sức mạnh văn trị và phương tiện võ trị. Con đường chiến đấu của chúng ta cho một nước Việt Nam Văn Hiến phải được soi sáng bằng đạo sống Tiên Rồng Việt, bằng những giá trị đạo đức của nền văn hiến, văn trị Việt; nhưng có thể phải được mở lối bằng thuốc nổ và sức con người.

PHẦN TẠM KẾT

Để kết thúc đề tài này, chúng tôi xin thêm vài lời về vấn đề "**Chính nghĩa**". Chữ chính nghĩa đã trở thành thời trang trong thế kỷ đầy tranh đấu sắt máu của chúng ta. Ai cũng nói đến chính nghĩa. Những thế lực cường bạo phi nhân lại nói chính nghĩa nhiều nhất. Bởi vậy chữ chính nghĩa đã mất hết nghĩa của nó.

Chữ **chính nghĩa** đã mất hết ý nghĩa, nhưng "**chính nghĩa**" thì vẫn còn ý nghĩa. Vì mất chính nghĩa là mất sức mạnh chiến đấu. Giả thử nếu ta chỉ biết nhắm mắt tận diệt đối phương trong cuộc chiến đấu này, cũng như người Cộng sản chỉ biết nhắm mắt bắn giết và triệt hạ cái mà chúng gọi là " Ngụy ", thì cả hai bên đều xứng đáng với chữ " ngụy ". Vì thế chúng ta vẫn còn bàn đến chính nghĩa.

- **Chính nghĩa** chỉ có thể hiểu được nếu trong cuộc chiến đấu này chúng ta giành được thể Tự chủ, tức là dành được tư thế " Chủ " và phanh phui được bản chất " Giặc " của giặc HỒ, của đảng cướp Cộng sản Việt Nam, tay sai của đế quốc Cộng sản quốc tế.

- **Chính nghĩa** chỉ có thể nghe được, nếu chúng ta không phản bội niềm reo vui "Bốn ngàn năm văn hiến" của tổ tiên còn vang vọng.

- **Chính nghĩa** chỉ có thể cảm được, nếu chúng ta biểu lộ được cái uy đức của nền văn trị Việt trong cuộc cứu nước bằng mọi phương tiện có thể có.

- **Chính nghĩa** chỉ có thể chấp nhận được nếu chúng ta không xa lìa thực tế và đồng thời không bỏ quên những giá trị cổ truyền.

Vì những lẽ đó, và vì tin tưởng ở những bước tiến của dân tộc, của nhân loại, chúng ta đã không ngần ngại dấn thân vào cuộc tranh đấu và **chiến đấu cho một nước Việt Nam Văn Hiến**. Chúng tôi tin tưởng rằng nước Việt Nam Văn Hiến là **Tụ Điểm Sinh Tôn** của dân tộc chúng ta, vì nó dựng được tinh thần tự chủ của dân tộc ta, nó làm vang dội tiếng reo vinh quang nhất của dân tộc ta, nó làm cho người Việt sống thực với đạo đức và niềm an lạc của nền văn hiến Việt. Thế kỷ 20 không còn là kỷ nguyên của tinh thần võ trị. Bạo lực Cộng sản và chủ thuyết duy vật của nó tất phải bị hủy diệt hoặc suy thoái, nhường chỗ cho nền dân chủ thực sự của thế giới. Nhưng nền dân chủ pháp trị cần được soi sáng dưới tinh thần văn hiến, thì dân tộc mới được an lạc và thế giới mới được hòa bình, nhân loại mới hưởng được ánh sáng văn minh.

CHƯƠNG II

GÁNH NẶNG ĐƯỜNG XA

ĐOẠN ĐƯỜNG THỨ NHẤT: Yêu nước

Từ lúc tâm hồn còn vô tư chưa có ý thức về trách nhiệm với quốc gia và đồng bào, đến khi nảy nở tình yêu nước và thể hiện tình yêu nước ấy bằng hành động là một đoạn đường xa. Kẻ có lòng với nước như lũ khách, gánh trên vai cả một gánh nặng Tình và Nghĩa. Tình với non sông, Nghĩa với đồng bào. Vì yêu nước biết bao nhiêu người đã dám chết cho Tổ Quốc. Chết cho Tổ Quốc quả là nghĩa cử đáng tôn vinh, là những tấm gương rạng ngời hàng ngàn thế hệ. Thế nhưng điều mà Tổ Quốc cần hơn và mong mỏi hơn có lẽ, là những người biết sống và dám sống cho Tổ Quốc.

Tình yêu là một trong những khí giới tối thượng của loài người. Người biết thương biết yêu nên phát sinh ý chí và sức mạnh để bảo vệ cái đối tượng của tình yêu ấy. Nhưng cũng vì cái bản năng thương yêu mà người có khuynh hướng chiếm đoạt, cho dù phải chết vì làm việc chiếm đoạt. Yêu thương là nguồn của sự sống. Biết sống cho mình và cũng cho người khác được sống mới là biểu lộ của thương yêu, là phát biểu trọn vẹn của nhân tính. Giơ tay hái một bông hoa hương sắc bên đường không phải là thương yêu, mà chỉ là phát biểu của bản năng chiếm hữu. Hành động yêu nước cũng vậy.

Trong lịch sử nước ta có những người tài cao chí cả, học rộng biết nhiều, hiểu biết lẽ "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" nhưng chỉ vì quá trọng cái địa vị, quá yêu cái xã tắc mà mang trọng tội với nước với dân.

Nhà Trần mất vì Hồ Quý Ly thoán đoạt. Hồ Quý Ly là người tài trí phi thường, chỉ vì tham lợi tranh quyền, muốn canh tân đất nước mà làm mất đất nước. Trần Thiêm Bình là hậu duệ nhà Trần, sang Tàu kêu van với vua nhà Minh xin đem binh về đánh Hồ báo thù mới tạo nên cái cớ cho bọn Trương Phụ, Mộc Thạch kéo quân vào bờ cõi đây

xéo, bóc lột, tàn sát dân ta, nổi thống khổ oan khiên không bút mực bào tả xiết. Nếu không có người nông dân Lê Lợi nuôi chí bất khuất khởi nghĩa cứu nước thì từ đâu thế kỷ 15 đen tối ấy, không biết đến bao giờ dân ta mới ngóc đầu lên được. Cuối đời Lê lại có Chiêu Thống cùng bọn thuộc hạ sang Tàu làm thân lữ khách qụy lụy cầu cứu nhà Thanh để đòi lại nước. Vua nhà Thanh nhân dịp ấy mới mượn tiếng cứu nhà Lê, sai bọn Tôn Sĩ Nghị mang quân vào Thăng Long để mưu chiếm lấy nước ta. Cái họa Bắc thuộc gần kề, may nhờ có vị anh hùng Tây Sơn Nguyễn Huệ một trận oanh liệt đại phá 20 vạn quân Thanh, dân tộc ta mới giữ được nền tự chủ. Sau lại đến Nguyễn Ánh nuôi chí nhất thống sơn hà, mượn quân Xiêm La về đánh Tây Sơn rồi nhờ Bá Đa Lộc mang Hoàng tử Cảnh sang cầu viện người Pháp. Vua Gia Long thống nhất được đất nước, gọi Tây Sơn là "ngụy", nhưng cái họa gần 100 năm nô lệ thực dân Pháp sau này ai gánh vác?

Trường hợp Hồ Chí Minh rõ rệt hơn nhưng cũng oái ăm hơn. Hồ Chí Minh tức Nguyễn ái Quốc, trong dịp kỷ niệm 70 tuổi của y tại Hà Nội đã thú nhận rằng hành động của mình lúc đầu là vì "**chủ nghĩa yêu nước**". Vì yêu nước (hãy tạm coi đó là yêu nước) và chưa biết làm sao tranh thủ cái đối tượng mình yêu trong tay thực dân Pháp, nên Hồ bắt chước những nhà ái quốc đương thời, tìm cách lén ra hải ngoại để học bài học cứu nước và trở thành đệ tử của Lê Nin ngay khi đọc xong bản Luận Cương Cộng Sản:

"Người đọc Luận cương rồi bật khóc
Lệ Bác Hồ rơi xuống chữ Lênin (!)"

Từ đó, vì yêu nước họ Hồ đã trở thành nhân viên của sở phản gián Nga; vì yêu nước họ Hồ đã ngầm bán cụ Phan Bội Châu cho Thực dân lấy mười ngàn đồng bạc Đông Pháp và thủ tiêu hầu hết những thanh niên yêu nước tốt nghiệp trường quân sự Hoàng Phố (Trung Hoa) trên đường về quê hương hoạt động chống Pháp; Vì yêu nước họ Hồ đã hành động không mấy khác Trần Thiêm Bình, Lê Chiêu Thống, mượn chủ thuyết Mác Lê Nin và thế lực Cộng sản quốc tế để chiếm đoạt cái đối tượng mình thương yêu; nhưng nham hiểm hơn, họ Hồ đã mượn tiếng nói và mượn tay những người quốc gia yêu nước để triệt hạ những người quốc gia yêu nước trong cuộc tranh thủ ấy. Sau này Hồ đã thú thật, **mới đầu thì do tình yêu nước đây (Hồ gọi là chủ nghĩa yêu nước), nhưng sau thì do sự nghiên ngẫm sâu xa chủ nghĩa Cộng sản duy vật, Hồ và đồng bọn đã tìm thấy ở đây một hình ảnh tối thượng, một đối tượng còn cao hơn Tổ**

quốc, còn rộng hơn nghĩa đồng bào, còn sâu hơn tình dân tộc ruột thịt. Cho nên Tổ quốc và đồng bào dưới tay Hồ đã trở thành những công cụ vô tri cho phong trào Cộng sản quốc tế. "**Yêu nước là yêu Xã hội chủ nghĩa**", với định nghĩa ấy họ Hồ và đồng bọn đã trút sạch gánh nặng Tình và Nghĩa với non nước, với đồng bào để biến phong trào Việt minh trở thành bọn giặc Hồ, bọn giặc Minh ủy nhiệm. Những người "**yêu nước**" ấy đã trút xong gánh nặng, đáng lẽ không nên nói tới nữa, nhưng đó là câu chuyện nên luôn luôn nhắc nhở trên đường xa gánh nặng để phân biệt **Yêu nước** và **Cứu nước**:

**Yêu nước, cứu nước hai cái khác
Yêu là đam mê, cứu là gánh vác.**

ĐOẠN ĐƯỜNG THỨ HAI: Gánh nặng cứu nước.

Nhà nước Cộng sản lập ra rất nhiều đoàn thể lấy tên là các Hội Yêu nước. Người Việt chống cộng ở hải ngoại cũng có rất nhiều hội đoàn yêu nước. Vậy biết ai là người cứu nước?

Từ **hành động yêu nước đến hành động cứu nước** là một quãng đường xa. Con đường hành động của người Việt Nam yêu nước nếu không được hướng dẫn bởi ý thức cứu nước, được tôi luyện qua các giai đoạn lịch sử, nếu không được trải bằng hạnh hy sinh, không được soi bằng đạo sống Việt thì chỉ là những "**đường đi không tới**" Biết bao nhiêu công dân Việt ưu tú hiện giữ những chức vị trọng yếu trong hàng ngũ Cộng sản Việt Nam đang cười đau khóc hận trên quãng "**đường đi không tới**" ấy!

Thế giới không có một trường học nào dạy cứu nước cả. Hồ Chí Minh lúc còn trẻ tuổi là một người "**yêu nước**" quá lanh lợi, cho nên ngay khi lên ra hải ngoại để học bài cứu nước đã tìm ra được một "**ông thầy phi thường**", dạy lấy chân làm đầu, lấy đầu làm cái để đi, lấy vật làm chủ, dạy nắm lấy bao tử (dạ dày) nhân dân để điều khiển bộ óc con người, dạy lấy cầm hờn, sắt máu làm động cơ, làm sức mạnh và phương tiện cứu nước! Vì thế mà dù cho "**Sông có thể cạn, đá có thể mòn**" nhưng con đường mòn Hồ Chí Minh chắc chắn đi mãi cũng không bao giờ tới vinh quang tự chủ dân tộc được, chỉ có máu và nước mắt của đồng bào mà thôi.

- Vậy thì ta học bài học cứu nước đâu? - Xin thưa, ở Tổ tiên.

Hơn bốn mươi thế kỷ trước họ Hồng Bàng khai sáng nước Văn Lang; tổ tiên trăm họ Việt chúng ta đã chiến đấu để gây dựng và bảo vệ nước Văn Lang văn hiến. Đức Phù Đổng nhổ tre đuổi giặc, dạy con cháu lấy ý chí dân tộc tự chủ và tài nguyên quốc gia làm căn bản cho đạo quốc phòng. Vua Thục An Dương Vương cày có nỏ thần, thành chắc, tức là dựa vào sức mạnh bên ngoài và sức mạnh vật chất mà mất nước. Đó là những bài học khai tâm. Hơn bốn mươi thế kỷ, đã có biết bao bài học cứu nước ...

Vậy thì trên con đường cứu nước, ngoài **"Tình sâu, nghĩa nặng"**, người ta phải gánh trên vai thêm gánh nặng **"ý thức cứu nước"** và **"Ý thức về sự hy sinh cứu nước"** chứ không phải những đam mê lãng mạn của một cuộc thay cũ đổi mới kiểu cách mạng mùa thu: Cách mạng vô sản biến con người thành chó sói biết **"phanh cây uống máu quân thù"**!

ĐOẠN ĐƯỜNG THỨ BA : Thành tựu việc cứu nước.

Gánh thì nặng, đường thì xa, biết lấy gì làm niềm tin mà mạnh tiến?

- Phải vững tin vào bước tiến con người.

Đây là câu trả lời xác đáng nhất. Bước tiến của loài người đã được chính Duy Vật sử quan mô tả bằng những chứng tích cụ thể. Thế kỷ của chúng ta là thế kỷ chói sáng của nền văn minh vật chất với những phát triển đột bực về năng lượng, về kỹ thuật, với sự bành trướng tột độ của hai chủ thuyết cùng huyết thống, cùng thứ loại là Cộng sản duy vật và Tư bản duy lợi. Nhìn theo sử quan duy vật và nói theo biện chứng duy vật thì hai sức mạnh chủ yếu ấy tất phải xung đột và tiêu diệt lẫn nhau để làm sinh ra một thực thể thứ ba nào đó, không biết. Làm sao ta biết được con gà con khi nở ra từ một quả trứng sẽ là một sinh vật dễ thương hay sẽ là một con gà què, một quái trạng? Ta không đủ căn cứ để tin vào một lời biện chứng như vậy, nhất là biện chứng ấy lại xây dựng trên những chuỗi dài của những căm thù, xung đột và hủy diệt. Nhưng chúng ta có thể **vững tin vào bước tiến con người**, vì người là sinh vật có hai chân để tiến về phía trước, có hai mắt để nhìn về phía trước. Và đơn giản như vậy, **như hai hơi thở ra và vào giữ gìn mạng sống, như hai bàn chân đẩy guồng máy hoạt động**, nền văn minh vật chất và nền văn minh tâm linh phải

ngẫu hợp với nhau và trở thành ngẫu lực tiến hóa để thành tựu nền văn minh nhân tính.

Nhân loại đang chuyển mình để bước từ kỷ nguyên văn minh vật chất sang kỷ nguyên văn minh nhân tính, và các chế độ vật bản sẽ phải thay đổi lông, đổi cánh, chuyển hồi tâm tính để bước sang thời đại văn hiến mới của nhân loại.

Suy nghiệm lại con đường dài của hơn 40 thế kỷ qua, tất cả những nỗ lực, những xương máu, những thành bại của tiền nhân đều là những minh chứng để cho thế hệ chúng ta xác tín một điều duy nhất là phải lấy **ý thức tự chủ** làm nền tảng để xây dựng một quốc gia văn hiến. Nhìn lại những quá trình tranh đấu ấy, ta thấy trong lịch sử văn hiến Việt bị thử thách nặng nề bởi xâm lược phương Bắc thì phần lớn nhân loại vẫn ở trình độ phong kiến. Từ thế kỷ 19, thế giới thực sự bước vào ngưỡng cửa của nền văn minh vật chất với các cơ chế chính trị đặt nặng trên cuộc tranh thủ quyền và lợi, thì ý thức văn hiến càng mờ nhạt. Ta không tìm thấy ở hầu hết các phong trào chống thực dân phương Tây một ý thức tự chủ rõ rệt nào cả, mà chỉ thấy thấp thoáng những chủ thuyết Tây phương, những bản Tuyên ngôn Độc Lập đầy mỹ từ và đầy tính sắt máu.

Đến chặng cuối thế kỷ 20 này, khi thế giới đã mỏi mòn vì hiến dâng cho văn minh vật chất, người ta mới ới ới gọi nhau để trở về nhân bản. Đây là lúc thức giấc của loài người để bước vào nền văn minh mới: **Văn minh nhân tính**. Nói theo duy vật sử quan thì đây là một bước tiến vòng tròn ốc theo chu trình tiến hóa, và vì thế thì " trở về nhân bản " hay " tiến tới văn minh nhân tính " cũng đồng nghĩa. Cho nên cát bụi phải trở về cát bụi, các chế độ duy vật tất sẽ phải tự giải trừ, rũ bỏ những lớp áo phong sương vay mượn, để hòa mình vào cuộc tiến hóa ấy. Còn nền văn hiến Việt đã sẵn có một cơ sở nhân tính, đó là **Ý thức tự chủ**, tự chủ từ tâm thức mở rộng ra tâm kích quốc gia; nhưng nó đã mất một phần lớn năng lực hoạt động trong những lớp lớp vòng đai duy vật. Cho nên cuộc chiến đấu cho một nước Việt Nam ngày nay vẫn là **cuộc chiến đấu cho một nước Việt Nam Văn Hiến** để khôi phục năng lực tiến hóa. Người chiến sĩ trên đường cứu nước như thế phải là một chiến sĩ văn hiến, nghĩa là ngoài gánh nặng trên vai còn phải mang nhân tính trong nhân thể, chứ không phải là những con quỷ đỏ đòi nợ máu. Đó là tiếng réo gọi của đạo sống Việt, của đạo sống loài người.

Đạo sống Việt là đạo sống Tiên Rồng lưỡng hợp hòa đối. Đạo sống ấy khai thị bốn đức tính căn bản **Nhẫn , Cần, Kính, Hòa** từ những cơ sở nhận thức: **thân thức, ý thức, trí thức và tâm thức**.

1 - Rồng là tiềm năng của dân tộc, là khí thiêng sông núi kết tụ. Lúc vị ngô rồng uốn khúc nằm ao tù, rồng ẩn sâu trong mạch đất (Long mạch tiềm ẩn) ấy là đạo **Nhẫn**. Người làm việc cứu nước lấy nhẫn làm gốc, biết gánh trên vai cả một núi những khinh khi, nhục mạ cũng thấy nhẹ như những ca ngụy, thôi thúc, mới mong làm nên việc... Nhẫn là căn bản của đạo sống Việt: một sự nhịn chín sự lành. Nhẫn là thu mình lại để nuôi ý chí, tích lũy tiềm năng. Bốn mươi năm bị Cộng sản lừa gạt, bóc lột, đàn áp, toàn dân ta đã biết nhẫn nhục để chờ một ngày quật khởi, thì mười mấy năm lưu vong của người Việt ở hải ngoại mới chỉ là một giai đoạn thử thách ngăn ngại để học chữ nhẫn. Rồng ẩn càng sâu thì bay lên càng cao.

2- Rồng gặp mây là lúc thỏa chí vẫy vùng, là lúc đặc ý nhất. Nhưng đây chính là lúc phải cẩn trọng nhất. Người cầm quân chỉ thường thua trận đúng lúc tưởng mình đang đắc thắng; người ta chỉ ngộ nạn ngay khi tưởng mọi sự đều an toàn, không ngờ đến những cái bất ngờ. Cần tắc vô ưu người đánh trận thắng không kiêu, bại không nản; biết mình biết người... Người làm việc cứu nước không thể bắt chước những phường tiểu nhân đắc chí. Gần đây người ta nghe nói đến những tập hồi ký "**Kết thúc trận chiến tranh ba mươi năm**" của Trần Văn Trà, tập "**Đại thắng mùa xuân**" của Văn Tiến Dũng, nội dung là những giọng khoe khoang quá lỗ của những kẻ không ngờ là mình thắng, ít nhất cũng không ngờ là mình lại thắng lớn đến thế. Kết quả là những cái mâu thuẫn của sự khoe khoang đã đưa tướng Trà về vườn và đưa Văn Tiến Dũng kẻ thắng trận của truyền thống "**nhất tướng công thành vạn cốt khô**" lên ngôi người hùng của quân đội nhân dân Việt cộng. Thái độ đặc chí là mồm của tai họa. Cái họa cho mình là họa nhỏ; họa cho dân tộc mới là họa lớn. Ấy là đạo **Cần** của đạo sống Việt.

3- Rồng không phải chỉ bay lên mây để vẫy vùng đắc chí trong đám phù vân vật chất, mà còn phải bay cao hơn nữa. Rồng phải gặp Tiên.

Cộng sản chiếm miền Nam Việt Nam là Cộng sản thắng, là nhân dân miền Nam thảm bại và nhân dân miền Bắc chua xót. Kẻ thắng trận thỏa chí bóc lột, đàn áp, trả thù. Người thua trận âm thầm nhịn

nhục. Giả thử nếu là một cuộc chiến đấu cho dân tộc thì tại sao dân tộc ta lại có người nhục kẻ vinh? Cuộc chiến đấu cho một nước Việt Nam Văn Hiến là cuộc chiến đấu cho toàn dân, không phải cho một nhóm, một phe đảng, hoặc cho một thế lực quốc tế như kiểu đế quốc Cộng sản hay đế quốc Tư bản. Cho nên khi thắng, là toàn dân cùng thắng, nếu bại là toàn dân cùng thất bại. Người làm việc cứu nước biết đau xót với cái thất bại của toàn dân ngày nay, để biết kính trọng cái phút vinh quang của cả dân tộc mai sau mà xóa tan các dị biệt. Ấy là đạo **Kính** của đạo sống Việt: Trên kính dưới nhường.

4- Cứu cánh của đạo sống Việt là đạo **Hòa**, Tiên Rồng lưỡng hợp, hòa thể. Tiên và Rồng sinh thành ra Việt, nhưng khi đã tạo thành Việt thì không còn phân biệt Rồng và Tiên. Tất cả đều là anh em trong cùng một bọc mẹ "xung khí dĩ vi hòa"; sau chiến tranh chỉ có thanh bình, chỉ có an lạc, chỉ có anh em; lẽ nào còn kẻ thắng người thua, kẻ hơn người kém, kẻ bóc lột đàn áp và người bị bóc lột đàn áp? Chữ đồng bào là ý nghĩa đạo hòa trong việc lạc quốc an dân, là đối tượng của việc cứu nước.

Thân nhân, ý cần, trí kính, tâm hòa; người làm việc cứu nước có thể mang theo ngàn ấy trang bị cùng với những gánh nặng trên đường chiến đấu cho an lạc của trăm họ Việt hay không?

Người Ghi Chép chỉ xin dâng lên một vài ý kiến

Thứ nhất - **Gánh còn nặng, đường còn xa**, xin hãy cùng nhau lắng tâm suy nghiệm để làm sáng nghĩa chữ "**yêu nước**" từ lâu đã bị bọc kín trong những cái túi nhung túi gấm. Rồi nhân những phút lắng tâm ấy, có lẽ chúng ta mới vỡ lẽ hai chữ Tự chủ nó khác với hai chữ Độc Lập đã được xướng lên từ Mười Hai Sứ Quân thời nhà Ngô, trong giai đoạn đầu mong manh của nền tự chủ nước nhà; và gần đây hơn đã được đọc trong bản Tuyên-ngôn Độc-lập ở Ba Đình trong thời quốc tế cộng sản tràn vào Việt Nam. Ý thức tự chủ khởi từ Tâm, không phải từ một tham vọng. Từ tâm thức tự chủ ta mới mở rộng ra thành ý thức dân tộc tự chủ để cùng dân tộc quy tụ vào một nền văn hiến mới, một nước Việt Nam Văn Hiến mới để cùng thế giới tiến bước vào kỷ nguyên văn minh nhân tính mới. Đó là vấn đề thuộc chiến thuyết.

Biết lấy tâm làm khởi điểm tức là lấy tự chủ làm gốc mọi hành động ta mới có được "**chân cứng đá mềm, chí bền dạ sáng**" để cứu nước. Người xưa lấy "**tâm công**" đánh giặc, đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo để đuổi giặc Tàu xâm lược; Nay

chúng ta cũng nên lấy "**công tâm**" làm phương sách căn bản của chiến-thuyết dân-tộc để đánh đuổi bọn thái thú ủy nhiệm giải cứu toàn dân. Nhưng làm sao đánh vào lòng người mà không đánh vào vết thương của dân tộc?

Giặc "**nhất trí**" củng cố, bành trướng tà thuyết Mác-lê . Ta "**Đồng Tâm**" dựng đạo sống Việt.

Giặc lấy "**chiến tranh giải phóng**" lấy "**đấu tranh giai cấp**" để thống trị nhân dân, thành lập nước Xã hội Chủ nghĩa để tiến tới Cộng sản chủ nghĩa đại đồng duy vật; Ta lấy "**đại nghĩa phục quốc**" và "**bọc mẹ trăm con**" để giải cứu toàn dân, dựng lại nước Việt Nam Văn Hiến mới, để cùng thế giới tiến tới văn minh nhân bản hòa đồng.

Tổ chức nhất tâm, đồng bào đồng tâm, kết chặt bức thành đồng bao vây giặc Cộng.

Thứ hai - **Gánh còn nặng, đường còn xa...** nhưng gánh không còn nặng, nếu ta biết quăng đi những cái gì không cần phải gánh; và đường không còn xa như ta tưởng. Nếu không cấp thời chuẩn bị để sẵn sàng cứu nước khi thời cơ đột chuyển, thì con đường dẫn tới cuộc Bắc thuộc lần thứ tư hoặc Tây thuộc lần thứ hai không phải là chuyện huyền hoặc nữa.

(1) Vật tổ (totem): Trong các xã hội nguyên thủy (bộ lạc), người ta thường chọn một con vật hay một vật tự nhiên nào đó, mà họ cho là có liên hệ huyết thống với thị tộc (giòng họ) để tôn thờ như thần thánh.

(2) Bài này được viết trước khi các dân tộc Đông Âu quật khởi giải trừ các chế độ Cộng sản thống trị trên quê hương họ.

PHẦN HAI

TÂM VẤN

- Chương I - Xác tín.
- Chương II - Quan niệm hành động.
- Chương III - Phục văn: Đạo sống Việt.
- Chương IV - Phục hiến: Dân tộc Văn Hiến.
- Chương V - Phục chính: Văn trị hòa đối Kinh tế An-vi.
- Chương VI - Phục nhân: Xã hội Nhân-chủ.

... Như hai hơi thở ra và vào giữ gìn sinh mạng, Rõng và tiên là nguyên năng của sự sống. Tiên Rõng cũng là nguyên lý vận hành vạn vật.

Nguyên lý cấu tạo vũ trụ vạn vật là nguyên lý vận hành hòa hợp Tính và Thể, ta gọi đó là "**lưỡng hợp hòa đối**", là **hòa**.

Đạo sống Việt là đạo sống chứa đựng nguyên lý chữ hòa đó; và người Việt, hay rộng hơn, "**người**" là "**thể hòa**": vì Rõng không phải là Việt mà Tiên cũng không phải là Việt, phải có cả tiên và Rõng ngẫu hợp hòa thể mới sinh thành ra Việt; phải có cả tâm linh lẫn vật thể thì mới là con người.

Tất cả từ nguyên lý đó mà ra: Đạo **tu, tề, trị, bình** - (theo Khổng giáo) (*)

Tất cả chứa đựng trong nguyên lý đó: từ **cá nhân, gia đình**, đến **quốc gia, nhân loại**... (theo tập tục nhân sinh)

Vẫn biết trên mảnh đất sống của loài người thì người làm chủ (nhân chủ), tuy nhiên người không thể đứng trên một chân mà đội trời đạp đất. Trời và đất, vô thể và hữu hình, tâm linh và vật chất, tình và lý, cái chung và cái riêng, quốc và gia, gia và đình... là những cặp chân tạo nên thể đứng cho nhân sinh, vũ trụ. Cho nên chúng ta nghiên cứu nguyên lý lưỡng-hợp hòa-đối để xác tín đạo sống Tiên-Rõng hòa đối (hay Đạo sống Việt) xác tín Đạo sống Việt để soi sáng hành động; Làm sáng tỏ

hành động để có thể cứu mình, cứu người và cứu nước; vì Tiên và Rồng quả nhiên là hai hơi thở, và chỉ giản dị thể thôi: Hơi thở Tiên (vào) và hơi thở Rồng (ra) làm chủ sự sống. Ngày nay loài người đang thở hắt ra bằng hơi thở duy vật, thiếu hơi thở tâm linh. Loài người đang chỉ sống bằng nửa phần vật chất của mình, chỉ biết đến sức mạnh và lý trí. Đó là con bệnh sắp chết, nếu không tìm được "**thuốc Tiên**"

Từ căn bản suy nghiệm đó, chúng tôi ghi chép phần **Tâm vấn** là phần nguyên lý phổ quát (và phổ biến) của **Chính-lược phục quốc**, gồm các đề mục:

- **Xác tín.**
- **Quan niệm hành động.**
- **Phục văn: Đạo sống Việt.**
- **Phục hiến: Dân tộc văn hiến.**
- **Phục chính: Nếp sống an vi (văn trị hòa đôi , kinh tế an vi).**
- **Phục nhân: Xã hội nhân chủ.**

* * * * *

THƯA ĐỒNG BÀO,

Tâm vấn là món quà tha thiết gửi tới trong hành trang cứu nước của các bạn. Xin cùng suy nghiệm rồi tùy nghi xử dụng hay giữ làm chút kỷ niệm của những ngày cùng nhau suy tư tìm đường cứu nước. Nó là vật nhỏ mọn, có thêm vào gói hành trang gọn gàng của người cứu nước thì cũng chẳng đến nỗi nặng thêm bao nhiêu, mà có khi cũng thành bạn đường trong hành trình cô đơn vất vả.

Tại sao có cuốn tâm vấn này? người ghi chép xin có vài lời giải thích:

Tâm lược là sách lược nhu hòa căn bản, đáp ứng mặt trận văn hóa.

Trí lược là sách lược uyển chuyển sắc bén, đáp ứng mặt trận chính trị.

Chiến lược là sách lược tổng quát có tính cách mạnh mẽ và quyết định đáp ứng phần lớn mặt trận quân sự.

Trí lược (hay mưu lược) và Chiến lược không phải là những tài liệu công bố, chỉ có Tâm lược, tuy không phải lợi khí sắc bén và quyết định,

nhưng là nhân và quả cho đại cuộc phục quốc, lại đi đôi với chính lược và chiến lược như hình với bóng, như tâm với thể, nên có thể ghi chép thành minh thư phổ biến. Đó là mục tiêu của tài liệu vấn đáp này.

Đương nhiên phải xử dụng cả tâm, trí và chiến lược để thực hiện công cuộc phục quốc.

Phục quốc là cứu nước. Muốn cứu nước thì phải thắng giặc. Muốn thắng được giặc thì phải cố gắng thắng được mình trước đã. Đó là sự thật và đó chính là trường huấn luyện, vua Thục An-Dương-Vương cày có nỏ thần, thành chắc mà mất nước vì "giặc ngồi sau lưng" tức là giặc trong tâm phúc. Tổ tiên dạy rằng chưa đánh giặc mà trong tâm đã có mầm loạn thì phải thua. Vì thế tâm lược chú trọng đến việc điều ngự tâm tính cho xứng hợp với tầm mức, kích thước của công cuộc theo đuổi; thoát xem như quá lý tưởng, có lẽ nhiều người cho là không thực tế. Nhưng thực tế là gì? Có mấy ai chịu khó thấp sáng thực tế lên mà coi? Ta thường nói chiến đấu giành độc lập tự chủ. Không nô lệ ai là độc lập. Nhưng có độc lập rồi đã được tự chủ chưa? chưa, chưa phải là đã có tự chủ, vì ta còn bị nô lệ cho chính mình, còn bị tham vọng và sự u mê cố chấp áp đảo ngày đêm, khiến rồi lại phải buông tay mất độc lập lần nữa. Chỉ khi nào không còn nô lệ cho chính mình, thì mới là tự chủ. Đó chính là sức mạnh văn trị của ta. Thực tế là như vậy, không nô lệ trong hiện-tượng-giới là độc lập nhưng muốn có độc lập tự chủ trọn vẹn thì phải can đảm tiến sâu vào tâm-giới mà đánh giặc.

Nói đánh giặc tức là nói tới chiến thuyết, binh pháp. Binh thư Tôn-Tử dạy: "**Thứ nhất công tâm, thứ nhì công lương, thứ ba công đồn**". Xét ra **công lương** và **công đồn** mới đạt địa lợi, là trung và hạ sách; chiến thuyết "**công tâm**" mới thật là tối thắng, chiếm cả "**thiên thời**" lẫn "**nhân hòa**" để tạo thành "**địa lợi**".

Thiên, địa, nhân là gì? Đạo học và triết học Đông phương bàn rằng Trời tức là đấng tạo hóa vốn ở ngay trong ta, Đất là bà mẹ nuôi dưỡng cũng ở trong ta mà thôi. Trong tam tài hễ có người thì tương quan Trời-Đất mới lập, có Thiên Địa giao hòa thì mới thành Nhân, nên nói "**Trời sanh đất dưỡng**" hay "**Trời che đất chở**". Ta mang trong người truyền thống của cha Trời, mẹ Đất. Trời là sự minh triết (Thiên lý hay lẽ sáng) trong ta, Đất là sự nuôi dưỡng (kinh tế, cấu tạo) trong ta, vậy hãy từ "**trong ta**" mà khai minh những điều hữu dụng, không nên thụ động đợi ông Trời hạ cố.

Binh pháp nói "**Thiên thời**" là nói tới sự minh triết tức là sự chỉ đạo chiến lược sáng suốt, hợp thiên lý. Đức Lê-lợi nắm được thiên thời sau mười năm nằm gai nếm mật, có nghĩa là xử dụng được sự chỉ đạo chiến-lược sáng suốt; và áp dụng sự chỉ đạo chiến lược sáng suốt ấy chính là xử dụng sách lược "**Công tâm**". Biết công tâm là có thể nắm được cả Thiên-thời lẫn Nhân-hòa. Với chiến thuyết "**công tâm**", Đức Lê-Lợi đã thành tựu được đại cuộc phục quốc rạng ngời uy đức của thế kỷ 15... Còn Địa trong ta là nói kinh tế, kỹ thuật và cấu tạo hình thể. Khi nắm được nhân hòa rồi thì lo gì việc xẻ núi lấp sông, lấy sức người tạo thành địa lợi? Ngày nay bạo quyền Cộng-sản áp dụng hạ sách "**công đồn**" triệt hạ nhân tâm, lại lao đầu vào con đường cùng kinh tế với chủ trương "**bần cùng hóa nhân dân, nô dịch hóa đồng bào**"; nhiều lần chúng chỉ chiếm được nửa phần "**địa lợi**", có gì đáng gọi là thắng lợi to lớn?

Lại nên xét thêm về phần địa lợi để nắm chắc phần tâm lược. Theo sự phân phối ngũ hành thì đất (hành thổ) ở trung ương, phương Bắc hành thủy, Nam hành hỏa, Tây hành kim, Đông hành mộc. Đây là nói phương hướng tác hành.

Trên quan điểm chiến lược, nếu chủ động từ phương Bắc (thủy) thì phải lấy sức mạnh của nước, khi thì cuộn cuộn vũ bão, khi thì mềm mại thâm trầm để thủ thắng , hoặc kém hơn thì phải lấy sức mạnh cá lớn nuốt cá bé mà thanh toán đối phương.

Nếu chủ động từ phương Nam (hỏa) thì phải lấy Đức mà thu phục người (hỏa đức), lấy khoan dung văn trị mà thấm nhuần; hoặc kém hơn thì phải lấy sức mạnh hỏa tốc của lửa (hỏa lực) mà đốt giặc.

Nếu chủ động từ phương Tây (kim), thì phải lấy lợi khí của sự tinh vi bành trướng mà thủ thắng. Tinh vi của lý trí là chủ-thuyết mưu lược, rồi đến thủ đoạn; tinh vi của vật chất là cơ khí và võ khí tối tân.

Nếu chủ động từ phương Đông (mộc) thì phải lấy sự đổi cũ thay mới (cách mạng), lấy sự bùng sáng tốt tươi của cây cỏ, vạn vật mà tràn ngập; ngoài ra nếu chỉ dùng sức mạnh của những giá trị cổ truyền để thuyết phục thường bị coi là hủ hóa, là gỗ khô củi mục.

Hãy tạm lấy giai đoạn chiến đấu chống cộng của miền Nam mà bàn. Giặc từ phương Bắc tràn xuống như nước vỡ bờ. Ta từ phương Nam chống đỡ như lấy sức lửa mà cản nước thì không khỏi bị tràn ngập. Ta có khí giới chiến thuật do Tây-phương viện trợ, thì giặc ngoài khí giới tối

tân do kỹ thuật Tây-phương sáng tạo, lại có cả sự trợ lực của chủ-thuyết Duy-vật Tây-phương. Trông vào Đông-phương thì ngọn gió canh tân phương đông còn quá non yếu chưa đủ tạo thành sức mạnh hữu dụng.

Vậy làm sao ta phục quốc? và từ đâu ta phục quốc?

Ta vẫn lấy phương Nam làm địa bàn phát khởi cuộc phục quốc. Xâm lăng phát động từ phương Bắc, thì phục quốc ngược lại nên khởi động từ phương Nam. Giặc mang chủ thuyết Tây-phương áp đảo, ta lấy đạo sống Đông-phương giải trừ.

Theo truyền thuyết, Đức Quốc-Tổ Lạc-Long Quân đã diệt Ngư-Tinh phương Bắc, diệt Hồ-tinh phương Tây và diệt Mộc-tinh phương Đông, là có ý dành địa bàn phương Nam cho con cháu lấy phương hướng của hòa đức mà xây dựng quốc gia văn hiến. Đức Khổng-Tử cũng nhìn nhận phương Nam là phương hướng của sự thành tựu nhân bản. Khởi nghĩa từ phương Nam, nếu ta lấy hỏa lực mà đánh giặc thì bị nước giặc tắt. Vậy phải lấy hỏa đức mà thấm nhuần. Chiến-lược gia Nguyễn-Trãi gọi đó là "**Lấy chí nhân thay cường bạo**".

Nhưng có "**hỏa đức**" đã khó, mà vẫn chưa đủ để cản được sức nước. Chỉ có đất mới cản được nước thà trôi. Giặc chiếm lãnh thổ (diện địa) là chiếm được địa lợi; nhưng mới chiếm được một phần địa lợi vật chất. Nếu ta lấy đức mà chiếm được lòng người (tâm địa) thì mới được tất cả và mới là lấy đất ngăn nước.

Bởi vậy nếu dùng được chiến thuyết "**công tâm**" thì cùng một lúc chiếm lấy thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Còn nếu không tin việc chiếm lấy "**tâm địa**" làm "**địa lợi**" thì phải tuyển mộ và huấn luyện từng người lính, giết chết từng tên giặc, chiếm lại từng tấc đất, giữ vững từng mái nhà, tiếp liệu từng viên đạn, cứu chữa từng vết thương, nghiên cứu từng thể trận, xử dụng từng thủ đoạn... Nếu ta có thể làm được ngần ấy việc, thì rồi cuối cùng vẫn phải đối mặt đương đầu với cả một khối 50 triệu đồng bào bị giặc cưỡng bách đẩy ra chiến trường đờ đạn!

Đến đây có lẽ chúng ta đã thấy xuất hiện hình ảnh của những người Dân-quân Phục-quốc. Có thể đó là hình ảnh của một đoàn quân mang hùng khí ngàn ngạt lửa thiêng sông núi nhưng cũng đầy lòng khiêm ái bao dung. Có thể đó chỉ là hình ảnh quật khởi của một lớp dân chúng lầm than và kiên nhẫn biết dừng cảm chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng, nhưng trước sau vẫn không lấy tàn ác đối chọi với bạo ngược, không lấy

thủ đoạn chống lại âm mưu. Có lẽ họ cũng sẽ được trang bị với vũ khí tinh xảo của tây phương, nhưng chắc chắn phải được vũ trang bằng tinh thần nhân bản Đông phương và thắm nhuần tinh thần chữ **Hòa** của đạo sống Việt. Đó là hình ảnh phác họa của đoàn nghĩa quân mang sức mạnh phương Nam, phương hướng tối hậu của sự thành tựu nhân bản mà Đức khổng Tử đã bàn tới trong sách Trung Dung, mà Đức Lạc-Long Quân đã dành lại cho con cháu dựng nền văn hiến.

Nhưng trước khi có được một đoàn dân-quân phục quốc như thế, thì chúng ta đã vấp phải biết bao nhiêu vấn đề nan giải. Những khó khăn ấy tất cả mọi người nào ai cũng biết và đã từng bao nhiêu lần bóp trán suy tư. Những câu hỏi thật đơn giản nhưng vô cùng hóc hiểm luôn luôn hiển hiện trong đầu óc chúng ta:

-Làm gì? - Làm thế nào? - Ai làm? - Xây dựng từ đâu? – Đánh phá từ đâu? - Bao giờ hành động? - Lấy gì tiếp ứng? - Bằng cách nào để thành công? - Làm sao củng cố?... Những câu hỏi triền miên ấy chúng ta biết hỏi ai? Không ai có thể giải đáp những vấn đề này cả. Như tất cả những người bần chôn nhất, chúng ta đã có lúc quay về trong tự thể để cật vấn cái "ý" của mình. Nhưng cái "ý" chỉ biết "**muốn**" chứ không biết hành động. Ta lại moi cái "**trí**" của mình mong tìm thấy một vài lời giải đáp; nhưng cái trí dốt nát của cái tôi đáng ghét và đáng thương chỉ biết tự đắc mà không biết giải quyết. Thôi thì bắt chước người xưa dấu mặt vào vách mà hỏi cái "**tâm**" vậy, vì "**người khôn hay kẻ ngu cũng chỉ có một cái tâm mà thôi**".

Thư Đồng Bào,

Vì nhu cầu thôi thúc bất đắc dĩ tôi đã phải quay vào trong để hỏi cái tâm chưa sáng tỏ của mình và ghi chép thành cuốn "**Tâm vấn**" này để góp chút thành tâm của mình vào các nỗ lực vô biên của tất cả đồng bào cho đại cuộc phục quốc của dân tộc. Mong được tất cả đồng bào lấy tâm lượng mà soi sáng.

Lời giải thích tuy đơn giản, nhưng tất cả những chứa đựng trong tài liệu nhỏ này đều đặt thành vấn đề nhân và quả cho đại cuộc phục quốc. Mỗi câu giải đáp chỉ là góp ý mà thôi, người đọc tùy theo nhu cầu tâm, trí hay chiến mà bàn xét.

Kính chào Thành tín - Bất khuất,
Người Ghi Chép

CHƯƠNG I

XÁC TÍN

1 - Phục quốc là gì? Làm gì để phục quốc?

Năm 1858 Thực-dân Pháp và Tây-Ban-Nha bắn vào cửa biển Đà-Nẵng báo hiệu cơn quốc nạn 80 năm nô lệ thực-dân của dân tộc Việt Nam.

Năm 1954 thực-dân thua, ra đi nhường Bắc-Việt cho Cộng-sản thống trị và Nam-Việt cho Tư-bản lập tiền đồn phòng thủ.

Năm 1975 Cộng-sản chiếm trọn Việt-Nam lập nước Xã-hội Chủ-nghĩa, mở đầu giai đoạn nô lệ mới: nô lệ Ý-thức-hệ Mác-Lê và lệ thuộc Đế-quốc Cộng-sản quốc tế do Nga-sô lãnh đạo.

Từ những nguyên do trên, dân-tộc Việt-Nam đã không ngừng chiến đấu để khôi phục một nước Việt-Nam chân chính.

- Phục quốc là làm hồi sinh một đất nước đã khô cằn vì thiếu tình người vun bồi, lại bị đầy xéo bởi một tập đoàn cai trị thiếu nhân tính.

- Là làm hồi sinh một dân tộc đã bị tước đoạt hầu hết lẽ sống, quyền sống và phương tiện sống.

- Là làm hồi sinh Hồn thiêng Tổ quốc trong tâm hồn mỗi công dân.

Hồi sinh toàn vẹn Tổ-quốc, dân-tộc và lãnh thổ là phục quốc, phục quốc là cứu nước. Cứu nước là nghĩa vụ của toàn dân, không phân biệt thành phần, khuynh hướng, đảng phái và phương vị sinh hoạt hiện tại.

Đại cuộc phục quốc chỉ có thể thành tựu bằng một cuộc **Giải trừ giặc Cộng** toàn diện, từ "giải tnh", "giải chât" đến "giải thể"; đồng thời

giải trừ những tác hại ngấm ngấm của nền kinh-tế tư -bản để xây dựng một quốc-gia văn-hiến tự-chủ.

2 – **Công cuộc phục quốc của dân tộc ta có đi ngược đà tiến hóa của lịch sử và khuynh hướng tiến hóa của nhân loại không?**

- Nếu giành lại đất nước để tái lập một chế độ lệ thuộc, một thể chế ngoại lai thì ngược đà tiến hóa của lịch sử. Vì thế phục quốc phải là làm hồi sinh một nước Việt-Nam Văn-Hiến để thuận dòng lịch sử dân tộc, tiếp nối công nghiệp văn-hiến hơn bốn ngàn năm của tổ tiên.

- Nếu phục quốc để trở về nếp sống sa đọa, bóc lột, áp bức, phi nhân... thì ngược dòng tiến hóa của nhân loại. Vì thế **phục quốc phải có nghĩa là phục hồi truyền thống văn-hiến trong mọi người để phục hồi nếp sống an-vi cho dân tộc**, từ đó thành tựu nền nhân-bản tức là thuận dòng tiến hóa của nhân loại.

3 - **Lý tưởng và hành động phục quốc có trái với nếp sống hồn nhiên của tuổi trẻ hay không?**

Tuổi trẻ là tuổi tràn đầy sức sống, tràn đầy yêu thương. Nhưng tuổi trẻ cũng là tuổi của học hỏi. Lớp người trẻ cần học hỏi và suy nghiệm để tự thức giác thế nào là **lẽ sống**, thế nào là tình đồng bào.

Tuổi trẻ không phải chỉ biết sống và biết yêu, mà phải đủ hùng tâm để biết mang sức mạnh của tình yêu và sự sống đến cho những đồng bào bất hạnh. Trước tiếng gọi thống thiết của Tổ quốc, tiếng rên siết của bà con anh em, đáp lời phục quốc là đem sức sống và tình yêu về cho quê hương dân tộc.

4 - **Phụ nữ có cần tham gia phục quốc không?**

- Trong thời bình, "**gánh vác giang sơn nhà chồng**" vốn là niềm hãnh diện của người phụ nữ Việt-Nam. Khi nước loạn "**giặc đến nhà đàn bà phải đánh**" lại khẳng định cái ý chí cứu nước tối hậu của nữ giới trong tất cả mọi thời đại. Ý chí bảo vệ gia đình và nòi giống của nữ lưu thường mạnh mẽ hơn nam giới. Trong lịch sử thời Bắc thuộc, những người Việt Nam đầu tiên đứng lên hiệu triệu toàn dân cứu nước không phải là nam nhi mà lại là nhi vị Trưng-Vương, kế tiếp là bà Triệu Thị Trinh vị nữ anh hùng trẻ tuổi kiêu dũng tự xưng là Nhụy-kiều Tướng-quân, và bị kẻ thù gọi là Triệu ấu (bà già dung mạo xấu xí họ Triệu).

Xác tín rằng phục quốc không phải chỉ là việc chiến tranh, không phải chỉ là làm chính trị, mà là làm việc cứu nước. Cứu nước là nghĩa vụ chung của toàn dân, nam cũng như nữ. Hơn nữa nền giáo dục quật khởi truyền thống của dân tộc cần phải được giữ gìn và un đúc từ dưới mái ấm gia đình, từ ý chí hy sinh bảo vệ gia đình của người phụ nữ.

5 – Tư tưởng phục quốc có trái với đạo đức, trái với tinh thần cầu đạo của những người tuổi đã sớm nguội bầu nhiệt huyết trước cảnh quốc phá dân nô?

Đạo đức của loài người là biểu lộ của tâm thức vươn lên chiều kích tâm linh tức là thiên đạo. Làm người có chu toàn được nhân đạo mới đủ trình độ để tu học thiên đạo; có biết hành hạnh hy sinh mới bước vào được ngưỡng cửa tu học.

Công cuộc phục quốc lấy "lập đức" làm tôn chỉ nên hành động phục quốc tự nhiên quang minh. Nếu mỗi cá nhân biết tạm hy sinh sự an lạc của cá nhân mình để mưu đồ cuộc an lạc chung, biết tạm hy sinh sự thành tựu của riêng mình để thành tựu cho tất cả, thì công đức rạng ngời, hạnh nguyện đầy đủ; đó là căn bản của người tu học.

6 - Tham gia công cuộc phục quốc cần có một căn bản đạo đức không?

Như muốn xây một tòa nhà vững chắc thì phải đổ móng cho kiên cố, muốn thành tựu một mục đích cao cả thì mỗi cá nhân phải "lập hạnh" cho sâu dầy. Mục đích càng cao thì phải lập hạnh càng sâu, và lập hạnh càng sâu thì cứu cánh chắc chắn sớm thành đạt.

7 - Thế nào là "lập hạnh" trong công cuộc phục quốc?

Biết phục quốc là làm công đức cứu nước, và biết cứu nước là hy sinh mà vẫn quyết tâm theo đuổi là lập hạnh. Hạnh hy sinh là hạnh căn bản nhất, cần thiết nhất, và cao cả nhất. Hy sinh tư kiến, hy sinh mặc cảm, hy sinh an lạc riêng, hy sinh tư lợi, hy sinh thì giờ, hy sinh thói đam mê, hy sinh sự cố chấp của mình... Bị bài bác, nhục mạ mà vẫn vui vẻ hy sinh lập hạnh. Lập hạnh càng sâu thì tâm hồn càng an lạc, hành vi càng quang minh chính đại, hành động càng vững vàng để đi đến thành tựu chắc chắn.

8 - Tham gia phục quốc cần có một trình độ học vấn nào không?

Bất cứ có trình độ học vấn nào cũng phải tự học hỏi để tự tiến, tự biểu lộ được "**văn hiến**" trong chính mình, để sáng suốt nhận định :

- Thế nào là tự chủ, thế nào là nô lệ.
- Thế nào là nhân bản, thế nào là vong bản.
- Thế nào là cứu người, cứu nước, thế nào là giết người, hại nước ...

Từ đó ta đặt các mục tiêu phục quốc trong chu trình tiến hóa thực sự của nhân loại:

Từ "**phục văn**" đến "**phục hiến**", "**phục chính**" để "**phục nhân**". Tất cả đều là nhân và quả của công cuộc phục quốc.

9 - Làm sao để xác tín tư tưởng và hành động phục quốc của mình là chân chính?

Lấy "**lập đức**" làm khởi điểm, trên tiến trình phục quốc mọi phương tiện và hành động đều quy về cứu cánh "**phục nhân**" thì tư tưởng và hành động tự nhiên chân chính.

10 – Làm sao xác tín lẽ tất thắng để giữ vững niềm tin phục quốc?

Lịch sử nhân loại luôn luôn chứng minh những gì hợp với nhân tính thì còn, những gì trái với nhân tính thì phải tự giải trừ hay bị tiêu diệt:

- Các chế độ phong kiến thời Trung cổ nay không còn tồn tại .
- Các chế độ độc tài biểu hiện sức mạnh võ trị trong lịch sử cận đại đã bị thanh toán nhanh chóng.
- Các chế độ mua bán nô lệ đã bị thủ tiêu .
- Các phong trào thực dân của thế kỷ trước đã biến dạng.
- Các quốc-gia Tây phương được coi là văn minh hiện đại cũng đang đi tìm một giá trị nhân-bản để khỏi bị đào thải.
- Các cuộc tranh đấu sứt máu để giải phóng giai cấp công nhân nay đã lỗi thời và lộ nguyên hình các cuộc tranh chấp bá quyền. Các chế-độ tự xưng "**Giải phóng nhân-dân**" sớm muộn cũng sẽ bị dân chúng giải trừ tận gốc rễ.

Dân tộc Việt-Nam qua bao thăng trầm đã đứng vững được trước những đợt xâm lăng ồ ạt của bạo lực võ trị: Dựng nền tự chủ sau một ngàn năm Bắc thuộc (thế kỷ 10), đuổi quân Mông-Cổ (thế kỷ 13), hàng phục giặc Minh (thế kỷ 15), đánh bại Mãn-Thanh (thế kỷ 18); và trong

những thế kỷ nối tiếp vẫn giương cao ngọn cờ tự chủ, chống lại tất cả những thế lực ngoại xâm cũng như những tà thuyết ngoại nhập.

Năm 1975, quốc tế Cộng-sản lẽ ra đã thắng lớn ở Việt-Nam nếu biết "**công tâm**" tức là tranh thủ lấy lòng người, nhưng chúng đã dùng hạ sách "**công đồn**", chiếm đóng để vợ vét, cho nên chỉ đạt thắng lợi nhỏ bé là thành lập được một chế độ võ trị ủy nhiệm khắc nghiệt hoàn toàn mất lòng dân (mất yếu tố nhân hòa), đồng thời lại lâm vào tình trạng suy sụp kinh tế không lối thoát. Trước nan đề đó, nếu chấp nhận cải tiến theo nền kinh-tế thị trường của thế giới Tự-do tư bản thì phản bội giáo điều Mác-lê, không còn biện minh được sự hiện hữu cần thiết của chế-độ Cộng-sản nữa, còn nếu không cải tiến thì cộng sản Việt-Nam phải sống bám vào viện trợ của Nga-sô, vào cả viện trợ nhân đạo của những quốc gia Tây-phương cũng như vào lợi tức của những người Việt-Nam lánh nạn Cộng-sản ở nước ngoài, để chờ ngày giãy chết giống như số phận của chế độ Đệ II Cộng-Hòa Việt-Nam trước kia.

Từ ngàn xưa dân tộc ta đã chiến đấu cho nền **tự chủ**, không những cho tự chủ chính-trị, tự chủ kinh-tế, mà hơn nữa cho tự chủ văn-hóa. Tự chủ văn-hóa là gốc cho mọi nền độc-lập. Ngày nay chế độ Cộng-sản Việt-Nam tôn thờ văn-hóa Mác-xít đã đưa đất nước và toàn dân vào kiếp nô lệ mới, chế độ ấy tất sẽ không thể tồn tại.

Lịch sử Việt-Nam là lịch sử văn-hiến. Dân tộc Việt-Nam là dân tộc văn-hiến. Quốc-gia Việt-Nam phải là quốc-gia văn-hiến.

CHƯƠNG II

QUAN NIỆM HÀNH ĐỘNG

11 - **Hành động phục quốc là gì?**

Là tất cả mọi hình thức hoạt động khác nhau (từ văn hóa, chính trị, chiến đấu hay yểm trợ, cho đến việc trao đổi tư tưởng và kinh nghiệm..) nhằm mục đích tối hậu là việc cứu nước.

Cứu nước trước hết là giải cứu dân chúng trong nước, cứu lấy lẽ sống, quyền sống và phương tiện sinh sống của mọi người ; sau là cứu những tài nguyên thiên nhiên và những di sản ngàn đời của quốc-gia.

Trên căn bản hành động,việc gì có lợi cho việc cứu nước thì làm, việc gì phương hại tới việc cứu nước thì nên tránh, việc gì không liên quan đến việc cứu nước thì không để dính líu vào công cuộc chung.

12 - **Từ đâu ta bắt đầu hành động phục quốc?**

"**Biết đúng để hành động đúng**" là phương châm hành động. Nhận định và hành động là một (tri hành hợp nhất). Sự hợp nhất ấy chỉ có thể thực hiện từ trong tâm thức. Vậy từ sự thức tâm ta bắt đầu mọi hành động phục quốc, không phải từ một sự xúc động nhất thời hay từ một tham vọng.

13 - **Làm sao phân biệt trong hành động phục quốc, hành động nào khởi từ sự thức tâm và hành động nào do xúc cảm hay tham vọng?**

Nhận định một cách tương đối:

- Hành động do tham vọng biểu hiện bằng sự chú trọng đặc biệt tới chức vị, quyền lợi, cấp bậc trong tổ chức mà quên cứu cánh phục quốc.
- Hành động do xúc cảm hời hợt lấy sự căm hờn làm động cơ hướng dẫn.
- Hành động khởi từ tâm thức lấy sự chấp nhận hy sinh làm phương tiện, lấy sự giải cứu làm phương châm, lấy sự an lạc chung làm cứu cánh.

14 - **Tại sao không xử dụng bất cứ phương tiện nào sẵn có để đạt được cứu cánh, và lấy cứu cánh biện minh cho phương tiện?**

- Ta không thể lấy sự căm hờn làm phương tiện phục quốc được, vì lòng căm hờn đưa đến hành động u mê không sáng suốt; và khi nguội căm hờn thì không còn lý do gì để hành động nữa.
- Ta không lấy tham vọng làm phương tiện phục quốc được, vì ta không muốn lại phải giải trừ đi những tham vọng ấy.

- Ta không thể lấy cứu cánh biện minh cho phương tiện được vì gieo nhân nào ta sẽ chỉ gặt được quả đó. Chỉ có "**đạo đức cách mạng**" duy vật mới gieo hạt cãm thù xuống mảnh đất sống của nhân loại.

15 - **Cái gì làm cho ta thức tâm để bước vào hành động phục quốc?**

- Kinh nghiệm bản thân và sự chứng kiến cảm nhận sâu xa nỗi thống khổ của con người làm cho ta thức tâm.

- Nhìn thấy những tranh giành bĩ ố, những lao tâm khổ tứ vô ích trong cuộc sống hàng ngày làm cho ta thức tâm.

- Nghiên cứu học hỏi những di huấn của tổ tiên làm cho ta thức tâm.

- Lắng tâm suy nghiệm lẽ sinh tồn của nhân loại và vạn vật làm cho ta thức tâm.

- Tự vấn lương tâm làm cho ta thức tâm.

16 - **Lấy gì để làm sáng tỏ hành động phục quốc?**

Lấy biểu lộ an vui và đằm đạm trong hoạt động làm sáng tỏ hành động phục quốc.

An vui là một biểu lộ trọn vẹn, làm sáng tỏ đức và hạnh trong hành động, bao hàm:

Nhân: (hy sinh) vì tình thương đồng bào mà vui vẻ hy sinh gánh vác.

Nghĩa: (hòa thuận) vì nghĩa anh em mà vui vẻ chung lo.

Lễ: (khiêm tốn) không vì mình mà hành động, nên hòa nhã, tôn trọng mọi người, không áp bức hay coi thường ai.

Trí: (sáng suốt): thư thái trong hành động, vì nhận định đúng nên hành động đúng.

Tín: (thành thật): không nói dối mình lừa người nên không vẩn chút gì áy náy trong hành động.

Điềm đạm: là biểu lộ được sức mạnh của sự khoan hòa và thanh tịnh:

- Gánh vác hăng hái mà không vì tham vọng.
- Trừng trị quyết liệt mà không vì căm hờn.
- Phục vụ hết lòng mà không vì đam mê.

17 - **Lấy gì để tự xác tín hành động của mình là hành động phục quốc?**

Lấy sự "thành tín" để tự xác tín hành động phục quốc:

- Thành tín với tổ tiên,
- Thành tín với đồng bào,
- Thành tín với tổ chức,
- Thành tín với chính mình.

18 - **Lấy gì để nung nấu hành động phục quốc?**

Lấy ý chí và truyền thống "**bất khuất**" nung nấu hành động phục quốc:

- Bất khuất trước sức mạnh của sự hèn yếu của chính mình.
- Bất khuất trước sự thờ ơ bài bác của những người chưa thông đại nghĩa.
- Bất khuất trước những thử thách của hoàn cảnh.
- Bất khuất trước thế lực cường bạo.

19 - **Lấy gì để đưa hành động phục quốc tới kết quả cuối cùng?**

- Lấy đức **kiên** và **nhẫn** để đưa hành động phục quốc tới kết quả cuối cùng.
- Kiên cường trong hành động để chiến đấu và thuyết phục;
- Nhẫn nại trong hành động để hòa đồng và vượt thắng.

Kiên và Nhẫn, một cương một nhu nương nhau mà thành tựu.

20 - Lấy gì để thuyết phục mọi người tham gia hành động phục quốc?

Lấy khí giới tối thượng của loài người là **thương yêu** và **tha thứ** để thuyết phục mọi người cùng tham gia hành động phục quốc trong khả năng và hoàn cảnh riêng của từng cá nhân; từ đó thực hiện sự "**đồng tâm**" để tạo yếu tố "**nhân-hòa**". Nhân-hòa tạo ra thiên-thời và địa-lợi.

21 - Làm sao biến bản động phục quốc thành sức mạnh phục quốc?

Lấy **Lũy Tre Việt** làm tiêu biểu cho sức mạnh phục quốc. Cây tre là thổ sản thân thiết của người Việt. Lũy tre là tiêu biểu sức mạnh sinh tồn của dân tộc Việt-Nam. Trước bão táp cây tre biết rạp xuống để rồi bật lên thật mạnh. Trước thử thách gian nan và bạo lực cường quyền, Người biết cúi xuống để rồi biết đứng lên thật cứng cỏi và mãnh liệt.

Từng thế hệ nối tiếp, tre già măng mọc; từng lớp tuổi nối tiếp, người trẻ theo bước đàn anh, liên kết ý thức và hành động để tạo thành sức mạnh phục quốc.

CHƯƠNG III

PHỤC VĂN - ĐẠO SỐNG VIỆT: ĐẠO SỐNG TIÊN- RỒNG

22 - Phục văn là gì?

Phục văn là phục hồi nền văn hóa nhân bản của dân tộc Việt. Phục văn là căn bản của đại cuộc phục quốc. Không có phục văn thì công cuộc phục quốc không còn ý nghĩa gì ngoài sự chém giết để tranh giành của cải (lãnh thổ), quyền lợi (kinh tế) và quyền sống (chính trị).

23 - Thế nào là văn hóa nhân bản? Thế nào là văn hóa vong bản?

Văn nguyên nghĩa là vết, vết tích sinh động của loài người, nhờ sự tỏa sáng của nhân tính, của tình người mà có vẻ đẹp rực rỡ. Những vết tích sinh động ấy khi được nhiều người hưởng ứng lưu truyền thì trở thành văn-hóa.

Văn-hóa trở thành một thực thể tất yếu của cuộc sống. Từ thực thể văn-hóa đó, trên bình diện nhân loại, nếu ta tìm thấy nhân tính (tức là những gì biểu hiện con người như Tình-người, Nghĩa-làm-người ...) thì đó là văn-hóa nhân bản; còn nếu ta chỉ thấy những thú tính (căm thù, căm xé, giết chóc ...) hoặc thấy những gì không phải con người (vô luân) thì đó là văn-hóa vong bản.

24 - Thế nào là nền văn hóa nhân bản của dân tộc Việt?

Dân tộc Việt đã dựng nước trên một nền tảng văn-hóa nhân bản được thể nghiệm qua những tầng sinh hoạt, từ huyền thoại, triết học, tôn giáo, phong tục cho đến những tình-tự dân-tộc trong cuộc sống ...

a) Khởi từ sinh-thức **Tiên-Rông-Việt**, tổ tiên chúng ta đã đặt "**Thiên-Địa Nhân**" ba yếu tố không thể thiếu của vũ trụ quan Đông phương, trong một tương quan kỳ diệu. Từ đó mở ra tất cả các cửa ngõ đi vào những tương quan của hiện tượng giới.

b) "**Bọc Mẹ Trăm Con**" là một biểu tượng triết học trọn vẹn của tình nhân loại, nghĩa đồng bào, của sự bình đẳng tuyệt đối (anh em đồng bọc) và lòng bác ái tuyệt vời (tình thương chan chứa của mẹ Âu-Cơ) không có huynh đệ tương tàn, không có đấu tranh giai cấp.

c) Phong-tục và nếp sống Việt mang đầy sắc thái nhân tính:

- Đạo thờ Người (Quốc-tổ, tổ-tiên, thánh-hiền, anh-hùng nghĩa-sĩ, những người có công với văn hóa dân-tộc...).
- Nếp sống thuận hòa an lạc (không chủ trương tranh chấp để tiến hóa)
- Văn-chương giản dị (khác với văn học từ chương, khiến ai cũng biểu lộ được văn tính)
- Đạo học chỉ thẳng vào nhân tâm (khác với tinh thần văn hóa kinh viện hay giáo điều chủ-thuyết) khiến ai cũng có thể tâm cảm và đạt được đạo sống một cách tự nhiên.

25 - **Sự tương quan kỳ diệu của sinh thức Tiên Rồng Việt là gì?**

Nhận định:

Sự tiến hóa của phần lớn những xã-hội Tây-phương cho thấy loài người từ thuở ban sơ khiếp sợ quyền lực của "Trời" (quy phục Thần-quyền) cho đến lúc hoàn toàn từ chối "Trời" (quy phục quyền năng vật chất tôn thờ năng lượng) , Nghĩa là đã từ trạng thái không có tự-chủ rơi vào tình trạng vong-bản.

Triết-lý Đông Bắc (Trung- Hoa) chủ trương hiếu kính Trời Đất, đặt Thiên Địa Nhân trong tương quan triết-học, nhưng chưa hiện tượng hóa được tương quan ấy trong một mối liên hệ trực tiếp.

Đạo sống Đông Nam (Việt) mang cả linh thiêng của Trời Đất (Tiên Rồng) chuyển hóa vào dòng máu Việt, đời đời di truyền, tạo Thiên-Địa-Nhân thành một tương quan thân thiết của hiện tượng giới:

- Trời là thể tính vô-vi (không thấy bằng hình tướng), hiện thể minh triết, khoa học để giáo dục Người.

- Đất là thể tính hữu-vi (hữu hình hữu hoại), hiện thể kinh tế,kỹ thuật để nuôi dưỡng Người.

- Người là thành tựu của Trời và Đất (Tiên và Rồng), lấy an-vi (sống an lạc) làm đạo sinh tồn.

26 - **Văn hóa Tây phương có thể đại biểu cho nền nhân-bản được không?**

Văn hóa triết học Tây-phương từ nguyên thủy đi lạc vào mê hồn trận của thức **nhị nguyên** (hai thể tính đối cực trở thành đối kháng), nên phải chọn một bỏ một (duy). Nếu chọn thiên (duy tâm) thì bỏ địa (duy vật), nếu chọn vật thì bác tâm. Từ nguồn duy lý đó, xã hội tiến bộ Tây phương đã chọn **vật bản**, cho nên phái triết học bị lý trí lấn át, phát triển **chủ thuyết duy vật**; phái khoa học bị kỹ thuật xâm chiếm chuyển vào **guồng máy kinh tế duy lợi**.

Duy vật (cộng sản) và duy lợi (tư bản) lại phải thanh toán lẫn nhau để sống còn. Cho nên cuộc chiến tranh nhân loại tương tàn ngày nay có thể gọi là cuộc ẩu đả giữa tay phải và tay trái của xã hội duy-lý Tây-phương.

Giới triết học Tây-phương ngày nay nhìn nhận sự bất ổn và mối đe dọa cho an ninh xã hội đã khởi từ sự tôn sùng khoa học và kỹ thuật quá đáng. Họ nhìn nhận những thành tích của khoa học và kỹ thuật đã nâng cao sự hiểu biết và quyền lực của loài người, nhưng cũng tin rằng một nền nhân bản phải dạy người ta biết xử dụng sự thông thái và quyền lực ấy trong chiều hướng biểu lộ được nhân tính.

27 - Văn hóa Đông phương có thể đại biểu cho nền nhân bản được không?

Văn hóa Đông Bắc (Trung Hoa) từ suy nghiệm thức "lưỡng-nghi" (Trời/đất, âm/dương), phát triển nền văn minh Khổng học. Thuyết Trung dung chủ trương lấy sự dung dị, đạo bình thường, không thiên lệch làm phương châm xử thế, dung hợp cả hai thể tính đối cực (dung).

Văn hóa Đông Nam (Việt) đi sâu hơn, từ thức "lưỡng hợp" (Tiên-Rồng) mở nền văn minh mới, biểu thị sự hợp nhất (hòa đối), hội nhập cả hai đối cực, biến hai thể tính đối kháng thành ngẫu lực tiến hóa, nương nhau mà còn, đẩy nhau mà tiến.

Sự khiếm khuyết của Đông-phương là quá chú trọng đến đạo học, chưa phát triển đúng mức về khoa học, kỹ thuật và xã-hội-học nên cần phải học hỏi để bổ cứu.

(Nhật-Bản nhờ sự bổ cứu kịp thời, đã phát triển kỹ thuật vượt bậc để trở thành một quốc gia kỹ nghệ, một siêu cường kinh tế; tuy nhiên họ vẫn giữ cái gốc là "Tinh thần Nhật-Bản" với công thức: Tinh-thần Nhật-Bản + Kỹ-thuật Tây-phương).

Sự học hỏi để theo kịp những tiến bộ của người là điều cần thiết. Tuy nhiên nếu học hỏi theo tinh thần chữ Duy thì ta sẽ mất tự chủ hoặc sẽ trở thành nô lệ, còn nếu học theo tinh thần chữ Hòa thì văn hóa Đông-Nam sẽ có cơ hội rực sáng, có thể thành tựu một nền văn-minh nhân bản mai sau.

28 - Các giải pháp chính trị gọi là "Hòa bình trung lập" hay "Phi liên kết" ... có thể hiện tinh thần chữ "hòa" của văn-hóa Việt không?

Như đổ dầu vào nước là **trộn** không phải là **hòa**. Những giải pháp chính trị đó xuất phát từ quan niệm nông cạn đại dột của kẻ yếu, với hy vọng thoát chết trong cuộc ẩu đả giữa tay phải và tay trái của xã hội

duy-vật bằng cách lẫn trốn vào giữa! Đó là cách tự sát nhanh chóng nhất. Các giải pháp này không liên hệ gì với triết lý chữ "**hòa**" của văn-hóa Việt vì không hòa hợp, hội nhập được gì, ngoài những mảnh vỡ vỡ của vật chất không chuyển được hai bàn tay duy vật thành **ngẫu lực tiến hóa**.

29 - **Tổ tiên ta đã dựng nước trên nền tảng văn hóa nhân bản như thế nào?**

Văn-hóa Việt phát khởi từ một sinh thức siêu hình được hiện tượng hóa: thức "**Tiên-Rồng lưỡng hợp**". Từ đó huyền thoại Việt được lưu truyền. Đó là kỷ nguyên nhân thoại và là thời kỳ "**dựng người**".

Từ thức "**Tiên-Rồng lưỡng hợp**", văn hóa Việt lập mô thức "**Bọc Mẹ trăm Con**" là biểu tượng vĩ đại nhất của nhân thoại đang thành hình triết học NHÂN BẢN VIỆT. Đó là thời kỳ "**dựng xã-hội**".

Kế tiếp là ba vĩ tích của Lạc-Long-Quân: diệt Ngư-Tinh phương Bắc (cá lớn nuốt cá bé), diệt Hồ-Tinh phương Tây (loài cáo trong hang ý thức hệ), diệt Mộc-Tinh phương Đông (gỗ khô củi mục, hủ hóa, cuồng tín), mở đường cho Hùng-Vương lập nền nhân bản của phương Nam. Đó là thời kỳ "**dựng nước**".

(Theo "Lĩnh-Nam Chích Quái", Bà Âu Cơ ủy thác cho người Hùng trưởng tức là con trưởng lập nước Văn Lang ở phương Nam. Trong sách Trung Dung, Đức Khổng Tử luận về sức mạnh của phương Nam với Tử-Lộ, bàn rằng. "Ngủ không cởi giáp, chết không sờn lòng, ấy là cái dũng của người phương Bắc, lấy sự khoan nhu mà giáo hóa, không báo oán kẻ vô đạo, ấy là cái mạnh của người phương Nam").

Các vị Lạc vương xưng danh hiệu Hùng-vương mở nước Văn-Lang, dựng nền văn hiến, lấy thuần phong mỹ tục giáo hóa dân, lấy thuật sinh tồn truyền dạy con cháu. Các sự tích đời Hùng có thể nói là "**Cầm Nang Sinh Tôn**", là bản di chúc đời đời của dân tộc Việt.

Từ đời các vị Hùng-Vương trở về sau, con cháu đều noi theo di huấn lấy "**văn-hiến**" làm điều vinh hiển, lấy nếp sống "**an-vi**" noi đạo sống Tiên Rồng (có thể gọi là thời kỳ dựng văn hiến) .

30 - **Tại sao có thể gọi các sự tích đời Hùng là "cầm nang sinh tôn" của dân tộc Việt?**

Các sự tích đời Hùng là nhân-thoại không phải thần-thoại, vì Tiên cũng là người và Rồng cũng là người, không phải thần-tiên hay Thần-vật từ cõi siêu phàm giáng thế. Những sự tích ấy là cốt tủy của thuật sinh tồn, lấy sự minh triết giáo huấn hậu thế.

Khai triển từ nhân-thoại Tiên Rồng và "**Bọc Mẹ Trăm Con**", các sự tích đời Hùng lần lượt đưa ra những mẫu người khác nhau, những đối đãi khác nhau để đúc kết thành những bài học vô giá cho cuộc sinh tồn của dân tộc:

1) **Tục văn thân:**

Tục vẽ mình trong dân chúng (khác với ý nghĩa tục văn thân của nhà Vua) là bài học bảo tồn nòi giống trước sự xâm hại của bạo lực, thú tính (chúng là loài thủy tộc ưa đồng ghét dị).

2) **Truyện trâu cau:**

Là bài học tình và nghĩa, gia đình và xã hội, cho đến ngàn sau còn lấy miếng trâu làm đầu câu chuyện.

3) **Truyện Chử- Đồng-Tử:**

Là bài học bình đẳng tốt cùng, xóa tan giai cấp để sống đạo an vi tiêu dao trong cõi kinh tế.

4) **Truyện Phù-Đông Thiên-Vương:**

Là bài học giữ nước; vua quan sĩ thứ, từ người ba tuổi đến bô lão trong làng, từ sức người đến ngựa thần, từ roi sắt đến tre ngà, tất cả đều góp phần giữ nước, tất cả đều vùng lên phục quốc.

5) **Truyện Tiết Liêu: (sự tích bánh dầy bánh chưng)**

Là bài học trị nước qua chủ trương truyền hiền và triết lý đạo sống an vi; đạo hiếu kính cha mẹ.

6) **Truyện An Tiêm: (sự tích quả dưa đỏ)**

Là bài học về kinh tế an vi và đạo hiếu kính trời đất.

7) **Truyện Sơn Tinh Thủy Tinh:**

Là bài học của sự phân biệt giai cấp, coi trọng quý tộc, kỳ thị địa phương đưa đến chiến tranh liên miên, làm dân tình đói khổ.

8) **Truyện Mỵ-Châu Trọng -Thủy:**

Là bài học mất nước: thành cao, khí giới tốt mà mất nước, vì "giặc ngồi sau lưng" (giặc trong tâm phúc, mầm loạn trong lòng người).

9) **Truyện Trương-Chi My-Nương:**

Là bài học của tình yêu lãng mạn

10) **Truyện Vọng phu:**

Là bài học của tình yêu và nghĩa vụ.

Đây là những sự tích mà người Việt ai cũng biết, càng suy nghiệm càng thấy thâm thúy, càng áp dụng càng thấy hợp đạo, và có thể tìm thấy trong đó những giải đáp bao quát cho việc an dân, lạc quốc, xây dựng xã hội, cứu vãn nhân loại ... cho nên ta có thể gọi là "**Cẩm nang sinh tồn**" hay "**Bản di chúc của Hùng Vương**".

31 - **Truyện Tiên Rồng chỉ là huyền thoại, có liên hệ gì đến sự giải quyết những vấn đề tranh chấp, rắc rối của nhân loại và của dân tộc ta ngày nay?**

Truyện Tiên Rồng là sự phát biểu vô cùng đơn giản về sự hiểu biết siêu hình của loài người, được diễn đạt bằng ngôn ngữ huyền thoại.

Tiên là biểu tượng thể tính vô vi (vượt ngoài hình tướng), tượng trưng vẻ đẹp thanh thoát vĩnh cửu, từ trời giáng xuống; thể hiện trong đời sống bằng trí tuệ, minh triết, khoa học, tình thương ... để giáo dục người.

Rồng là thể biểu tượng thể tính hữu vi (hữu hình hữu hoại), tượng trưng sức mạnh vật thể, biến hóa linh động, từ đất thăng lên; thể hiện trong đời sống bằng cấu tạo hình thể, kinh tế, kỹ thuật, sức mạnh và sức cần lao... để bảo vệ và nuôi dưỡng người.

Người là thành tựu do sự giao hòa của thể tính Tiên và thể tính Rồng, chuyển hóa hai thể tính đối kháng thành ngẫu lực, nương nhau mà thành, đẩy nhau mà tiến hóa.

Khi chuyển hóa được hai thể tính đối nghịch đó thành sở năng sử dụng:

- Trong tự thân thì đạt được hoan lạc, an vi.
- Ngoài xã hội thì tạo được thanh bình, hòa cảm.

Vì thế truyện Tiên-Rồng chính là văn kinh của "**Đạo sống Tiên-Rồng**" giúp loài người giải quyết những mâu thuẫn ngày nay.

32 - Thế nào là chuyển hai thể tính đối kháng thành "ngẫu lực tiến hóa"?

Vô vi và hữu vi, tâm với thể, tình với lý, tư gia với xã hội, nhà với nước, tri với hành, khoa học với kỹ thuật, nam với nữ ... là những thể tính mâu thuẫn hay đối cực.

Nếu không tạo được sự hợp tác, thì các thể tính đối cực sẽ trở thành đối kháng và tác loạn gây bất ổn trong bản thể, trong gia đình, trong xã hội ...

Nếu xoay chuyển được để ngẫu hợp những cặp đối lực đó (*hòa đối lưỡng hợp*) thì hóa giải được những xung đột, đồng thời xử dụng được ngẫu lực thành động cơ thúc đẩy sự tiến hóa.

33 - Đạo sống Việt (Tiên-Rồng) đã chuyển những thể tính đối kháng thành ngẫu lực tiến hóa như thế nào?

Thức "*Tiên-Rồng lưỡng hợp*" đã được ứng dụng tự nhiên vào đời sống như một đạo-sống, một sinh thức chỉ đạo cho dòng sinh mệnh của dân tộc Việt trải mấy ngàn năm nay. Hình ảnh lưỡng hợp của những cặp đối, một Tiên một Rồng, hiển hiện dưới thiên hình vạn trạng trong đời sống, trong văn hóa (ý niệm: quốc gia, gia đình, kiên nhẫn, sinh tồn, trồng mái, đôi đũa, cặp đèn, hơi thở ra vào, ngón cái và ngón trỏ... là những thí dụ). Sự hợp tác trọn vẹn đến mức hòa nhập giữa hai thể tính đối cực Tiên và Rồng để tạo thành Việt và một sinh thức dẫn khởi làm lóe sáng ý niệm về đạo sinh tồn, khai mở năng khiếu vận chuyển vạn năng để thành tựu vạn dụng.

34 - Đạo sống Tiên Rồng ứng dụng vào đời sống thực tế như thế nào?

Đối với người Việt, đạo sống Tiên-Rồng là một sinh tức đã nhập tâm, có công năng vận dụng tức thời trong mọi hoàn cảnh để soi sáng mọi nhận định, mọi hành động, mọi đối đãi trong đời sống:

- Cá nhân trong cuộc sống tìm được chữ "*nghĩa*" giữa những giằng co giữa tình và lý; đạt được "*an vi*" giữa những mâu thuẫn của hiện tượng quan (hữu vi) và ý niệm siêu hình (vô vi) ...

- Nhân sinh trong xã hội, giải quyết được những mâu thuẫn giữa tư lợi và công ích, giữa lệ làng và phép vua....

- Nhân sinh trong tiến hóa, hòa giải được tính vô tư của khoa-học và khả năng biến hóa của kỹ-thuật để phục vụ nhân loại (khoa-học: thể tính Tiên, là sự hiểu biết vô tư, là vốn chung cho cả nhân loại. Trong kỷ nguyên ưu thắng của óc duy vật, cái vốn hiểu biết chung ấy đã bị thế lực của kỹ thuật, là thể tính Ròng, cướp đoạt chuyển hóa vào guồng máy kinh tế tư lợi hay guồng máy chiến tranh gây bất ổn cho nhân loại. Ở điểm này kỹ thuật không hề phục vụ nhân sinh như người ta mơ ước).

Từ những nhận xét đó, ta nhận định Đạo sống Tiên Ròng là ánh sáng minh triết của trí tuệ, có sẵn trong mọi người và vận dụng tức thời trong mọi hoàn cảnh, dưới mọi hình trạng để giải quyết những mâu thuẫn nội tại cũng như xã hội, chuyển những đối kháng thành ngẫu-lực nương nhau trong đà tiến hóa phục vụ nhân sinh.

35 - Tại sao không gọi "Đạo sống Tiên-Ròng" hay sinh thức chỉ đạo ấy là Chủ thuyết?

Chủ-thuyết là sản phẩm của ý thức loài người, thường được gọi là "**ý-thức-hệ**". Đạo sống bao trùm cảm thức, ý thức, trí thức và tâm thức kết hợp linh biến, ứng đối vạn năng.

Chủ-thuyết là kết quả của một tiến trình suy luận thuần lý, khởi từ một giả thuyết, qua giai đoạn học thuyết để tiến tới một chủ-nghĩa chính trị. Khi chủ-nghĩa được đem ra áp dụng để cách mạng đời sống thì thân phận con người cũng chẳng khác gì thân phận con vật trong phòng thí nghiệm, được giữ gìn nuôi nấng và rồi giết chết bằng phương tiện của giáo điều chủ-nghĩa.

Đạo sống là dòng sống tự nhiên, kết tinh từ những đợt trắc nghiệm sâu xa, từ giai đoạn huyền thoại, qua triết học, tôn giáo, đến đời sống hàng ngày, từ lúc loài người có mặt trong cuộc sống địa cầu cho tới nay và mãi mãi. Đạo sống luôn luôn tràn đầy sẵn có trong tâm thức mọi người và hiển hiện mọi nơi trong hiện tượng giới. Bất cứ trong hoàn cảnh nào và trước mọi vấn đề, chỉ cần lắng tâm suy nghiệm là thấy Đạo sống hiển hiện giải đáp.

Vì thế ta không gọi sinh thức Tiên-Ròng là chủ-thuyết mà là một đạo sống.

36 - Thế nào là phục văn trong công cuộc phục quốc?

Phục văn là phục hồi Văn hóa Việt, Đạo sống Việt, sinh phong Việt để làm chủ điểm định hướng cho sách lược phục hồi toàn bộ: giáo dục, kinh tế, chính trị, chiến lược ...

37 - Ta phải phục văn như thế nào, và thực hiện điều này trước hay sau khi phục hồi được lãnh thổ?

Từ căn bản cá nhân, đến gia đình rồi xã hội, ta cần phải học hỏi Văn minh của người, rồi tự lắng tâm suy nghiệm để sáng tỏ được văn minh của chính mình, phục hồi được Đạo sống Việt trong chính mình, phục hồi được sinh phong Việt trong chính mình. Sau đó mới giúp người khác cùng xác tín niềm tự hào về văn minh dân tộc, về sức mạnh văn hóa của dân tộc.

- Phục văn vừa là nhân vừa là quả của đại cuộc phục quốc cho nên phải thực nghiệm ngay trong hiện tại như một hành động phục quốc để làm nhân lành cho những thành tựu mai sau.

CHƯƠNG IV

PHỤC HIẾN - DÂN TỘC VĂN HIẾN

38 - Phục hiến là gì?

Là khôi phục ý thức văn hiến, khôi phục lịch sử văn hiến, khôi phục dân tộc văn hiến để khôi phục nước Việt-Nam Văn-hiến.

39 - Văn hiến là gì?

- Trên nền tảng cá nhân, văn hiến có nghĩa là thể hiện được cái lẽ sáng từ trong tâm thức con người; nói rộng hơn, nó là sự biểu lộ trọn vẹn được "văn tính" trong xã hội loài người, do đó người có nhân vị, nhân văn và những xã-hội loài người được biểu thị bằng những vẻ đẹp rực rỡ khác nhau của văn-hóa.

- Trong cuộc tiến hóa của loài người, văn-hiến có nghĩa là một nền văn minh trọn vẹn, bao gồm những tiến bộ về kỹ thuật, văn hóa (**thể hiện của văn minh ngoài con người**) và sự biểu lộ nhân tính khoan hòa (**thể hiện của văn minh trong con người**).

- Trên nền tảng quốc gia, văn hiến là chế độ văn-trị, sáng ngời văn tính, biểu lộ tính nhân bản; tương phản với các chế độ võ-trị lấy sức mạnh để cai trị và chinh phục, hoặc các chế độ pháp-trị, lấy lưỡi gươm công lý và những phán quyết lạnh lùng của luật pháp để trị an ...

40 - Hâu hết đồng bào chúng ta đã từng phục vụ và chiến đấu hy sinh dưới lá cờ Việt-Nam Cộng Hòa để chống Cộng; vậy tại sao không nói khôi phục nước Việt Nam Cộng-Hòa mà lại nói khôi phục một nước Việt-Nam Văn Hiến?

Chúng ta chỉ có một nước Việt -Nam để khôi phục, Vì là công dân nước Việt-Nam nên ai cũng có bổn phận khôi phục tài sản thiêng liêng của tổ tiên tức là nền Văn-Hiến của Việt-Nam.

Cộng-sản không thể khôi phục một nước Việt-Nam Văn-Hiến, vì họ tôn thờ chủ-nghĩa Mác-Lê, chủ trương cướp công nghiệp của tổ tiên để thiết lập một chế độ ngoại lai sắt máu tức là chế độ Xã-hội Chủ-nghĩa rồi tiến đến Cộng-sản Chủ-nghĩa; cũng như Thực-dân trước kia không thể khôi phục một nước Việt-Nam Văn-Hiến giùm chúng ta được, mà phải lập một chế độ Quốc-gia bù nhìn có lợi cho họ. Tương tự như vậy, Tư-bản không thể lập lại chế độ Quốc-gia bù nhìn mà lập chế độ Cộng-hòa ở miền Nam Việt-Nam. Cộng-hòa là một thể chế tiến bộ trong trào lưu dân-chủ của Tây-phương hiện đại.

Vì chúng ta đã là công dân nước Việt-Nam Cộng-hòa, đã học qua bài học nô lệ Thực-dân, phụ thuộc Tư-bản, nô dịch Cộng-sản, cho nên phải thức tỉnh khôi phục cái nguồn gốc chân chính của Việt-Nam Cộng-hòa. Ấy chính là một nước Việt-Nam được xây dựng trên nền Văn-hiến đã có từ bốn ngàn năm trước.

Những công dân Việt-Nam sống dưới chế độ Cộng-sản và không chấp nhận Cộng-sản cũng đều có bổn phận khôi phục một nước Việt Nam Văn-Hiến. Họ không có những liên hệ bổn phận đối với chế-độ Việt Nam Cộng-hòa.

Chiến đấu cho một nước Việt-nam Văn-hiến là cuộc chiến đấu chung của cả dân-tộc. Người Việt-nam đời đời đều lấy chữ "**Văn-hiến**" làm điều

vinh hiển, vì lẽ đó người ta có thể nhìn nhận một sự kiện hiển nhiên: Nước Việt-Nam Văn-Hiến vốn là Tụ điểm sinh tồn của dân tộc Việt.

41 - **Danh xưng Việt Nam Văn Hiến do đâu mà có? và có tự bao giờ?**

Danh xưng "**Nước Việt-Nam Văn-Hiến**" không phải do thế hệ của chúng ta sáng tạo, mà có tự ngàn xưa, nó đã từng chói sáng trong đại cuộc phục quốc của thế kỷ 15 do người nông dân Lê-Lợi và chiến- lược-gia Nguyễn-Trãi lãnh đạo.

Năm 1428 sau khi đuổi được đoàn quân viễn chinh khát máu và lật đổ guồng máy cai trị tàn bạo của giặc Minh, ông Nguyễn-Trãi đã viết thiên "**Bình Ngô Đại Cáo**", được coi là một chương thiên cổ hùng văn, là bản Tuyên-cáo Tự-chủ thứ hai của dân tộc sau Lý Thường-Kiệt.

Bản đại cáo ấy một lần nữa xác định chủ quyền nước Việt-Nam Văn-Hiến:

**Như nước Việt ta từ trước
Vốn xưng Văn-hiến đã lâu
Sơn hà cương vực đã chia
Phong tục Bắc Nam cũng khác**

Như vậy trước thời Đức Lê-Lợi khởi nghĩa đã lâu, nước Việt ta đã tuyên xưng là nước Việt Văn-Hiến.

42 - **Văn Hiến có phải là văn hóa không?**

Văn-hiến không đồng nghĩa với văn-hóa nhưng là một đặc trưng của văn-hóa VIỆT. Có thể nói Văn-Hiến là một thứ Hiến chương lập quốc của dân tộc Việt-Nam, dân-tộc "**vốn xưng văn-hiến đã lâu**".

43 - **Văn Hiến có đồng nghĩa với văn minh không?**

Văn-hiến không hoàn toàn đồng nghĩa với văn-minh theo quan niệm hiện nay, nhưng văn-hiến biểu thị một nền văn minh trọn vẹn, bao gồm những tiến bộ về kỹ thuật (**ngoài con người**) và cái lễ-sáng tự nhiên (**trong tâm thức con người**). Văn-hiến mang nhân-tính vào việc phát sáng sự hiểu biết và quyền năng của loài người.

(Hiểu biết và sử dụng được năng lực nguyên-tử là thành tích tiến bộ của nền văn-minh hiện đại, nhưng khai thác năng lượng nguyên-tử để phát triển vũ khí giết người thì không thể nói là văn minh nữa).

Loài người cần có văn-hiến để thành tựu nhân-bản. Từ đó làm tỏa sáng nền văn-hóa nhân loại. Đó là văn minh đích thực của nhân loại mai sau.

44 - **Phải chăng "nền văn hiến" của dân tộc ta chỉ là một dấu tích vàng son của thời dĩ vãng?**

Nếu "văn hiến" chỉ là dấu tích vàng son của thời đã qua thì dân tộc ta phải gọi là dân tộc "mất văn hiến" mới đúng. Nhưng ta không mất văn-hiến vì ta vẫn còn niềm hãnh diện được kế thừa bốn ngàn năm văn-hiến của tổ tiên.

45 - **Vậy nền văn-hiến ấy ở đâu? Chế-độ Cộng sản đang thống trị hơn năm mươi triệu người Việt Nam có thể được coi là đang kế thừa sự nghiệp văn hiến của tổ tiên không?**

Nền văn-hiến không xây bằng vật chất. Chiếm hữu một gia-sản vật chất không có nghĩa là kế thừa văn-hiến. Văn-hiến ở trong tâm hồn ta, lưu truyền trong dòng máu bất khuất của giống nòi. Văn-hiến trong con người là văn-tính và lẽ sáng tiềm tàng trong con người. Văn tính là một biểu lộ tinh hoa của nhân tính. Người mang nhân tính nên có nhân bản; có nhân bản nên có **nhân vị**.

Chế độ cộng sản chủ trương "đấu tranh giai cấp" huynh đệ tương tàn. Chủ trương ấy không biểu lộ được nhân tính nên không thể gọi là con đường nhân bản, mà là vong bản phi nhân, không kế thừa được sự nghiệp văn hiến.

Đổi lại "**Bọc mẹ trăm con**" là biểu tượng tràn đầy nhân tính, nên chúng ta chọn làm con đường noi theo để kế thừa công nghiệp văn hiến của tổ tiên.

46 - **Các dân tộc khác hay nơi chung loài người có văn hiến hay không?**

Văn-hiến không phải là một danh từ phổ thông trong ngôn ngữ của mọi dân tộc, nhưng cũng như văn-minh, văn-hiến là vốn liếng sinh tồn chung của loài người. Ai cũng có văn hiến, vì văn-hiến là lẽ sáng trong

con người, là vẻ đẹp thể hiện ở nếp sống. Văn-hiến cũng là con đường noi theo của một xã-hội để mọi người biểu lộ được văn-tính khoan hòa trong cách người ta ăn ở với nhau. Văn tính vốn tiềm tàng trong mọi người, và là tinh hoa phát tiết của nhân tính. Biểu lộ được sức mạnh tiềm tàng của văn tính là văn hiến. Người có văn hiến nên không cam tâm làm nô lệ, mà cố gắng đạt nhân vị.

47 - Nếu ai cũng có văn hiến, thì việc phục hiến của mọi người đích thực có nghĩa là gì?

Ai cũng có văn-hiến và dân tộc nào cũng có văn-hiến, nhưng sự kiện không biết đến văn-hiến hoặc chối từ văn-hiến cũng thường xảy ra. Phục hiến trong mọi người là khôi phục sự chỉ đạo sáng suốt trong mọi hành vi để hành vi ấy có ý nghĩa và có sức mạnh.

Sự chỉ đạo sáng suốt ấy là mang nhân-tính vào hành động và loại trừ thú-tính hay phi-nhân-tính ra khỏi các hành động. Bằng cách đó con người biểu lộ được văn-phong (**cũng xin tạm gọi là sinh-phong nhân-chủ**).

Nói cách khác, phục hiến là quy tụ hành động vào cứu cánh phục nhân: khôi phục con người - con người tự chủ, có nhân văn, nhân vị. Có thể nói rộng hơn, phục hiến là khôi phục văn-hiến để thành tựu nhân-bản trong một nếp sống xã-hội cần có sự cộng tác và bao dung tương đối.

48 - Hành động như thế nào để có thể quy tụ vào cứu cánh phục nhân?

Hành động tự nó có biểu lộ được nhân-tính thì mới cứu vãn được nhân sinh, tức là mới cứu được người do cái sinh phong tự-chủ của người hành động:

- Hành động do lòng tham vọng là loạn động, không biểu lộ được nhân tính;
- Hành động do lòng căm hờn là bạo động, không biểu lộ được nhân tính;
- Hành động do lòng đam mê là xuẩn động, không biểu lộ được nhân tính.

Chỉ có hành động với sự sáng suốt, thanh tịnh, tự chủ, mới đạt được nhân tính. Hành động tự chủ cứu được mình, cứu được người, đó là quy tụ vào cứu cánh phục nhân.

49 - Phục hiến trong tâm mức dân-tộc và quốc gia đích thực có ý nghĩa gì?

Là phục hồi nền chính-trị minh triết (tức là nền văn-trị hòa đối) để bảo đảm sự phát triển nền văn-minh nhân bản của dân tộc:

- Lấy Đạo sống Tiên-Rồng để hòa nhập, chuyển hóa những mâu thuẫn nội tại thành ngẫu lực tiến hóa... Thí dụ dân quyền và chính quyền, khoa học và kỹ thuật, an lạc và quyền lợi, gia đình và xã hội, luật và lệ, tâm và thể.

- Lấy biểu tượng "**Bọc Mẹ Trăm Con**" làm mô thức chỉ đạo xây dựng bác ái, bình đẳng và công bằng xã hội.

- Lấy di huấn của Hùng-vương và kinh nghiệm dựng người, dựng nước của tiền nhân làm di chúc lưu truyền xử thế.

- Lấy tinh thần trọng đức - tôn hiền để bảo vệ những công đức của loài người cho mọi người cùng hưởng.

Thí dụ: tôn trọng những nhà khoa học, những người đã mang hết tâm lực trí lực vào việc sáng tạo để phục vụ dân sinh là tôn hiền. Những phát minh của khoa học gia mở rộng tầm hiểu biết của loài người là những công đức. Sự sử dụng những khám phá khoa học ấy cho ích lợi của tất cả mọi người mà không bán độc quyền cho kẻ đầu cơ hay phục vụ cho guồng máy chiến tranh là chia đều công đức của loài người cho mọi người cùng hưởng, đó là trọng đức.

- Lấy sức mạnh thuyết phục của nghĩa nhân (văn tính) thay cho sức mạnh áp bức của cường bạo (vật tính) trong việc trị an.

- Lấy an-vi làm nền tảng xây dựng nếp sống nhân bản.

50 - Loài người ai cũng có văn hiến, vậy ý nghĩa của việc phục hiến có mở rộng đến tâm mức nhân loại không?

Trong phạm vi cứu nước, ta không bàn đến những vấn đề rộng lớn hơn. Tuy nhiên đứng trước những nguy cơ hủy diệt của nhân loại, dân tộc nào cũng có thể nghĩ rằng mình có bổn phận góp phần vào sự cứu nguy nhân loại.

Các siêu cường ra sức chế tạo vũ khí hạch tâm để kiềm chế nhau với hy vọng cứu nhân loại thoát chết vì chiến tranh hạch tâm.

Các quốc gia kinh tế hy vọng bằng phương thức đẩy nhân loại vào guồng máy sản xuất và tiêu thụ, biến loài người thành một thứ sinh vật kinh tế thuần túy sẽ cứu nguy được nhân loại.

Các giới tôn giáo, triết học và nghệ thuật cũng đang cố gắng cứu Nguy nhân loại bằng khí giới của tình thương yêu và sự tha thứ.

Dân tộc Việt-nam được thừa hưởng đạo sống Việt, lại sớm nhận thấy sự sai lầm căn bản của nhân loại ngày nay không phải là những sai lầm lãnh đạo, mà là sai lầm của một nền văn-hóa nhị-nguyên không lối thoát. Do đó dân tộc ta cũng có thể nghĩ rằng mình có một sứ mạng văn hóa. Cái gì làm cho ta nghĩ rằng mình có sứ mạng văn hóa?

Đương nhiên không phải vì chúng ta là những "đỉnh cao trí tuệ của loài người" mà chính vì dân tộc ta từ thời lập quốc đã bị vùi sâu dưới bao nhiêu tầng thử thách, đã mất mát tất cả những khôn ngoan và kiêu hãnh thông thường. Có còn chằng chỉ là sự **thức tâm** để nhìn thấy nhân loại dưới cùng một chiều sâu thăm thẳm của lầm lạc và lầm than. Nhưng chính sự thức tâm ấy là yếu tố cứu vãn của nhân loại, là cú điểm cuối cùng để phục hồi con người.

Sự thức tâm cộng với truyền thống văn hiến là điều kiện cần và đủ để chúng ta nghĩ rằng dân tộc Việt-Nam có thể có một sứ mạng văn hóa và sứ mạng ấy có thể góp phần vào việc cứu vãn nhân loại.

51 - **Phải phục hiện như thế nào? thực hiện việc phục hiện trước hay sau khi phục hồi lãnh thổ?**

Mục tiêu chính là phục hồi một xã-hội văn-hiến.

Từ căn bản cá nhân tới gia đình rồi xã-hội, mọi người tự nuôi dưỡng phát triển "**văn tính**" trong tâm thức để biểu lộ được "**sinh-phong nhân-chủ**" trong cuộc cộng tác sinh tồn.

Áp dụng đạo sống Việt để đạt được chữ "**hòa**" trong cuộc sống, trong suy tư, trong hoạt động. Lấy nếp sống an vi làm nền để xây dựng một xã-hội "**Bọc Mọc Trăm Con**" không có những căm thù và "**đấu tranh giai cấp**".

Phục hiến là nhân và là quả của đại cuộc phục quốc, nên phải thực hiện việc phục hiến ngay trong hiện tại như một hành động phục quốc để làm nhân lành cho những thành tựu mai sau.

CHƯƠNG V

PHỤC CHÍNH - VĂN TRỊ HÒA ĐỐI; KINH TẾ AN VI

52 - Phục chính là gì?

Trên nền tảng **dân sinh**, là phục hồi nền kinh tế an-vi, tạo điều kiện thuận tiện để phát triển đời sống an lạc cho tất cả mọi người;

Trên quan điểm **chính trị**, là phục hồi nền "**văn-trị hòa đối**" của dân tộc ta trong mọi cơ cấu xã hội. Từ "**hòa đối**" đi đến "**lưỡng hợp**" tức là tạo được sự hợp tác xã-hội với sự bao dung tương đối.

53 - Thế nào là nền văn trị hòa đối của dân tộc Việt?

Là nền chính-trị thể hiện được Tình-người và Nghĩa-làm-người trong mọi sinh hoạt quốc-gia, tạo được sự hợp tác xã hội, biến các quan điểm chính trị dị biệt thành "**ngẫu lực tiến hóa**".

Sự hợp tác xã-hội cần phải có sự bao dung, cho nên một nền chính-trị hòa-đối cần phải lấy đạo-sống Việt làm gốc, lấy chủ trương trọng đức tôn hiền làm phương hướng phát triển học thuật, lấy mô thức "**Bọc Mẹ Trăm Con**" làm phương thức xây dựng xã hội . Lấy nước thịnh dân an làm cứu cánh.

54 - Thế nào là nền chính trị lấy đạo sống Việt làm gốc?

Đạo sống Việt áp dụng vô cùng sinh động trong việc an dân lạc quốc. Đạo sống Việt thể hiện được đạo **hòa** trong các tương quan chằng chịt của cuộc sống. Thể hiện được chữ hòa là đạt được thức "**Tiên Rồng lưỡng hợp**" (Hòa-đối lưỡng-hợp).

Nền chính-trị lấy Đạo sống Việt làm gốc sẽ chuyển hóa được hai đối cực **dân** và **nước** thành "**ngẫu lực tiến hóa**"; lấy việc thể hiện Tình người và Nghĩa làm người thay thế cuộc tranh thủ Quyền và Lợi; biến sự

phân chia quyền lợi thành nguyên tắc phân nhiệm, bình quyền thành bình nhiệm (dân-quyền và chính -quyền thành dân-nhiệm và chính-nhiệm). Từ đó, dân lấy "nước lặc" làm phương châm, chính (nhà nước) lấy "dân an" làm cứu cánh. Hai đôi thể nương nhau mà thành, đẩy nhau mà tiến.

Tất cả mọi sinh-hoạt quốc-gia đều như thế mà ngẫu hợp, hòa hài .

55 - Thế nào là lấy chủ trương "trọng đức - tôn hiền" làm phương hướng phát triển học thuật?

Người hiền lấy của cải tinh thần và những phát minh sáng kiến của mình làm công đức xã hội. Xã hội lấy sự tôn trọng công đức ấy làm biểu lộ tôn trọng người hiền. Không ai chiếm hữu của cải tinh thần của dân tộc làm sở hữu riêng để cho mọi công đức đều được chan hòa khắp mọi người và khắp mọi nơi. Đó là phương hướng phát triển tinh hoa học thuật của dân tộc.

Thí dụ: Vua Lý Thánh Tông cho xây văn-miếu ở Thăng Long, cụ Tiên Điền Nguyễn Du để lại Truyện Kiều, người nghệ sĩ vô danh đúc tượng Quan-Thánh bằng đồng đen ở Hà-Nội ... Những kiến tạo và những công trình sáng tạo ấy đã trở thành tài sản văn-hóa chung của cả dân tộc. Những công đức của người sáng tạo phải được tôn trọng. Bảo tồn văn-miếu cũng như bảo trọng Truyện Kiều hay tượng niệm người nghệ-sĩ không tên tuổi ở đền thờ Quan-Thánh kia là tôn trọng những người có công đức với dân-tộc. Xưa nay không ai hủy hoại cổ tích, phá hủy những tác phẩm nghệ thuật hay cất giữ những truyện ký của tiền nhân để lại làm của riêng, ấy là tôn hiền, trọng đức.

Khoa học gia dốc hết tâm trí để khám phá và cung ứng những hiểu biết mới cho loài người là công đức. Tôn trọng sự phát minh của nhà khoa học, không chiếm đoạt làm sở hữu riêng là "tôn hiền". Không xử dụng những phát minh ấy để làm lợi riêng, mà xử dụng làm lợi ích chung cho mọi người là "trọng đức".

Tôn hiền, trọng đức là căn bản giáo dục để phát triển tinh hoa dân tộc và nhân loại.

56 - Thế nào là lấy mô thức "Bọc Mẹ Trăm Con" làm phương thức xây dựng xã hội?

Phật lấy "Từ bi hỉ xả" để cứu độ chúng sanh; Chúa lấy "Công bằng bác ái" để dẫn dắt loài người; Khổng lấy "Tam cương ngũ thường" thực thi trật tự xã hội; Mặc lấy "Bốn biển một nhà" phát triển lòng hào hiệp, nghĩa tương trợ trong nhân quần ...

Ngày nay, Cộng-sản cũng lấy bốn chữ "Đấu tranh giai cấp" để xây dựng xã hội cộng sản huynh đệ tương tàn ...

Chúng ta lấy "**Bọc mẹ trăm con**" để hàn gắn lại Tình-người, làm sống lại cây nhân sinh của dân tộc Việt trên những hoang tàn đổ nát đặng sau những vết chân của loài thú hoang.

Xây dựng lại "**Bọc mẹ trăm con**" là xây dựng lại một xã hội công bằng, bình đẳng, từ ái, hòa hợp. Đó là xã hội đích thực của loài người.

57 - **Thế nào là nước thịnh dân an?**

Nước không có kẻ nô lệ hèn yếu, không có chính sách giáo dục ngu dân, không có văn hóa vong bản là nước thịnh.

Dân có sinh phong nhân chủ, có cuộc sống ấm no, có tài sản tinh thần phong phú là dân an.

Để được nước thịnh dân an, ngoài việc phát triển kinh-tế, còn phải bảo tồn một nền văn-hóa tự chủ và một nền giáo dục quật khởi.

58 - **Thế nào là nước không có kẻ nô lệ hèn yếu?**

Người lãnh đạo không làm nô lệ cho ngoại bang; người lo việc kinh tế chính trị không làm nô lệ cho tham vọng; người làm việc quân sự không ỷ lại, phụ thuộc vào sức mạnh của vũ khí; người làm dân không khuất phục cường quyền hoặc làm công cụ cho guồng máy kinh tế vong bản biến con người thành con vật sản xuất và tiêu thụ. Đó là nước không có kẻ nô lệ hèn yếu.

59 - **Thế nào là "sinh phong nhân-chủ"?**

Ở trên mảnh đất sống của loài người, con người là chủ. Có người thì tương quan Thiên-Địa-Nhân mới lập; không Người thì Trời Đất cũng không. Người với Trời Đất không thể phân lìa ...

Trời thể hiện trí tuệ trong con người; Đất thể hiện kinh tế trong con người; Người biểu lộ sinh phong bằng văn tính và văn chất (văn hóa).

Con người tự tại biểu lộ sự sống tự chủ, không thiên lệch về Thiên (thuần minh triết, vô vi) cũng không thiên lệch về Địa (thuần kinh tế, hữu vi), mà sống **đạo an vi**: làm trong an lạc, hưởng trong thanh

nhàn; không sống cuộc sống eo hẹp, cũng không làm đầy tớ cho lợi nhuận. Đó là sinh-phong nhân-chủ.

60 – Làm thế nào để đạt được "sinh phong nhân chủ" trong cuộc sống?

Bằng cách khôi phục nếp sống an-vi và thành tựu nền kinh-tế an-vi, người ta có thể biểu lộ được sinh-phong nhân-chủ trong cuộc sống xã hội.

61 - Nền kinh tế an vi là gì?

Là nền kinh tế phục vụ cho sự an lạc của mọi người: làm trong an lạc hưởng trong thanh nhàn. An lạc là niềm vui trong tâm hồn. Người Việt ví niềm vui no ấm thanh bình ấy như "**gạo trắng trăng thanh**". Gạo trắng trăng thanh chính là hình ảnh triết lý an-vi Việt. Triết lý ấy lưu truyền như một sinh thức tự nhiên, bàng bạc trong ca-dao tục-ngữ, phong-tục, tập-quán, thành hình một nếp sống an vi thuần hậu.

Có một nếp sống an-vi tức là đã có một nền kinh-tế an-vi, vì kinh tế là huyết mạch của cuộc sống.

62 - Nền kinh tế an vi có từ bao giờ?

Ý thức về một nền kinh-tế an-vi đã được dẫn khởi tự đời Hùng. Sau khi dẹp được giặc Ân, thiên hạ thái bình, vua Hùng-Vương mới truyền mở hội thi cho các quan-lang (hoàng tử) để truyền ngôi cho người hiền đức. Đề tài là món ăn, tức là vật nuôi thân, cũng có nghĩa là kinh-tế. Vua truyền các quan-lang hãy đi khắp nơi tìm món ngon vật lạ. Đến đúng ngày mở hội, ai dâng món ăn ngon nhất và có ý nghĩa nhất sẽ được truyền ngôi.

Ngày ấy, các quan-lang trở về dâng lên vua cha thì đủ các món cao lương, sơn hào, hải vị. Riêng quan-lang Út Tiết-Liêu gói hai thứ bánh gọi là bánh dầy và bánh chưng. Bánh dầy tròn tượng trưng Trời, bánh chưng vuông tượng trưng Đất. Vua nếm thấy món ngon vị lạ, lại đầy đủ ý nghĩa của đạo sống Tiên Rồng bao hàm đạo hiếu kính cha mẹ, đức sinh dưỡng của Trời Đất nguồn gốc của sự sống ... nên Tiết-Liêu được truyền ngôi.

Bánh dầy, bánh chưng làm bằng gạo nếp, tức là cốc loại, vật thực chính của loài người. Bánh dầy tròn và nhuyển, không có góc cạnh

riêng, có nghĩa là "đại đồng", tượng Trời (thiên viên). Bánh chưng vuông, nếp còn nguyên hạt, có góc cạnh khác nhau và hạt gạo phân biệt; tức là "tiểu dị", tượng Đất (địa phương).

Có trời có đất trong vật thực nuôi sống ta, cho nên một triết lý kinh tế của loài người không thể không nói tới Trời và Đất. Nó phải bao hàm cả tinh thần lẫn vật thể, cả vô vi lẫn hữu vi, để chọn cho loài người một chỗ đứng thành thơi an nhàn trong vũ trụ (Trời che đất chở Ta thong thả). Đó là nền triết lý kinh-tế an-vi Việt.

Nền kinh-tế an-vi "nhất sĩ nhì nông" lưu truyền tự nhiên qua các thời đại tự chủ, cho đến khi bị nền kinh tế vật bản Tây phương lấn át.

* Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông. Nhất nông nhì sĩ ...

Kẻ sĩ và nhà nông nương nhau mà sống, không ai lấn át ai. Cho nên kẻ sĩ Nguyễn-Trãi và nông dân Lê-Lợi mới lãnh đạo được công cuộc cứu nước.

63 – **Tư tưởng về một kinh tế an vi ngày nay có còn hợp thời không?**

Người tự chủ có toàn quyền lựa chọn một nếp sống thích hợp với nhu cầu tiến hóa của mình, từ khuynh hướng **kinh tế cưỡng hành** (làm việc do bị người cưỡng bách, bóc lột) đến khuynh hướng **kinh tế lợi hành** (làm việc do sự thúc đẩy của lòng tham lợi), cho đến **kinh tế an vi** (làm việc cho sự an lạc của chính mình và mọi người).

Khi nào loài người còn cần sự an lạc, tức là sự yên ổn trong cuộc dân sinh (an cư) và sự vui thú trong nghề nghiệp (lạc nghiệp) thì còn cần một nền kinh tế an-vi.

Kinh tế an-vi là "**gạo trắng - trắng thanh**". Có gạo trắng mà thiếu trắng thanh thì dù no bụng mà chưa hẳn đã ấm lòng; còn nếu chỉ có trắng thanh thôi thì bụng phải đói.

Ngày nay trong việc lễ Tết ta thường nhớ đến bánh chưng mà quên mất bánh dầy, tức là chú trọng tới lợi nhuận (Địa) mà ít chú trọng đến sự bồi dưỡng tinh thần (Thiên) , nên dù của cải vật chất có phong phú mà vẫn không tìm được niềm an vui hạnh phúc. Đó là tính chất của nền kinh-tế vật bản lợi hành.

64 - **Nền kinh tế an vi của ta quan niệm khác với các nền kinh tế hiện đại như thế nào?**

Các nền kinh-tế hiện đại quan niệm con người giống như những con vật kinh-tế, cho nên lấy kinh-tế để hướng dẫn, uốn nắn nếp sống của loài người.

Con người bị sức mạnh lôi cuốn của các nền kinh tế vật bản hướng dẫn nên phải phục tùng vật chất và trở thành nô lệ cho guồng máy kinh tế. Vì lý do cai trị, đặt căn bản trên quyền và lợi, các thế lực quốc tế dù Tư-bản hay Cộng-sản cũng đều áp dụng chính sách kinh-tế-trị theo những cách thức khác nhau:

- Kinh tế Tư-bản phục vụ cho nhu cầu của con người, nhưng người ta ít khi xác định được biên giới của nhu cầu và lòng tham muốn. Mục đích của Tư-bản là tiêu thụ hàng hóa cho nên phải luôn luôn tạo ra những nhu cầu mới bằng cách biến sự tham muốn thành nhu cầu khiến đời sống con người đáng lẽ được thỏa mãn, thì lại trở nên bất an, bất ổn, vì phải không ngừng chạy theo các nhu cầu vô cùng vô tận của cuộc sống. Kinh-tế Tư-bản sung túc về vật chất, nhưng nghèo nàn về tinh thần, có "gạo trắng" nhưng thiếu "trăng thanh". Tinh thần "lẽ nghĩa" thông thường là tinh thần đạo đức được xây dựng trên nền tảng một xã hội giàu có (phú quý sinh lễ nghĩa). Nếu xã hội đó không còn sự giàu có nữa thì chắc hẳn lễ nghĩa cũng khó còn nguyên vẹn.

- Chủ-nghĩa Cộng-sản lấy sự phê bình kinh tế Tư-bản tạo thành chiến thuyết "đấu tranh giai cấp" (K. Marx gọi đó là sự xung đột chủ yếu không thể tránh được giữa những kẻ bóc lột và những người bị bóc lột).

Kinh tế Cộng-sản nhân danh phục vụ cho sự xây dựng thiên đường Cộng-sản, đã tước đoạt quyền sống sung túc của nhân dân (bần cùng hóa nhân dân); các chế độ Cộng-sản lại cố ý quên mất nhu cầu sống an vui, tự chủ của mọi người (nô dịch hóa quần chúng), cho nên xã hội kinh-tế Cộng-sản đã nghèo nàn vật chất lại khô cạn cả tinh thần; cả "gạo trắng" lẫn "trăng thanh" đều bị tước đoạt và phân phối hạn chế.

65 – **Làm thế nào có thể phục hồi một nền kinh tế an vi trong xã hội Việt Nam?**

Ý thức về một nền kinh tế an-vi là ý thức tự chủ, không nô lệ kẻ có tham vọng và cũng không nô lệ cho những tham vọng của chính mình. Đó là một ý thức xã-hội nên cần phải lấy việc giáo dục để hướng dẫn.

Lấy giáo dục phục hồi nếp sống an-vi (nếp sống an-vi là cơ sở dân sinh của đạo sống Việt).

Khi đã thấm nhuần đạo sống an-vi thì con người tự có khuynh hướng áp dụng nếp sống an-vi, tức là muốn làm việc cho sự an lạc của mình và của mọi người, chứ không phục vụ cho tham vọng của người và lòng tham của mình.

Xã hội (chính quyền) có bốn phận bảo đảm nếp sống an-vi của mọi cá nhân bằng cách tôn trọng cách sống và cung ứng phương tiện sống thích hợp với sự lựa chọn ấy mà không làm trở ngại sự phát triển an-sinh xã hội.

Cá nhân có bốn phận đóng góp cho xã hội những sản phẩm và khả năng của mình để bảo đảm sự thịnh vượng và an lạc cho xã hội mà không cảm thấy bị bóc lột và mất sự an vui.

66 - Phục chính phải thực hiện trước hay sau khi phục hồi được lãnh thổ?

Phục chính là nhân và quả của công cuộc phục quốc.

Ý thức về một nền văn-trị hoà-đối (cơ sở chính trị) và một nền kinh-tế an-vi (cơ sở dân sinh) cần phải được thấm nhuần nơi mỗi cá nhân để trở thành ý thức xã-hội. Hơn nữa nó phải được phục hồi trong mỗi cá nhân. Do đó mỗi người phải tự khám phá và thể nghiệm ngay trong hiện tại và ngay trong đời sống như một hành động phục quốc để làm nhân lành cho những thành tựu mai sau.

CHƯƠNG VI

PHỤC NHÂN - XÃ HỘI NHÂN CHỦ

67 - Phục Nhân là gì?

Phục nhân là khôi phục con người tự-chủ làm chủ vận hành trong những tương quan đối đãi vô cùng của cuộc sinh tồn. Con người tự-chủ là gốc rễ của xã hội nhân-chủ (hay nhân-bản).

68 - Ý nghĩa của sự khôi phục con người tự chủ là gì?

Con người không sinh ra để làm nô lệ. Tự-chủ là một tâm-thức tự nhiên có.

Tâm-thức tự-chủ và sự hiểu biết về nền nhân-chủ của Việt tộc đã được nhận thấy từ thời dựng người dựng nước (xem câu 28). Tâm thức ấy chuyển hóa thể tính Rõng (cha) và thể tính Tiên (mẹ) để thành tựu thể "Hòa", thành tựu con người an vui, không thiên lệch (Lạc Việt).

Người tự-chủ làm chủ được những thể tính đối kháng luân chuyển trong tự thể mình nên không bị bánh xe tiến hóa của vạn vật chuyển, mà tự mình chuyển bánh xe tiến hóa.

69 - Trong đời sống thực tế, khôi phục con người tự chủ là gì? và có ích lợi gì?

Loài người dưới ảnh hưởng của triết học chính-tri Tây-phương đã chìm đắm quá sâu và gúa lâu trong hai ý niệm **quyền** và **lợi**, cho nên người ta đã dồn hết nỗ lực vào cuộc chiến đấu cho sự "**độc lập**" tức là đứng riêng mình để khư khư bảo vệ quyền lợi của mình. Nhưng có độc lập rồi, con người lại bị xâu xé bởi chính những đối kháng nội tại khiến lại thấy bất ổn.

Nếu người không thể vận hành để chuyển hóa được những đối kháng nội tại ấy, thì tự thể mình chính là một bãi chiến trường khốc liệt nhất.

Chỉ có con người tự-chủ mới bảo toàn được hạnh phúc, an lạc trong cuộc sống, vì con người tự-chủ không nô lệ người và làm chủ được chính mình, hoàn toàn tự do tự tại. Khôi phục con người tự-chủ là phục hồi được hạnh phúc cá nhân và an lạc xã hội.

70 - Như vậy thế nào là con người tự chủ? Con người tự chủ góp phần gì trong xây dựng xã hội và quốc gia?

Con người tự chủ là gốc rễ của xã-hội tự-chủ. Xã-hội tự-chủ là thành phần nền tảng của quốc gia tự chủ.

- Con người vận hành và chuyển hóa, làm chủ được hai thể tính đối kháng (Tiên Rõng) trong tự thể mình. Trong thì sáng tỏ được văn tính khoan hòa, ngoài thì biểu lộ được sinh phong nhân chủ. Đó là người tự chủ.

- Người tự chủ không coi quyền và lợi là đối tượng tranh thủ, mà lấy an và lạc làm mục tiêu xây dựng cuộc sống chung. Đó chính là tinh thần xã hội "**bọc mẹ trăm con**", lấy tình cốt nhục để tượng trưng cho tương quan xã hội, một xã hội đùm bọc, bao dung và không cần thiết phải tranh quyền đoạt lợi.

- Xã hội tự-chủ "**bọc mẹ trăm con**" không có giai cấp và đẳng cấp đấu tranh, kết hợp thành tinh thần quốc-gia tự-chủ... Tổ tiên ta chọn hai chữ tự chủ mà không dùng hai chữ độc-lập kể từ những cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng, Bà Triệu và ông Ngô-Quyền để biểu hiệu cho sức mạnh và đức hiếu hòa của dân tộc Việt (uy đức). Vì ý nghĩa đó mỗi lần đuổi được xâm lăng phương Bắc, các triều đại cường thịnh của ta vẫn giữ lễ, triều cống bắc phương để tỏ mình là dân tộc văn hiến, hiếu hòa. Chỉ khi nào giặc phương bắc tham lam xâm lấn làm dân chúng tàn hại lầm than, mới lại có những ông Lý Thường-kiệt, Trần Hưng-Đạo, Lê-Lợi, Nguyễn Huệ ... tụ họp dân quân khởi nghĩa để bảo cho chúng biết rằng quốc-gia ta là quốc-gia tự-chủ, dân tộc ta là dân tộc văn-hiến, sức mạnh của dân tộc ta là sức mạnh văn-trị...

71 - **Con người tự-chủ góp phần gì trong đời sống văn hóa?**

Do "**phục văn**", con người tự-chủ tỏa rộng được cái "**sinh-phong nhân-chủ**" của mình, bởi vì đã chuyển hóa được "**văn tính**" và "**văn chất**" trong tự thể thành hình hài thành dáng dấp "**nhân-văn**". Nhân văn là biểu lộ của nhân tính, là vết tích sinh động của loài người đích thật; thú vật chỉ có vết mà không có văn. Ở sự biểu lộ được nhân-văn ấy, người tự-chủ đã góp phần vào việc phục hồi văn-hóa nhân-bản để thành tựu một xã-hội nhân-chủ.

72 – **Con người tự chủ góp phần gì trong nếp sống văn minh?**

Từ "**Phục hiến**", con người tự chủ vận hành chuyển hóa nhân đức (thể Tiên) và nhân-năng (thể Rồng) thành nhân-vị (thể hòa) để định nghĩa chữ văn minh, vốn là sự tỏa sáng của nền văn hóa phục vụ loài người và tôn vinh con người (nhân-vị).

Thực vậy, nếu cái "**đức**" của con người chưa đủ để được nhìn nhận là văn minh, thì cái "**năng**" của loài người có khi lại được xử dụng như những nhân tố gây tác hại khủng khiếp nhất.

Do đó thành tựu được nhân-vị là ngự trị, là xử dụng, là vận hành, là chuyển hóa được cả Đức lẫn Năng. Đó là biểu lộ của sức mạnh văn trị, là làm sáng tỏ được nghĩa chữ văn minh.

73 - **Con người tự chủ góp phần gì trong đời sống kinh tế?**

Từ phục bồi đạo sống an-vi (cơ sở kinh-tế của đạo sống Việt), con người tự chủ dung hòa được những đối kháng nội tại: nhu cầu vật chất (thể Rỗng) và an lạc tinh thần (thể Tiên).

Vì nhu cầu vật chất người phải làm việc để sống, nhưng sống để đạt được an lạc tinh thần (an hành).

Con người tự chủ biết sống nếp sống an vi. Nếp sống an vi làm môi trường thành tựu con người tự chủ.

74 - **Con người tự chủ góp phần gì trong đời sống chính trị?**

Từ "**phục chính**", con người tự chủ nhận định được phương vị của những yếu tố tâm và vật, chung và riêng ... trong đời sống để chuyển thành những "**ngẫu lực tiến hóa**" (thể hòa) trong guồng máy chính trị.

Một trong những thể chế chính-trị đang thành hình thể hòa là chế độ lưỡng đảng. Lưỡng đảng tạo thành hai đối thể Tiên Rỗng để tiến tới thể hòa trong một nền chính-trị minh triết (hòa đối, lưỡng hợp).

Lưỡng đảng cần thiết cho sinh hoạt chính-trị và sự tiến hóa của quốc-gia như hai hơi thở ra và vào cần thiết cho mạng sống con người.

Nhưng nếu con người lấy quyền và lợi làm cứu cánh, thì lưỡng đảng có thể đưa đến bất hòa, xung đột, đổ vỡ, bất hạnh, thoái hóa. Chỉ có con người tự chủ, biết lấy An và Lạc thay cho Quyền và Lợi, mới chuyển được guồng máy lưỡng đảng, do đó chính trị mới đạt được mục đích của nó là đem lại an vui, hạnh phúc và tiến bộ cho dân chúng.

75 - **Con người tự chủ góp phần gì trong việc quân sự, quốc phòng?**

Dân với quân là hai đối thể Tiên Rỗng. Khi đạo quốc phòng suy đồi thì người ta than: "**Bạc bẽo là dân, bất nhân là lính**" toàn những kẻ không ra gì, không ai nương tựa vào ai được.

Khi quân cần ẩn nấp vào dân, lấy dân làm bia đỡ đạn và nguồn cung cấp thực phẩm thì người ta hô hào: "**Quân với dân như cá với nước**". Tuy vậy đó mới là chiêu bài vì thực tế lính vẫn còn bất nhân, ta tát hết nước thì bắt được cá, lấy hết dân thì "**giặc**" phải lộ nguyên hình.

Con người tự chủ biết mình là dân lúc nước bình, là quân lúc nước loạn; là dân lúc xây dựng và là quân lúc chiến đấu. Quân với dân là một... Đó là nguyên lý tổ chức dân quân (thể hòa).

Dân-quân là lực lượng xây dựng và chiến đấu, lấy Nghĩa Nhân Làm sức mạnh; lấy khí cụ và khí giới làm phương tiện.

Đừng làm lẫn phương tiện với sức mạnh. Phương tiện chỉ làm tăng thêm sức mạnh. Còn sức mạnh thì dù chưa có phương tiện cũng sẽ tìm ra phương tiện; không có sức mạnh thì phương tiện tốt cũng chỉ là sắt vụn, đồng nát mà thôi. Sức mạnh đó là sức mạnh tiêu biểu của nền văn-trị.

76 - Làm thế nào để khôi phục con người tự chủ trong những ràng buộc và nhiễu loạn của cuộc sống?

Mỗi người có một năng khiếu riêng nên sẽ tìm thấy một đường lối riêng trong những phương thức khái quát chung để tự khôi phục con người tự chủ:

- Phục văn, sống với đạo sống tự nhiên chân thật để biết tự-chủ.
- Phục hiến, luôn luôn mang sự sáng suốt vào hành động để phát triển năng khiếu tự-chủ.
- Phục chính, quen sống nếp sống an-vi để làm vững bền tính tự-chủ.
- Lấy sự tập luyện điều ngự hơi thở ra vào (tức là hai năng lực Tiên Rồng làm chủ sự sống) để đạt được năng lực tự-chủ.

77 - Cứu cánh của việc Phục nhân là gì?

Nếu mỗi người có thể khôi phục năng khiếu tự-chủ của mình thì nếp sống kinh-tế và văn-hóa xã-hội sẽ biến dạng. Từ nền tảng xã-hội tự chủ sẽ xây dựng được một quốc-gia tự-chủ.

Tinh thần quốc-gia tự-chủ sẽ phá hủy ý niệm siêu-cường và nhược tiểu, để quốc và giải phóng, hủy diệt tư tưởng bá quyền và các kỹ thuật

trục lợi trên mồ hôi và nước mắt của nhân loại. Đó là con đường tiến hóa, kiến tạo xã-hội nhân bản của loài người.

Vậy cứu cánh của việc phục nhân là xây dựng một xã-hội nhân-chủ.

78 - Ta có thể xác định thời điểm khởi sự việc phục nhân để thành tựu công cuộc phục quốc không?

Cứu cánh phục nhân là xã-hội nhân-chủ, nhưng phải xác tín rằng phục nhân là khởi điểm, là trọng điểm và cũng là chung điểm của công cuộc phục quốc.

Nếu không phục nhân thì không có sức mạnh phục quốc. Nếu không phục nhân thì không có đối tượng phục quốc. Nếu không phục nhân thì không có cứu cánh phục quốc.

Phục quốc là cứu nước, cứu nước là cứu người, cứu người là việc nhân đức; vậy phục quốc là làm việc nhân đức. Quốc Tổ Lạc Long Quân là hiện thân của nhân đức (cụ già áo đỏ nô đùa với đám con nít, biểu tượng hỏa đức). Phương Nam hành hỏa, cũng là phương hướng tối hậu của sự thành tựu nhân bản. Phục quốc khởi từ phương Nam, lấy phương Nam làm phương hướng tác hành, nên phải lấy "**nhân**" làm căn bản hành động. Hòa được "**nhân tâm**" là chiếm được "**tâm địa**". Tâm địa là địa lợi tối yếu và tối hậu của chiến lược, Vì thế "**phục nhân**" là trọng điểm của chính lược phục quốc.

Phục nhân lúc nào? Một khi đã xác tín việc phục nhân, thì tự nhiên trong mọi hành động, mọi tư tưởng, mọi hơi thở... chúng ta đang phục nhân.

Tạo điều kiện và nếp sống thuận tiện cho mọi người cùng phục nhân là trọng điểm của chính sách phục quốc ./.

Phụ lục: Bình Ngô Đại Cáo

BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO

TRÍCH LỤC

Bản dịch của BÙI KỶ (*)

Tượng mảng:

**Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt chỉ vì khử bạo,
Như nước Việt ta từ trước,
Vốn xưng văn hiến đã lâu,
Sơn hà cương vực đã chia,
Phong tục bắc nam cũng khác.
Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng cứ một phương,
Dẫu cường nhược có lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.**

Vậy nên

**Lưu Cung sợ uy mất vía,
Triệu Tiết nghe tiếng giật mình,
Cửa Hàm Tử giết tươi Toa Đô,
Sông Bạch-Đằng bắt sống Ô-Mã,
Xét xem cổ tích,
Đã có minh trưng,**

Vừa rồi

**Vì họ Hồ chính sự hiền hà,
Để trong nước nhân dân oán hận,
Quân cường Minh đã thừa cơ tứ ngược,
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh,
Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.**

Chước đối đủ muôn nghìn khoé,
 Ác chứa ngót hai mươi năm.
Bại nhân nghĩa nát cả càn khôn,
Nặng khóa liêm vét không sơn trạch,
Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống biển mò châu,
Nào hố bẫy hươu đen, nào lưới dò chim trả,
 Tàn hại cả côn trùng thảo mộc,
 Nheo nhóc thay! quan quả diên liên,
Kẻ há miệng, đũa nhe răng, máu mỡ bầy! no nê chưa chán,
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa,
 Nặng nề về những nỗi phu phen,
 Bất bớ mất cả nghề canh cửi.
Độc ác thay! trúc rừng không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay! nước bể khôn rửa sạch mùi,
 Lẽ nào trời đất tha cho,
 Ai bảo thần nhân nhịn được.

Ta đây:

 Núi Lam-Sơn dấy nghĩa,
 Chốn hoang dã nương mình,
 Ngấm non sông căm nỗi thế thù,
 Thề sống chết cùng quân nghịch tặc,
Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy nắng mưa,
 Nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối,
 Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,
 Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.
 Những trần trọc trong cơn mộng寐,
 Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi,
 Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
 Chính lúc quân thù đang thịnh,

Lại ngặt vì:

 Tuần kiệt như sao buổi sớm,
 Nhân tài như lá mùa thu,
 Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần,
 Nơi duy ác hiểm người bàn bạc,
Đôi phen vùng vẫy, vẫn dăm dăm con mắt dục đông,
 Mấy thuở đợi chờ, luống đàng đặng cỗ xe hư tả.
Thế mà trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mịt mà như kẻ
 vọng dương,

Thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội vã như khi chứng nịch.
Phần thì giận hung đồ ngang dọc,
Phần thì lo quốc bộ khó khăn,
Khi Linh sơn lương hết mấy tuần,
Khi Khôi huyện quân không một đội,
Có lẽ trời muốn trao ta gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma,
Cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử.
Thế giặc mạnh, ta yếu mà địch nổi,
Quân giặc nhiều, ta ít mà được luôn.

Dọn hay:

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân mà thay cường bạo.
Trận Bồ Đằng sấm vang sét dậy,
Miền Trà-Lân trúc phá tro bay,
Sĩ khí đã hăng,
Quân thanh càng mạnh,
Trần-Trí, Sơn-Thọ, mất vía chạy tan.
Phương-Chính, Quý-An tìm đường trốn tránh.
Đánh Tây-kinh phá tan thế giặc.
Lấy Đông-đô thu lại cõi xưa,
Dưới Ninh-kiều máu chảy thành sông,
Bến Tụy-Động xác đầy ngoài nội,
Trần-Hiệp đã thiệt mạng,
Lý- Lương lại phơi thây.
Vương-Thông hết cấp lo lường,
Mã-Anh khôn đường cứu đỡ.
Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao,
Ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất.
Tưởng nó đã thay lòng đổi dạ, biết lẽ tới lui,
Ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội nghiệt,
Cậy mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người,
Tham công một thời, chẳng bỏ bầy trò dở duốc.
Đến nỗi đứa trẻ con như Tuyên Đức, nhàm võ không thôi
Lại sai đồ nhút nhát như Thạch, Thăng đem dầu chữa cháy,
Năm Đinh-Mùi tháng chín,
Liễu-Thăng từ Khâu-Ôn tiến sang
Mộc-Thạch từ Vân-Nam kéo đến.
Ta đã điều binh thủ hiểm, để ngăn lối Bắc quân,
Ta lại sai tướng chẹn ngang, để tuyệt đường lương đạo.

Mười tám, Liễu- Thăng thua ở Chi-Lăng
Hai mươi, Liễu-Thăng chết ở Mã-Yên,
Hai mươi lăm, Lương-Minh trận vong,
Hai mươi tám, Lý-Khánh tự vận,
Lưỡi đao ta đang sắc,
Ngọn giáo gặc phải lụi,
Lại thêm quân bốn mặt vây thành
Hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc.
Sĩ tốt ra oai tì hổ
Thần thứ đủ mặt trảo nha.
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận sạch không kình ngạc,
Đánh hai trận tan tác chim muông
Cơn gió to trút sạch lá khô,
Tổ kiến hồng sục toang đê cũ.
Thôi-Tụ phải quỳ mà xin lỗi
Hoàng-Phúc tự trói để hàng.
Lạng-Giang, Lạng-Sơn, thân chất đầy đồng,
Xương-giang, Bình-Than, máu trôi đỏ nước.
Ghê gớm thay! sắc phong vân phải đổi,
Thảm đạm thay! sáng nhật nguyệt phải mờ.
Binh Vân-Nam nghẽn ở Lê-Hoa, sợ mà mất mặt.
Quân Mộc-Thạch tan chưng Cần- Trạm, chạy để thoát thân,
Suối máu Lãnh-Câu, nước sông rền rĩ,
Thành xương Đan-Xá, cỏ nội đầm đìa.
Hai mặt cứu binh, cắm đầu trốn chạy,
Các thành cùng khấu, cởi giáp xuống đầu.
Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội,
Thế lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh.
Mã-Kỳ, Phương-Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền ra đến
bể chưa thôi trống ngực,
Vương- Thông, Mã-Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu
còn đổ mồ hôi.
Nó đã sợ chết cầu hòa, mở lòng thú phục,
Ta muốn toàn quân làm cốt, cả nước nghỉ ngơi.
Thế mới là mưu kế thật khôn,
Vả lại suốt xưa nay chưa có.
Giang san từ đây mở mặt,
Xã tắc từ đây vững bền.

Nhật nguyệt hối mà lại minh,
Kiền, Khôn, Bỉ mà lại Thái.
Nền vạn thế xây nên chẵn chẵn.
Thẹn nghìn thu rửa sạch lâu lâu.
Thế là nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng giúp đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi!
Vầy vùng một mảnh nhung y, nên công đại định.
Phẳng lạng bốn bề thái vũ, mở hội vĩnh thanh,
Bá cáo xa gần,
Ngỏ cùng nghe biết.

(*) Bình Ngô Đại Cáo nguyên bản Hán văn và bản dịch của cụ Bùi Kỳ, được trích lại trong Lam Sơn Thực Lục (trang 50, 51 và 64, 70) .

----- HẾT -----

Nguồn <http://nguoidanbinhthuong.org/Ccd/ccdph1frset.htm>

Sao Lục: Nam Phong

www.vietnamvanhien.net

www.vietnamvanhien.org

www.vietnamvanhien.info

www.vietnamvanhien.com



vietnamvanhien.net